



S.TSKH. Lê Hồng Mận

KỸ THUẬT CHĂN THẢ GÀ TẠ Ở VƯỜN ĐỒI



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ

GS.TSKH. LÊ HỒNG MẶN

KỸ THUẬT CHĂN THÀ GÀ TA Ở VƯỜN ĐỜI

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ

Lời nói đầu

*T*rong những năm gần đây, chăn nuôi gia cầm đang có xu thế phát triển, chăn nuôi trang trại, gia trại, nông hộ.

Đến đầu năm 2007, cả nước đã có 2.837 trang trại gia cầm, chiếm 16,01% tổng số trang trại chăn nuôi, trong đó 1950 trang trại gà, bao gồm xí nghiệp, trại nuôi tập trung công nghiệp, kiểm soát bằng rào chắn và chăn nuôi bán tập trung công nghiệp.

Trang trại, gia trại, nông hộ nuôi gà thường nuôi gà ta, bao gồm các giống gà nội hoặc gà vườn lông màu nhập nội đã thích nghi tốt. Các giống gà ta có đặc tính cân cù, chịu khó kiếm mồi, ấp và nuôi con, thịt thơm ngon, nhất là gà Ri và gà Ri pha.

Gà ta đẻ trứng sớm, đẻ kéo dài, không thay lông ồ ạt nên tỷ lệ đẻ đều qua các tháng, có thể khai thác trứng ở năm đẻ thứ 2, thậm chí cả năm thứ 3. Khẩu phần thức ăn nuôi gà ta không cao (13 - 16%) vẫn nuôi được gà Ri đẻ trứng.

Trong qui hoạch chăn nuôi gia cầm khuyến khích chuyển dịch chăn nuôi trang trại công



nghiệp lên các vùng trung du, vùng còn nhiều quỹ đất, mật độ chăn nuôi thấp, dân cư thưa, khuyến khích chuyển đổi các vùng đất trống, trồng trọt kém sang chăn thả gia súc, gia cầm.

Chăn nuôi gia cầm trong nông hộ tự túc, tự cấp cũng phải được tổ chức lại cơ sở chăn nuôi có tường rào, hàng rào ngăn cách, bảo đảm dễ dàng kiểm soát dịch bệnh. Hưởng ứng cuộc vận động "hai không, ba có" trong chăn nuôi là: không nuôi thả rong, không sử dụng chất cấm; "có chuồng trại, có tiêm phòng, có giải pháp an toàn sinh học"..., để hạn chế dần việc chăn nuôi thả rong, khống chế lây lan dịch bệnh.

Góp phần giúp bà con nông dân hiểu sâu hơn về giống gà ta và kỹ thuật chăn nuôi, cuốn **"Kỹ thuật chăn thả gà ta ở vườn đồi"** sẽ giới thiệu các giống gà vườn nội và nhập nội, kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng và phòng một số bệnh thường gặp ở gà ta.

Xin chân thành cảm ơn.

Tác giả



I. CÁC GIỐNG GÀ (TA) VƯỜN

1. Giống gà vườn nội

1.1. Gà Ri và Ri pha

Là giống gà ta nuôi khắp các vùng miền trong nước, trung du, đồng bằng nhất là các tỉnh phía Bắc, ở miền Nam gà Ri có tên gọi là gà Ta vàng. Tài liệu trong nghiên cứu về khảo cổ và di chỉ tìm được thì cách đây trên 3300 năm vùng nuôi gà sớm nhất ở nước ta là giữa hai dãy núi Ba Vì và Tam Đảo. Giống gà nuôi lúc đó nhỏ, khả năng sinh sản thấp.

Quá trình phát triển điều kiện khí hậu, đất đai, tập quán, trình độ canh tác v.v... đã tạo nên các giống gà khác nhau trong đó, chủ yếu gà Ri, Ri pha là phổ biến và một số giống gà ta khác.

Những nét đặc trưng nhất của gà Ri thân hình nhỏ, chân thấp. Gà trống có bộ lông sặc sỡ nhiều màu, lông vàng xen lẫn màu nâu chín, lông cổ đỏ tía, hoặc da cam, lông cánh ánh đen, lông đuôi đen. Gà mái lông vàng rơm (vàng nhạt) chiếm phần nhiều, màu lông vẫn sọc dưa vì có 2 sọc đen ở lưng, điểm đốm đen ở cổ, đầu cánh và chóp đuôi. Chân, da, mỏ gà Ri vàng nhạt, mào đơn (mào cờ) trên 95% nhiều khía răng cưa, màu đỏ tươi. Gà Ri mọc lông sớm, trên 1 tháng tuổi gà con đã mọc đủ lông.

Gà Ri đẻ sớm, quả trứng đầu tiên vào 135 - 140 ngày tuổi. Sản lượng trứng gà Ri chẵn thả 80 - 90 quả, nuôi bán chẵn thả cho ăn thêm đủ khẩu phần thức ăn 123 - 124 quả/mái/năm. Khối lượng trứng bé 42 - 45g, màu



vỏ trứng nâu nhạt người tiêu dùng ưa thích. Tỷ lệ phôi 80 - 90%, ấp nở 80 - 85% cao hơn các giống gà ta khác.

Khối lượng gà con một ngày tuổi 25 - 28g, gà mái vào đẻ 1,2 - 1,3kg và trưởng thành 1,7 - 1,8kg, gà trống 2,2 - 2,3kg. Nuôi gà thịt chăn thả. Nuôi gà Ri thịt bán chăn thả 120 ngày tuổi con trống 1,7kg, gà mái 1,2kg.



Gà trống Ri



Gà mái Ri

Gà Ri cần cù, chịu khó tìm kiếm mồi ở vườn đồi sự chống chịu thay đổi thời tiết, bệnh tật cao, tính ấp cao, khéo nuôi con.

Thịt gà Ri chăn thả rất chắc, ngon, thơm, đậm đà. Trứng gà Ri bé nhưng tỷ lệ lòng đỏ cao 34% (các giống khác 27 - 30%), và vàng đậm hơn trứng gà khác.

Gà Ri đẻ cao hơn các giống gà ta khác, đẻ sớm, kéo dài. Gà không thay lông ô ạt như gà công nghiệp cho nên tỷ lệ đẻ đều đều qua các tháng, có thể đẻ đến năm thứ 2, thậm chí có con đẻ đến năm thứ 3.

Khẩu phần dinh dưỡng có tỷ lệ protein thấp 13 - 14% vẫn nuôi gà đẻ đều.

Gà Ri lai với các giống gà ta như gà Đông Tảo, gà



Mía, gà Hồ... ngày càng nhiều, hoặc lai với các giống gà vườn lông màu nhập nội như Lương Phượng, Kabir, Rhode,... được gọi là Ri pha có tầm vóc to hơn, năng suất có cải tiến, màu lông có ít nhiều thay đổi, được người tiêu dùng ưa thích.

- Gà Ri lai R1A và R1B

Kết quả nghiên cứu của Hồ Xuân Tùng - Trung tâm nghiên cứu gia cầm (Vạn Phúc) đã kết luận tổ hợp lai R1A $\rightarrow$ R1B lai giữa gà Ri và gà Lương Phượng (R1A $\rightarrow$ LP x (LP x Ri) và R1B $\rightarrow$ LP x (Ri x LP) nuôi ổn định 3 đời có năng suất trứng thịt cao hơn gà Ri và gà lai có 3 nhóm màu lông chủ yếu là vàng đậm có lông đen ở đuôi và cánh, vàng rơm có lông đen ở đuôi và cánh và xám đốm đen phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

- Nuôi sinh sản

Gà R1A có tỷ lệ nuôi sống giai đoạn gà con 1 - 5 tuần tuổi là 92,6 - 95,9%, tính cả giai đoạn 1 - 19 tuần tuổi là 86,6 - 90,9%, khối lượng cơ thể 19 tuần tuổi là 1662,6 - 1711,7g, tuổi đẻ quả trứng đầu tiên 137 - 145 ngày, sản lượng trứng 52 tuần tuổi/mái là 116,67 - 118,3 quả, tiêu tốn thức ăn cho 10 quả trứng là 2,72 - 2,88kg. Tỷ lệ trứng có phôi 90 - 92%, tỷ lệ ấp nở 82,8 - 84,42%.

Gà R1B có tỷ lệ nuôi sống gà con 1 - 5 tuần tuổi là 92,5 - 96,6% và tính cả giai đoạn 1 - 19 tuần tuổi là 86,3 - 89%. Khối lượng cơ thể 19 tuần tuổi là 1726,7 - 1749,6g, tuổi đẻ quả trứng đầu tiên từ 133 - 145 ngày. Sản lượng trứng 52 tuần tuổi/mái là 114,83 - 117,04 quả, tiêu tốn thức ăn cho 10 quả trứng là 2,77 - 2,8kg.



- Nuôi thịt

Gà R1A và R1B nuôi thịt đến 12 tuần tuổi có tỷ lệ nuôi sống đạt cao 97 - 100%, khối lượng cơ thể 2069,1 - 2095,6g/con; tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng cơ thể 3,23 - 3,28kg.

- Nuôi trong các nông hộ

Gà R1A và R1B nuôi sinh sản có tỷ lệ nuôi sống đạt 91 - 93,5%, sản lượng trứng 52 tuần tuổi/mái đạt 111 - 115 quả, tiêu tốn thức ăn cho 10 quả trứng 3,15 - 3,3kg.

Gà R1A và R1B nuôi thịt đến 12 tuần tuổi có tỷ lệ nuôi sống 94,4 - 96,4%, khối lượng cơ thể 1854 - 2030g/con, tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng cơ thể 2,84 - 3,02kg.

1.2. Gà Đông Tảo

Là giống gà địa phương hướng thịt ở thôn Đông Tảo, xã Cấp Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Đến nay gà Đông Tảo nuôi nhiều nơi trong tỉnh Hưng Yên và các tỉnh Hải Dương, Hà Nội, Thái Bình, Hà Nam v.v...

Gà Đông Tảo to, thô, chân to, cổ ngắn, mào kép, mọc lông chậm. Con trống lông màu nâu chín (màu mã linh) chiếm đa số. Gà mái có lông màu lá chuối khô, chiếm đa số và lông màu nồn chuối chiếm số ít. Màu lông gà Đông Tảo ít pha tạp hơn



Giống gà Đông Tảo



gà Ri. Gà mái Đông Tảo có da màu trắng đục, gà trống có da bụng và da cổ màu đỏ.

Gà Đông Tảo đẻ muộn lúc 20 ngày tuổi, con trống 4,8kg, con mái 3,5kg. Năng suất trứng 10 tháng đẻ 68 quả/mái, trứng có phôi 90%, tỷ lệ nở 68%. Gà nuôi thịt 14 tháng tuổi con trống đạt 2,4kg, con mái 1,8kg. Thường dùng gà trống Đông Tảo lai với mái Ri, Lương Phượng, Kabir cho gà lai nuôi thịt mau lớn, màu lông giống gà ta, thịt ngon thơm.

1.3. Gà Hồ

Xuất xứ từ làng Lạc Thổ, xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, có diện phân bố hẹp, tại địa phương Bắc Ninh là biểu tượng văn hóa tranh gà Hồ.

Gà Hồ có đặc điểm ngoại hình của con trống được tả theo thuật ngữ chọn giống của địa phương: đầu công, mình cóc, cánh vò trai, đuôi nơm (hình cái nơm úp cá, để dễ đập mái). Gà có da vàng nhạt, mào sít (mào kẹp, giống mào con chim sít), diều cân (ở giữa), quăn ngắn, đuôi dài (cho thịt dài nhiều) chân tròn, ngón tách nhau, thịt thơm ngon, mã (lông) lĩnh hay màu mận chín có pha lông đen.

Gà mái lông màu lá chuối khô hay màu vỏ nhãn (số ít), lông mọc chậm. Gà Hồ vạm vỡ, chắc chắn hơn gà Đông Tảo.

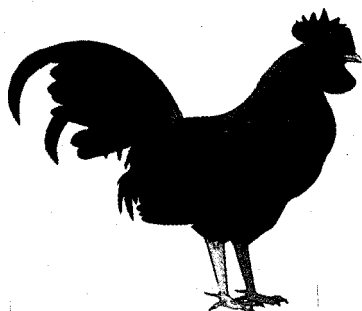
1.4. Gà Mía

Là giống gà hướng thịt, xuất xứ từ ở Đường Lâm, Từ Sơn, Thuận, Sơn Tây, Hà Nội.

Gà Mía ít bị pha tạp. Ngoại hình gà trống có lông màu mận chín, cánh và đuôi ánh xanh đen, cổ có lông cườm ánh tím, mào cờ. Gà mái lông màu trắng xám (lá chuối khô) mào cờ (mào đơn). Như vậy màu lông gà Mía tương đối thuần nhất.



Gà tăng trưởng tương đối nhanh, gà nuôi thịt lúc 4 tháng tuổi con trọng 2,3kg, con mái 1,9kg. Tuổi gà vào đẻ 6 tháng, lúc đó con mái 2,4kg, con trọng 3,1kg, lúc trưởng thành con trọng 3,5 - 3,7kg, gà mái 2,8kg. Gà Mía đẻ muộn, đẻ trứng đầu tiên lúc 210 - 215 ngày tuổi. Sản lượng trứng 70 quả/mái/năm, tỷ lệ trứng có phôi là 85 - 88%, nở 80 - 83%, tính ấp cao.



Gà trống Mía



Giống gà Mía

Các giống gà Hồ, gà Đông Tảo, gà Mía có tính truyền thống của dân tộc, gắn với lịch sử, văn hóa là những giống quý. Hội thi gà hàng năm, những con đạt tiêu chuẩn ngoại hình về giống, to, đẹp mã đều được giải thưởng. Tục lệ dân làng chọn gà đẹp, to mổ thịt làm lễ cúng tổ tiên, đình chùa vào những ngày giỗ chạp và lễ hội v.v...

2. Giống gà vườn lông màu nhập nội

2.1. Gà Lương Phượng

Xuất xứ từ Quảng Đông (Trung Quốc). Ngoại hình gà Lương Phượng tương tự gà Ri. Gà Lương Phượng có mào cờ, tai, mắt, yếm màu hồng. Gà mái màu lông chủ



yếu là vằn sọc dưa và màu vàng rơm, thân hình chắc, chân nhỏ thấp. Gà trống có lông màu vàng tía trên 80%, thân hình có ngực phẳng, lưng rộng.

Tỷ lệ nuôi sống gà con 1 - 5 tuần tuổi 96,3 - 97,8%, gà dò hậu bị 6 - 20 tuần tuổi 96 - 98%, gà đẻ 98,4 - 98,8%.

Năng suất trứng 7 tháng đẻ 157,1 - 167,6 quả/mái, tiêu tốn thức ăn 3 - 3,26kg/10 trứng, khối lượng trứng 38 tuần tuổi 55g, đơn vị Haugh 91 - 93% cho tỷ lệ ấp nở cao 89,7 - 90,7%.

Gà Lương Phượng nuôi thịt 10 tuần tuổi con mái 1,58kg, con trống 1,87kg, tiêu tốn thức ăn 2,53kg cho tăng 1kg khối lượng, tỷ lệ nuôi sống 93%. Chất lượng thịt gà Lương Phượng thơm ngon.

Gà thích nghi với phương thức nuôi chăn thả được kiểm soát, gà có sức kháng bệnh cao.

2.2. Gà Kabir

Gà xuất xứ từ Israel, màu nâu đỏ hoa vàng có pha đốm trắng, chân, mỏ, da vàng, thịt thơm ngon, đậm được người tiêu dùng ưa thích.



Giống gà Lương Phượng



Giống gà Kabir



Sau đây là tổ hợp lai thương phẩm từ các dòng nhập giống ông bà vào nước ta như sau:

- Dòng K400 được chọn tạo ra từ gà Cornish đỏ, có gen mọc lông nhanh, lông vàng, chân có vạch đen nhạt, cơ thể cân đối, ngực rộng, lớn nhanh. Gà có sức sống cao, chịu nóng, chống chịu bệnh tật tốt. Sản lượng trứng giống đến 69 tuần tuổi 145,2 quả/mái.

- Dòng K2700 được chọn tạo ra từ gà Rock trắng, có gen mọc lông nhanh, ở cánh và cổ điểm chấm đen. Gà hấp thụ thức ăn tốt nên chi phí thức ăn thấp vẫn lớn nhanh. Gà cân đối, sinh sản ấp nở cao, năng suất trứng giống đến 70 tuần tuổi 178,6 quả/mái. Gà lớn nhanh, cơ thể cân đối, chịu nóng, tỷ lệ nuôi sống cao.

- Dòng K100 được chọn lai ra từ gà Tam Hoàng có gen mọc lông chậm, lông vàng, chân đen. Thân mình cân đối, chịu nóng, tỷ lệ nuôi sống cao, sinh sản và ấp nở tốt, chống chịu bệnh tốt. Sức đẻ đến 70 tuần tuổi 132 quả trứng/mái.

- Dòng K900 được chọn tạo ra từ gà Rock trắng, có gen mọc lông chậm, có điểm đốm đen, sinh sản tốt, đẻ kéo dài, ấp nở cao. Gà mau lớn, chịu nóng, chống chịu stress môi trường, chống chịu bệnh tốt. Gà có ưu điểm chọn trống mái bằng phân biệt màu lông hoặc tốc độ mọc lông. Năng suất trứng đến 70 tuần tuổi 177,7 quả/mái.

Từ 4 dòng ông bà, Xí nghiệp gà giống Châu Thành đang cung cấp gà bố mẹ tạo tổ hợp lai CT12 và CT13 thương phẩm đều có lông màu đỏ và nâu nhạt. Gà lai lớn nhanh, dễ nuôi, ít bệnh, tiêu tốn thức ăn thấp, thịt thơm, ngon.



2.3. Gà Tam Hoàng (Trung Quốc)

Xuất xứ từ Quảng Đông (Trung Quốc), gà có lông vàng hoa mơ, da vàng, chân vàng, mào đơn đỏ tươi. Gà mọc lông sớm, gà Tam Hoàng nhập vào nước ta có 2 dòng 882 và Jangcun.



Giống gà Tam hoàng 882

Gà Tam Hoàng giống gà Ri nhưng to hơn, lúc mới nở 35g, lúc vào đẻ gà mái 2,2kg, lúc trưởng thành 2,5kg/mái, 3,0kg/trống, gà vào đẻ sớm, tỷ lệ đẻ 45%.

Năng suất trứng dòng 882 từ 130 - 146 quả/mái/năm, khối lượng trứng 45 - 48g, tỷ lệ phôi 92 - 94%, ấp nở 75 - 80%/trứng ấp, đàn gà con 95 - 106 con.

Năng suất trứng dòng Jiangcun đến 66 tuần tuổi 154 - 155 quả/mái, tỷ lệ phôi cao 95 - 98%, tiêu tốn thức ăn 2,9kg/10 trứng, tỷ lệ nuôi sống 97 - 98%. Gà Tam Hoàng nuôi thịt 12 tuần tuổi con mái 1,2kg, con trống 1,5kg, tỷ lệ thân thịt 66%, thịt thơm ngon.

2.4. Gà Sasso (Pháp)

Xuất xứ từ hãng Sasso của Pháp. Gà có lông màu vàng và nâu đỏ, da chân, mỏ vàng, thịt chắc, ngon, thơm. Gà dễ nuôi, có sức chống chịu tốt với môi trường chăn nuôi, thích hợp với chăn nuôi thả vườn.

Sau đây là 2 dòng gà Sasso: SA51 và SA31.

- Dòng SA51: Gà chống chịu khí hậu nóng, gà lùn, ăn ít thức ăn hơn. Khối lượng gà 20 tuần tuổi 1,42kg,



66 tuần tuổi 2,265kg. Năng suất trứng ở 66 tuần tuổi 197 quả, gà con ấp nở được 161 con/mái.

- Dòng SA31: Là dòng mái, có 3 loại là bình thường, nặng cân và mini (lùn). Gà chống chịu tốt với khí hậu nhiệt đới.

Gà mang gen lặn hoàn toàn (gà broiler luôn luôn

tương tự dòng bố). Khối lượng gà 20 tuần tuổi 2,010kg, 66 tuần tuổi là 3,1kg. Năng suất trứng đến 66 tuần tuổi 187 quả/mái, gà con 150 con/mái.

Cả hai dòng SA51 và SA31 gà có tỷ lệ nuôi sống cao. Tổ hợp lai 451N nuôi thịt 10 tuần tuổi đạt 1,675kg, thức ăn tiêu tốn 2,79kg/kg tăng khối lượng, mổ thịt 17 tuần tuổi 2,025kg và 3,03 tương ứng. Tổ hợp lai gà thịt 431 mổ thịt lúc 9 tuần tuổi đạt 2,28kg, thức ăn tiêu tốn 2,38kg cho 1kg tăng khối lượng.

Yêu cầu thịt gà sạch theo tiêu chuẩn châu Âu (1538/91) chất lượng cao gồm:

- Nuôi các giống gà có tốc độ sinh trưởng chậm.
- Nuôi thả vườn đồi cây xanh với mật độ 1 - 2m² cho 1 gà.
- Cho gà ăn thức ăn nguồn thực vật là chủ yếu, (ít nhất 70%), không có nguồn động vật, không bổ sung mỡ, không có chất kích thích tăng trưởng, không có kháng sinh, không tồn dư kháng sinh, thuốc trừ sâu, hóa chất.
- Thời gian nuôi ít nhất 81 ngày.

Phải đeo số cho gà cho đến lúc giết mổ, đảm bảo chính xác gà được nuôi theo qui trình này.



Giống gà Sasso (Pháp)



II. CHỌN GÀ GIỐNG

Chăn nuôi gà trước hết phải chọn được con giống tốt và giống tốt phù hợp được với mục đích chăn nuôi. Cần tìm hiểu xí nghiệp, trang trại, gia trại nuôi gà giống tốt, có nguồn gốc lý lịch rõ ràng để mua giống.

1. Thời điểm chọn và ghép đàn

Gà giống chọn vào các thời điểm cho giống gà ta:

- Mới nở.
- 60 ngày tuổi ở giống gà ta, giống gà vườn nhập nội.
- Chọn ghép đàn trống mái 133 ngày tuổi ở gà lông màu thả vườn, gà ta để sớm.
- Chọn ghép đàn trống mái 140 ngày tuổi gà ta và gà lông màu để muộn.

Phải loại thải kịp thời vào các thời điểm chọn giống những gà xấu không đạt chuẩn giống vì năng suất thấp, chậm lớn, tốn thức ăn. Nuôi gà giống bố mẹ (sinh sản) phải nuôi tốt gà dò hậu bị phải đạt độ đồng đều > 80% tức là 100 gà con nuôi lên ghép đàn hậu bị cho lên để phải được > 80 con, chỉ loại trong các đợt chọn giống < 20% (20 con).

2. Cách chọn gà giống

- Gà con loại 1 có ngoại hình chuẩn của giống chọn nuôi (màu lông, vóc dáng): gà khỏe mạnh; mắt tinh, sáng; đứng, đi lại, chạy nhảy lông khô. Phải loại những con hở rốn, chân khoèo, bụng xệ, cổ vẹo, phân dính bết dính, bé...
- Gà hậu bị: gà khỏe mạnh, nhanh nhẹn, màu lông chuẩn của giống chọn nuôi, gà giống trứng thân mình



thon, nhẹ, nhanh nhẹ, mắt tinh nhanh, lông màu chuẩn của giống, mượt mà; gà hướng thịt ngực sâu, lườn phẳng, đùi to. Gà giống trứng và giống thịt đã loại những con khuyết tật.

Trong đàn gà sinh sản tỷ lệ gà trống trên gà mái thường là 1/8 - 10 cho nên gà trống chọn chặt chẽ hơn, nhưng cần chú ý có dự phòng gà trống để thay thế số gà trống đẻ mái kém.

- Chọn gà mái hậu bị lên đẻ: Gà hướng trứng vào tuần tuổi 19, gà hướng kiêm dụng thịt trứng 20 tuần tuổi là chọn lên mái để lúc gà hậu bị có ngoại hình ổn định. Chọn loại những con ốm yếu, khuyết tật rã cánh, mờ mắt, mào rũ.

3. Đánh giá về ngoại hình

Ngoại hình của các lứa tuổi gà giống có những nét nổi trội rõ rệt của các bộ phận. Sau đây là những đặc điểm ngoại hình của giống gà ta.

3.1. Đầu

Nhìn hình dáng, màu sắc của mào, tích và mào tai có thể đoán được trạng thái sức khỏe của gà được nuôi dưỡng, chăm sóc và điều kiện sống. Đầu gà trống phải chắc, rộng hài hòa với cơ thể. Như gà trống Ri, Ri pha đầu không được quá mảnh nhưng cũng không được quá to. Ngược lại, gà mái Ri đầu phải mảnh, thanh tú. Màu của mống mắt phải đỏ hoặc da cam ở cả 2 mắt màu giống nhau. Quá trình đẻ trứng, màng cầu vồng thay đổi do sự điều động sắc tố của cơ thể nên có màu da cam sáng, có khi màu vàng, màu vàng sáng hoặc xanh trong. Khi gà thay lông màu sắc của màng cầu vồng trước đây lại được phục hồi. Con người



mắt có hình dáng tròn, kích thước thay đổi tùy thuộc cường độ ánh sáng.

Mào và mào tích thuộc vào đặc tính sinh dục thứ cấp. Buồng trứng hoạt động bình thường thì các mào này chứa nhiều máu, lớn lên. Khi thay lông và bị bệnh mào tạm thời bị ngừng cung cấp nhiều máu thì kích thước và màu sắc của mào kém phát triển nhợt nhạt, và quá nhợt nhạt chứng tỏ là gà bị bệnh.

Gà Ri có mào cờ, nhiều khía răng cưa, màu đỏ tươi, loại bỏ những con mào không phát triển, mào nụ. Mỏ gà ngắn, chắc. Hai mỏ trên dưới phải khớp với nhau. Loại bỏ những con vẹo mỏ, mỏ dài, mảnh.

3.2. Thân mình

Ở gia cầm cũng như gia súc có thân dài, rộng, được đánh giá cao vì có liên quan đến các cơ quan nội tạng. Khi đặt lòng bàn tay theo hướng xương sườn thấy rõ sự phát triển khác nhau của các cơ bắp ở ngực. Gà trống giống chọn những con có cơ ngực dài với cơ bắp phát triển và chiều dài lưng càng dài cũng được đánh giá để chọn.

3.3. Cánh và chân

Cơ cánh phát triển không ảnh hưởng đến năng suất, nhưng ngoại hình con gà bị ảnh hưởng nhất là gà trống. Gà có cánh tiên tức là lông cánh lật ngược cũng loại bỏ.

Gà có chân chữ bát, ngón cong và bộ xương khuyết tật không dùng làm giống. Gà giống phải có đôi chân chắc chắn nhưng không thô. Gà chân cao cũng loại vì liên quan đến cho thịt thấp.



3.4. Bụng và khoảng cách giữa mép sau xương lườn hái, xương ngực và xương ống

Bụng gà đẻ nhiều to vì chứa bộ máy sinh dục phát triển và thời gian rụng trứng da bụng giãn ra, vì vậy da bụng phải mềm nhẹ. Bụng có kích thước được xác định bởi kích thước và khoảng cách giữa mép sau sườn lườn hái, xương ngực và xương ống. Ví dụ: gà Ri khoảng cách này rộng để lọt 2 - 3 ngón tay. Một điểm quan trọng để đánh giá gà mái tốt là vào thời kỳ đẻ trứng lỗ huyết to ra, ướt mềm và cử động. Gà không đẻ hoặc đẻ kém lỗ huyết nhỏ, khô, ít cử động.

3.5. Bộ lông

Gà 6 - 7 tuần tuổi bộ lông đã phát triển đầy đủ, có màu sắc đặc trưng của giống. Biến đổi của bộ lông biểu hiện hiện tượng sinh lý của gà mái. Gà ta như gà Ri đã thành thực, khi thay lông xong, bộ lông mới màu tươi sáng, mới.



Gà con

Hàng năm gà thay lông một lần, kéo dài 3 - 6 tuần.

Gà mái có 10 lông cánh ở hàng thứ nhất. Thay lông ở lông cánh bắt đầu từ chiếc lông dưới cơ ở giữa cánh, tới đầu phía ngoài.

Ở hàng lông cánh thứ 2 thay lông bắt đầu từ lông 10 - 14 sau đó lông thứ 2 đến thứ 9 và chiếc lông thứ nhất ngoài cùng thay cuối cùng.



Ở các vùng khác trên cơ thể gà thì thay lông cổ vùng chẩm, rồi đến hầu khắp các vùng khác.

Những gà mái thay lông kéo dài thường đẻ kém cần loại bỏ.

4. Dựa vào huyết thống

Gà giống tốt không chỉ căn cứ vào ngoại hình, năng suất sản phẩm mà còn phải căn cứ vào huyết thống xuất phát từ bố mẹ, ông bà có ngoại hình đẹp năng suất cao.

5. Tổng hợp đặc điểm ngoại hình gà mái đẻ tốt, xấu

- Gà mái hậu bị chuẩn bị vào đẻ

Các bộ phận	Gà mái hậu bị tốt	Gà mái hậu bị kém
Đầu	Rộng, sâu	Hẹp, dài
Mắt	To, lồi, màu da cam	Nhỏ, màu nâu xanh
Mỏ	Ngắn, chắc	Mảnh, dài
Mào và tích tai	Phát triển tốt, có nhiều mao mạch	Nhỏ, nhợt nhạt
Thân	Dài, rộng, sâu	Hẹp, ngắn, nông
Bụng	Phát triển tốt, khoảng cách giữa cuối xương lườn và xương háng rộng	Kém phát triển, khoảng cách giữa cuối xương háng và xương lườn hẹp
Chân	Màu vàng, bóng, ngón chân ngắn	Màu nhợt nhạt, thô ráp, ngón chân dài
Lông	Mềm, sáng, phát triển tốt	Xù, kém phát triển
Tính tình	Ưu hoạt động	Dữ tợn hoặc uể oải



- Gà mái đẻ

Các bộ phận	Gà mái đẻ tốt	Gà mái đẻ kém
Mào, tích	To, mềm, màu đỏ tươi	Nhỏ, khô màu nhợt nhạt
Khoảng cách giữa xương háng	Rộng, để lọt cả 3 ngón tay, mềm	Hẹp, để lọt 1 - 2 ngón tay, cứng
Lổ huyết	Ướt, to, cử động, màu sắc đậm	Khô, bé, ít cử động, màu sắc nhạt
Bộ lông	Không thay lông cánh hàng thứ nhất	Đã thay 5 hoặc nhiều hơn lông cánh hàng thứ nhất
Màu sắc mỏ, chân	Đã giảm màu vàng của mỏ, chân, mắt, tai	Vẫn giữ nguyên màu sắc

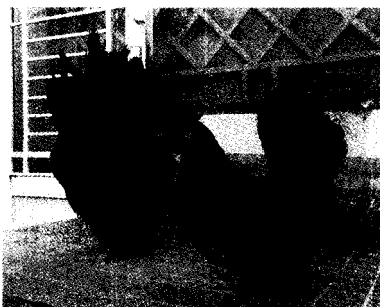
6. Ghép trống mái cho đàn gà giống

Nuôi gà chăn thả vườn đồi vẫn còn tập tục cho gà đập mái tự do trong một đàn trống mái trong cùng đàn hoặc trống lứa trước đập mái lứa sau, dẫn đến cận huyết cho năng suất thịt, trứng giảm. Do vậy, những con trống của đàn này phải chọn nuôi riêng để giết thịt, lấy gà trống của trang trại khác cùng lứa tuổi hoặc hơn kém vài tháng cho đập đàn mái này để có đàn con xa huyết thống, sẽ lớn nhanh. Tách gà trống mái nuôi riêng bằng cách chọn trống mái khi mới nở (thường đạt 92 - 95%, còn sót 5 - 7% trống). Hoặc chính xác hơn cho úm gà con và nuôi tiếp vài ba tuần, khi gà con phát triển rõ trống mái thì chọn tách riêng, lúc này có thể chọn cả con mái còi cọc loại bỏ.

Chú ý khi chọn đàn gà trống lấy giống cần biết rõ nguồn gốc đàn để phối giống cho có đàn gà con chuẩn theo tiêu chuẩn định chọn.



Tỷ lệ ghép đàn gà giống hướng thịt, gà vườn lông màu, gà ta như Đông Tảo, gà Mía... là 1 trống cho 8 - 10 mái, cho gà hướng trứng hay trứng thịt như gà Ri, Ri pha là 1 trống cho 10 - 12 mái. Chú ý nuôi thêm gà trống dự trữ 5 - 10% để thay thế loại những gà trống đập mái kém.



Gà hướng thịt, kiêm dụng thịt trứng có chu kỳ đẻ 9 - 10 tháng, gà vườn đẻ trứng nhiều thường là 12 tháng tính từ khi gà đẻ được 50%. Gà ta thả vườn đôi của các trang trại, gia trại nông hộ, những con mái đẻ đến năm thứ 2 vẫn tốt nên tiếp tục cho đẻ, có con còn đẻ kéo dài đến năm thứ 3 nhưng năng suất thấp và trứng có phôi thấp nên loại.

Đối với đàn gà giống sản xuất giống gà hay gà thương phẩm lấy thịt hay lấy trứng đã được phân dòng trống, dòng mái như gà vườn lông màu, gà Ri chọn lọc thì áp dụng đúng công thức giống trong phối giống hoặc tổ hợp lai. Chọn trống của dòng giống gà khác cho lai với đàn mái giống khác để cho con lai năng suất cao hơn, hiệu quả kinh tế hơn.

Gà Ri là giống gà ta nuôi phổ biến nhất, thường phối giống trống và mái để tái tạo đàn, có thể ghép trống giống gà vườn lông màu có khối lượng cơ thể to hơn để có ưu thế lai cho gà lai nuôi thịt mau lớn hơn, tiêu tốn thức ăn thấp hơn. Các giống



gà vườn như gà Lương Phượng, gà Kabir cho lai với gà Ri năng suất trứng, thịt, con lai tăng. Con lai Lương Phượng x Ri, Kabir x Ri nuôi đến 10 tuần tuổi đạt 1,2 - 1,3kg khối lượng, tiêu tốn thức ăn tăng trọng 2,8 - 2,9kg/kg. Gà thịt có ngoại hình đẹp tương tự gà Ri được người tiêu dùng ưa thích. Vào thời gian ghép trống Lương Phượng, Kabir với mái Ri thì số trống Ri nuôi tách riêng và chọn con tốt để lại nuôi trống giống lúc cần lại ghép với mái Ri để tái tạo đàn lấy giống thương phẩm, số trống dư ra nuôi bán thịt. Cần lưu ý khi ghép trống Ri với mái Ri trở lại thì phải chờ 2 - 3 tuần sau mới chọn trứng ấp để phòng trứng đã thụ tinh với trống gà Lương Phượng, Kabir.

III. THỨC ĂN CHĂN NUÔI GÀ

Chăn nuôi gà phải lấy "giống là tiền đề, thức ăn là cơ sở". Thức ăn là yếu tố cơ bản nuôi dưỡng gà, chiếm tỷ lệ 65 - 75% giá thành sản phẩm trứng, thịt. Chọn được giống tốt thì phải có thức ăn đạt tiêu chuẩn dinh dưỡng cho các loại gà, giống gà ăn theo khẩu phần mới đạt năng suất cao, gà lớn nhanh, đẻ nhiều, tiêu tốn thức ăn thấp, có hiệu quả.

Chuẩn bị thức ăn có chất lượng đảm bảo tiêu chuẩn khẩu phần phải có nguyên liệu đầy đủ các thành phần tốt, bao gồm ngô, cám gạo, gạo, đỗ tương, khô đỗ tương, khô lạc nhân, bột cá, bột thịt xương, v.v..., thức ăn bổ sung bột xương, premix vitamin, premix khoáng, axit amin tổng hợp (lyzin, methionin), muối ăn. Tính



toán cân đối phối hợp các loại nguyên liệu thức ăn theo tiêu chuẩn dinh dưỡng cho các loại khẩu phần duy trì, sinh trưởng, sản xuất của các loại gà con, gà dò, hậu bị, sinh sản, nuôi thịt. Lượng thức ăn hàng ngày cho gà tính đủ theo khẩu phần phải không thiếu và không dư thừa. Có giai đoạn như gà hậu bị mái phải cho ăn hạn chế để gà không béo để phòng khi vào đẻ gà béo quá tỷ lệ đẻ thấp.

1. Các loại khẩu phần thức ăn

1.1. Khẩu phần duy trì là lượng thức ăn đảm bảo dinh dưỡng cho gà mọi lứa tuổi sử dụng trong một ngày đêm, duy trì các hoạt động sống bình thường cho gà: đi lại, hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, giữ thân nhiệt, ứng phó môi trường thay đổi... Protein, năng lượng chiếm đến 60% tổng chất dinh dưỡng cho duy trì sự sống. Cho gà ăn đói không đủ khẩu phần duy trì sẽ gây sút, kéo dài sẽ chết.

1.2. Khẩu phần tăng trưởng là lượng thức ăn đảm bảo dinh dưỡng đủ cho chuyển hóa làm tăng đơn vị khối lượng cơ thể trong một ngày đêm cho các loại gà sinh trưởng lớn lên (gà chưa trưởng thành) hoặc tăng khối lượng của gà nuôi thịt (broiler).

1.3. Khẩu phần sản xuất là lượng thức ăn đảm bảo dinh dưỡng đủ để chuyển hóa sản xuất ra trứng, thịt theo năng suất của giống.

Do vậy, khẩu phần thức ăn cho gà hàng ngày đảm bảo số lượng và chất lượng theo tiêu chuẩn đủ, cân đối cho duy trì hoạt động sống, cho tăng trưởng và sản xuất thịt, trứng.



2. Các loại nguyên liệu thức ăn

2.1. Thức ăn thực vật giàu protein

- *Đỗ tương và khô đỗ tương* có tỷ lệ protein cao là 36 - 39% và 44 - 47%, mỡ 14 và 1,1 - 2%, canxi đều 0,3%, phospho hấp thu 0,21% và 0,29 - 0,3%, năng lượng trao đổi 3380 - 3400Kcal/kg và 2250 - 2850Kcal/kg (do công nghệ ép dầu).

Cần chú ý vỏ hạt đậu tương có chất kháng men tiêu hóa trypsin và chứa chất độc cyanhydric (HCN) ảnh hưởng đến thần kinh. Do vậy trước khi sử dụng phải xử lý nhiệt rang hoặc ép dầu để phá hủy hai chất trên và có mùi thơm, ngon gia cầm rất thích ăn và tiêu hóa tốt.

Đỗ tương, khô đỗ tương là nguồn protein thực vật thuộc loại tốt nhất. Cho gà con, gà Broiler (gà con nuôi thịt) ăn bột đỗ tương rang với tỷ lệ 15 - 20%, còn gà hậu bị và gà đẻ cho ăn khô đỗ tương tỷ lệ 15 - 20% và 24 - 25% tương ứng và cho gà thịt 30 - 35%. Gà hậu bị và gà đẻ không cho ăn bột đỗ tương chưa ép dầu làm cho gà béo ảnh hưởng đến tỷ lệ đẻ. Thường dùng dầu đỗ tương bổ sung vào thức ăn gà Broiler để cân bằng năng lượng vì nuôi gà thịt cần thức ăn có năng lượng cao.

Trong khô đỗ tương tỷ lệ lyzin 2,9 - 3% nhưng methionin rất thấp 0,65% là axit amin chứa lưu huỳnh rất quan trọng, cần được bổ sung cân đối methionin bằng định lượng methionin tổng hợp vào khẩu phần các loại gà. Ở Ấn Độ có công thức tính toán: 1kg khô đậu tương + 16g methionin = 1kg bột cá có 50% protein.



Khẩu phần dùng đồ tương + bổ sung methionin có thể thay thế được lượng lớn bột cá giảm giá thành đến 30%.

- *Khô dầu lạc, khô dầu vừng* là nguồn protein thực vật tốt cho chăn nuôi. Khô dầu lạc ép cả vỏ dùng cho chăn nuôi đại gia súc, cho lợn. Khô dầu lạc nhân, khô dầu vừng dùng cho chăn nuôi gia cầm, lợn... Hai loại khô dầu này có năng lượng và protein xấp xỉ nhau.

Khô lạc nhân có năng lượng trao đổi 2900 - 3000 Kcal/kg, tỷ lệ protein 45 - 46%. Khô lạc nhân ép máy tỷ lệ mỡ 6 - 7%, ép thủ công còn nhiều dầu 11 - 12%, canxi 0,22%, phospho 0,6%, lyzin 1,6%, còn methionin rất thấp 0,4%, cần bổ sung định lượng methionin vào khẩu phần. Sử dụng khô dầu lạc rất dễ bị men mốc sinh độc tố aflatoxin, nhất là dự trữ ở kho bị ẩm cao, và hay bị ôi do dầu còn lại. Do vậy lạc cần được phơi khô cho đến độ ẩm còn 9 - 10%. Kho bảo quản khô lạc, khô vừng, khô đồ tương phải khô ráo, thoáng mát để đảm bảo chất lượng và tránh nấm mốc.

2.2. Thức ăn thực vật giàu tinh bột

- Thóc

Các nông hộ thu hoạch lúa đều cho gà nuôi chăn thả ăn thóc lép, thóc lửng, thóc thệt. Chăn nuôi trang trại thức ăn chế biến cho gà có một tỷ lệ thóc vừa đủ chủ yếu lấy tinh bột. Tỷ lệ bột đường của thóc 59 - 60%, năng lượng trao đổi 2500 - 2550Kcal/kg, protein 6,5%, chất xơ cao 12,5%. Tỷ lệ thóc trong thức ăn gà hậu bị, gà đẻ 10 - 12%, gà con chỉ 5% vì thóc có vỏ nhiều xơ. Thóc ngâm nước mọc mầm cho gà trống, gà mái đẻ ăn tốt vì có nhiều vitamin E, B, nhiều enzyme tiêu hóa tinh bột và kích thích dạ dày mái trứng có phôi cao, nở tốt.



Nhiều nơi xay thóc bỏ vỏ lấy gạo lứt nuôi gà tốt vì bỏ được chất xơ, còn cả cám, có dinh dưỡng cao: năng lượng 3280 - 3300Kcal ME/kg, protein 11- 13%, lyzin 2,4%.

- *Cám gạo*

Cám gạo loại 1, nhiều cám lựa, cám loại 2 nhiều trấu hơn. Trong cám lựa loại 1 có tỷ lệ protein 13 - 14%, nhiều loại vitamin, nhất là vitamin nhóm B trong đó nhiều B₁, B₂. Cám gạo có nhiều chất khoáng đa lượng là canxi, phospho, vi lượng khoáng là sắt, đồng, selen, mangan, iod v.v... và một số chất sinh học (chưa xác định) (FAO, 1986).

Cám gạo thơm ngon, nhưng nhiều dầu có men lipaza phân giải axit béo không no, gây cho mỡ hỏng, khét ôi, đắng, khi bảo quản không tốt, bị ẩm độ cao, kho nóng. Cám chỉ để được 2 tuần trong kho mát, thoáng. Cám ép lấy khô dầu để được lâu hơn.

Cám tốt cho thức ăn gà con 5 - 10%, gà dò 20 - 25%, gà đẻ 15 - 20%. Cám ép thơm, gà thích ăn nhưng tỷ lệ khô cám, tỷ lệ xơ cao, năng lượng thấp cho nên cho vào khẩu phần ăn của gà chỉ 15 - 20%.

- *Ngô*

Ngô là nguyên liệu tinh bột chủ yếu trong khẩu phần thức ăn gia cầm. Ngô có năng lượng cao 3300 - 3400Kcal ME/kg là nguồn cân đối chủ yếu trong thức ăn gà. Thành phần dinh dưỡng của ngô có 8 - 10% protein, 4,5% mỡ, ngô vàng chứa nhiều caroten (tiền vitamin A) cho nên lòng đỏ trứng vàng đậm, thịt ngon. Ngô thơm gà thích ăn, tỷ lệ tiêu hóa cao.

Ngô khó bảo quản (bột đường nhiều), độ ẩm trên 15% là bị mốc, sâu mọt. Khi bị mốc hạt bị dầu đen là



có độc tố aflatoxin gây ngộ độc cho gia cầm gà con, vịt con ăn phải ngô mốc ngộ độc chết hàng loạt, gà dễ bị ngộ độc giảm đẻ, không đẻ.

Một số axit amin thiết yếu có tỷ lệ thấp trong ngô như methionin 0,2%, lyzin 0,3%, chất khoáng nghèo cần được bổ sung cho cân đối trong thức ăn.

Dự trữ ngô phải có kho thông thoáng, cao ráo, thường các nhà máy thức ăn bảo quản ngô trong các xylô công nghiệp, có độ thoáng và nhiệt độ thích hợp để được lâu, đảm bảo chất lượng ngô.

- Sắn

Sắn chứa tinh bột là chủ yếu, củ bóc vỏ có năng lượng trao đổi 3200 Kcal/kg, protein thấp 2,87%, đặc biệt là lyzin và methionin rất thấp 0,05% và 0,01%, phải được bổ sung cân đối khi sử dụng sắn phối hợp thức ăn gia cầm. Tỷ lệ bột sắn trong thức ăn gà con 10%, gà dò, gà đẻ 30% khi được bổ sung bột cá và axit amin tổng hợp L-lyzin và DL-methionin cân đối khẩu phần.

Sắn tươi khó bảo quản, sau thu hoạch 5 - 7 ngày củ sắn đã chảy nhựa. Thái mỏng ngâm nước một ngày đêm, rửa sạch phơi khô dưới trời nắng cho thật khô giòn và cất trữ trong kho thoáng, mát, cao ráo.

Sắn có axit cyanhydric (HCN) là chất độc gây say phải khử bằng nhiệt khi chế biến nghiền trộn hoặc đun nấu, phơi nắng, sấy khô làm giảm độc.

2.3. Thức ăn động vật giàu protein

Thức ăn từ nguồn động vật có giá trị sinh học cao: Giá trị dinh dưỡng và khả năng cân đối năng lượng cao hơn thức ăn thực vật, khả năng tiêu hóa và hấp thụ thức ăn động vật gia súc, gia cầm rất cao đến 95



- 100%. Vì vậy, khẩu phần thức ăn gia cầm cần có tỷ lệ thức ăn động vật thích hợp tùy theo phối hợp thành phần các loại nguyên liệu, thường là 30% protein động vật. Nhưng nhờ có nhiều tiến bộ kỹ thuật về dùng protein thực vật và bổ sung axit amin tổng hợp như L-lyzin, DL-methionin v.v... để giảm protein động vật đắt tiền và có giá sản phẩm trứng, thịt hạ hơn. Một số men vi sinh bổ sung vào khẩu phần có thể giảm thấp tỷ lệ protein động vật, có thể thay thế hoàn toàn. Nhưng các nước chăn nuôi phát triển đều sử dụng thức ăn động vật làm nguyên liệu phối trộn thức ăn chăn nuôi: bột cá, bột thịt, phụ phẩm lò mổ, bột lông vũ, sữa v.v...

- Bột cá là loại thức ăn động vật tốt nhất có tỷ lệ protein cao và chứa đầy đủ các axit amin thiết yếu với hàm lượng cao.

Bột cá chế biến từ cá biển, cá sông, ao, hồ... chủ yếu là cá biển. Các nông hộ tận dụng cá ao, hồ làm bột cá dự trữ. Ở nước ta có nhiều bột cá chế biến ở Kiên Giang, Hải Phòng, Minh Hải v.v... chất lượng chia ra các loại theo hàm lượng protein.

Phân loại theo tiêu chuẩn Việt Nam quy định

Định lượng, %	Loại 1	Loại 2	Loại 3
Protein	> 50	45 - 50	35 - 45
Độ ẩm	9 - 10	9 - 10	9 - 10

Thành phần dinh dưỡng của bột cá trong sản xuất phụ thuộc vào loại cá nguyên liệu và một phần do công nghệ chế biến. Bột cá tốt có tỷ lệ protein 55 - 65%, năng lượng trao đổi 2850 - 2900Kcal/kg,



lyzin 4,8 - 5,2%, methionin 1,6 - 1,8%, cystin 0,6 - 0,8%, mỡ 6 - 7%, canxi 8%, phospho 2,5%, độ ẩm 9%.

Tỷ lệ bột cá trong thức ăn chăn nuôi gà ở các nước ngành gà phát triển như Anh, Mỹ, Nhật, Pháp,... thường rất thấp 0 - 3%. Ở nước ta bột cá trong thức ăn gà con tỷ lệ 8 - 10%, gà thịt 6 - 8%, gà hậu bị giống 3 - 4%, gà đẻ 4 - 5%.

Bột cá có giá thành cao, trong thịt trứng có mùi tanh cá cho nên nuôi gà thịt sắp xuất bán mổ thịt 3 - 5 ngày không cho ăn bột cá mà thay thế bằng khô đỗ tương, khô lạc nhân bổ sung axit amin tổng hợp DL-methionin, L-lyzin để thịt thơm ngon.

Cần lưu ý là bột cá dễ hút ẩm, dễ nhiễm khuẩn, nhất là E.Coli gây bệnh nguy hiểm. Cần được phơi sấy, chế biến và bảo quản tốt khô ráo, thoáng mát. Không bảo quản bột cá chung với các nguyên liệu và thức ăn đã chế biến.

- Bột thịt, bột thịt xương là sản phẩm tận dụng ở các lò giết mổ gia súc như phủ tạng, thịt vụn, xương dính nhiều thịt, trứng tắc, gia súc không do bệnh. Công nghệ chế biến phụ phẩm lò mổ rất công phu bao gồm khử trùng, sấy khô, nghiền nhỏ, phân loại, đóng gói. Tỷ lệ dinh dưỡng của bột thịt gần như tương đương bột cá. Bột thịt có tỷ lệ protein 55 - 60%, bột thịt xương 40 - 50%, lipid 7 - 10%, canxi 2%, phospho 1%, năng lượng trao đổi 2330Kcal/kg.

- Bột xương thịt chế biến từ xương còn dính ít thịt, còn cả tủy, có tỷ lệ protein 43%, lipid 3%, canxi 14,3%, phospho 4,5%. Bổ sung bột xương thịt vào khẩu phần chủ yếu cho cân bằng canxi, phospho, cho gà con và gà dò 1%, gà đẻ 2,5 - 3%.



- Bột máu thu được ở lò giết mổ gia súc gia cầm cho khử trùng, hấp chín sấy khô, nghiền. Bột máu có tỷ lệ dinh dưỡng cao protein trên 80%, lipid 0,6%, năng lượng trao đổi 2834 Kcal/kg. Giá trị dinh dưỡng của protein bột máu kém hơn trong bột cá, bột thịt. Bổ sung bột máu vào thức ăn các loại gà 2 - 4%, thường dùng cho gà Broiler (gà thịt).

- Bột lông vũ thu được ở lò giết mổ gia cầm khá lớn, mỗi con có 200g. Lông vũ thu được cho làm sạch, thủy phân lớp mỡ, lớp keratin bao ngoài lông bằng axit hoặc kiềm dưới áp lực lớn rồi sấy khô, nghiền bột. Bột lông vũ có tỷ lệ protein đến 85%, lyzin 1,05%, methionin 0,55%. Tuy nhiên, bột lông vũ có giá trị sinh học và tiêu hóa thấp, cho nên cho vào khẩu phần thức ăn của gà chỉ 2 - 3%.

- Bột giun đất là nguồn thức ăn đậm tốt cho gia cầm, bột giun tươi có tỷ lệ protein 11,8%, mỡ 32%, có đủ các loại vitamin, khoáng. Bột giun khô có tỷ lệ protein 60%, năng lượng trao đổi 4021Kcal/kg. Gà rất thích ăn giun tươi.

2.4. Thức ăn bổ sung

Để chế biến thức ăn hỗn hợp cho gia cầm, hoặc các nông hộ tự phối trộn thức ăn đều cần cân đối dinh dưỡng theo tiêu chuẩn khẩu phần thường phải bổ sung các nguyên tố vi lượng khoáng các loại vitamin, axit amin tổng hợp, mỡ, một số chất kích thích tăng trưởng, phòng bệnh, chất tạo màu sản phẩm lòng đỏ trứng, v.v... Các hỗn hợp thức ăn bổ sung được chế biến có:



- Premix khoáng là hỗn hợp có 7 nguyên tố vi lượng theo nhu cầu các loại gia cầm gồm sắt (Fe), đồng (Cu), kẽm (Zn), mangan (Mn), coban (Co), selen (Se), iod (I) đều ở dạng carbonat, oxyd. Premix khoáng bổ sung vào khẩu phần thức ăn gà với tỷ lệ 0,5 - 1%.

3. Chế biến và bảo quản thức ăn

3.1. Chế biến phối trộn

Từ các nguyên liệu chế biến phối trộn thành hỗn hợp các loại thức ăn thành phần dinh dưỡng khác nhau đáp ứng nhu cầu của gia súc, gia cầm. Chế biến thức ăn nâng cao giá trị sử dụng, cân đối đủ thành phần dinh dưỡng, cải tiến màu sắc, mùi vị kích thích gà ăn ngon hơn, bảo quản được lâu hơn, giảm lãng phí thức ăn đến mức thấp nhất.

Tập quán của nông dân nuôi gà chăn thả cho gà ăn đơn lẻ thóc, ngô, đậu đỗ... chưa được chế biến phối trộn nên lúc thừa, lúc thiếu, chưa tiết kiệm. Nay đa phần người chăn nuôi đã chuyển đổi nuôi gà theo phương thức công nghiệp trong đó điểm chính là cho gà ăn theo khẩu phần tính toán số lượng và chất lượng thức ăn phải đảm bảo cân đối cho nhu cầu của các loại gà. Nuôi gà theo phương thức công nghiệp là chăn nuôi tập trung nhốt trong ô chuồng kín hay chuồng hở thông thoáng tự nhiên, hoặc trong vườn, đồi có rào chắn không thả rông và thức ăn, nước uống được cho ăn uống theo khẩu phần.

- Thức ăn được chế biến phối trộn thành 2 loại:

+ Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho từng loại gà đã cân đối đủ tỷ lệ các chất dinh dưỡng như ngô, cám,



gạo, đậu, khô đậu, bột cá, muối, premix vitamin khoáng v.v... thức ăn ở dạng bột hoặc ép viên.

+ Thức ăn đậm đặc bao gồm các loại nguyên liệu giàu premix, canxi, phospho, premix vitamin khoáng với tỷ lệ cao. Các công ty, đại lý cung ứng thức ăn đậm đặc. Người chăn nuôi sử dụng thức ăn đậm đặc trộn với ngô, tấm, cám... đã chuẩn bị ở nông hộ, trang trại theo tỷ lệ thích hợp cần trộn. Thức ăn đậm đặc thường có tỷ lệ protein cao 35 - 40%, cho nên tỷ lệ pha trộn 25 - 30% đậm đặc với 70 - 75% ngô, tấm, cám... Dùng thức ăn đậm đặc giảm chi phí vận chuyển vì số lượng ít hơn. Ngoài ra, nông hộ có nguyên liệu thì nghiền trộn theo tính toán cân đối dinh dưỡng khẩu phần cho các loại gà.

- Premix vitamin là hỗn hợp 13 nguyên tố vitamin theo nhu cầu các loại gia cầm là vitamin A, D, E, K, B₁, B₂, B₃, B₅, B₁₂, cholin, axit folix, piridoxin, premix vitamin bổ sung vào thức ăn gà với tỷ lệ 0,25 - 1%.

- Premix khoáng vitamin là hỗn hợp hai loại premix khoáng và premix vitamin cho các loại gà con, gà dò, hậu bị, gà đẻ với tỷ lệ bổ sung vào thức ăn 0,25 - 1%.

- Các loại bột xương, bột xương thịt, bột dicanxi phosphat, bột vỏ sò hến, bột đá... bổ sung canxi, phospho vào thức ăn theo tỷ lệ cần thiết cho các loại gà, nhất là gà đẻ.

- Bổ sung một số axit amin tổng hợp vi sinh như L-lyzin, Dl-methionin, tryptophan... làm cân đối các loại axit amin thiết yếu này thường trong khẩu phần hay bị thiếu.



- Men sinh vật, enzym (men tiêu hóa) bổ sung vào thức ăn tăng protein, phòng bệnh đường tiêu hóa và hấp thu chất dinh dưỡng, có các loại men yea-sacc 1026 của hãng Bayer của Đức, Bio-Mos của Mỹ, Allzyme, acid Pax 4 way v.v... do Công ty liên doanh Bayer Sài Gòn sản xuất.

- Bổ sung một số chất kháng sinh liều phòng vào thức ăn gia cầm để phòng bệnh đường ruột, kích thích tăng trưởng.

- Bổ sung chất tạo mùi thơm ngon như chất Rosdee của Thái Lan, chất Oroglo của Mỹ chiết xuất từ một loài hoa.

- Bổ sung muối ăn, axit amin tổng hợp như Dimethionin làm tăng vị ngon của thức ăn.

- Bổ sung các chất làm tăng màu vàng da, vàng đậm lòng đỏ trứng gồm bột cà rốt, bột ớt, bột cỏ, ngô vàng v.v.... chất hóa học cataxantin, xantophin.

- Bổ sung vào thức ăn chất chống nấm mycofix, chất khử mùi hôi phân là D-odorate 120g/tấn (của Công ty Bayer Sài Gòn).

Thức ăn tự phối trộn không được lâu chỉ 3 - 4 ngày lại trộn vì vitamin và vi lượng khó bảo quản và các loại đậu đỗ phải rang khử chất độc axit cyanhydric (HCN).

3.2. Bảo quản thức ăn

Nguyên liệu hoặc thức ăn thành phần đều có dinh dưỡng cao cho gia cầm, gia súc và cũng cho chuột, côn trùng,... là môi trường cho vi khuẩn, nấm mốc phát triển.



Bảo quản nguyên liệu và thức ăn tốt là không để mốc, không biến chất không nhiễm độc, giữ nguyên được chất lượng, chỉ hao hụt tỷ lệ cho phép.

Trước hết là giữ cho nguyên liệu không bị ẩm mốc, vì rằng ẩm là yếu tố lo ngại nhất làm biến chất thức ăn. Ở nước ta vụ đông xuân có độ ẩm gần như bão hòa phải có kho cao ráo, thoáng, phơi sấy nguyên liệu thật khô, đảo kho định kỳ để bảo quản và sử dụng thức ăn có thời hạn.

Các nhà máy chế biến thức ăn có xylô dự trữ nguyên liệu là tốt nhất. Bảo quản dự trữ bằng kho thì nguyên liệu thức ăn đóng bao bì theo qui cách, xếp vào kho có để khoảng trống cho thông thoáng. Nền kho có bọc sắt, gỗ, tre cao 40cm, kho có cửa thông gió, quạt hút đẩy không khí. Chú ý xếp nguyên liệu, thức ăn cách tường ít nhất 10cm, và phân các khu để các loại nguyên liệu và thức ăn riêng biệt. Tốt hơn là có các bao vôi bột để ở các góc kho để vôi hút ẩm làm giảm độ ẩm trong kho, nhất là vào vụ đông xuân trời ẩm.

Nguyên liệu và thức ăn không nên dự trữ lâu, và phải phơi khô quạt sạch, có thể được với số lượng không nhiều thì nên tranh thủ ngày nắng ráo đưa ra phơi lại, có lịch đảo cho các bao thức ăn dự trữ. Thức ăn, nguyên liệu dự trữ không xếp chung với kho đựng hóa chất, thuốc sâu và không cho vào kho đã xếp các loại đó.



IV. PHƯƠNG THỨC VÀ KỸ THUẬT CHĂN THẢ GÀ TA Ở VƯỜN ĐỒI

1. Nuôi chăn thả gà là phương thức truyền thống

Nuôi gà chăn thả là phương thức chăn nuôi truyền thống từ lâu đời, ban ngày gà tự do tìm kiếm mồi bất cứ đâu có mồi thóc rơi rụng, có sâu bọ, giun v.v... đều được từ sáng sớm đến tối mới về chuồng, nếu không có chuồng, gà đậu ngủ trên cây. Phương



Đàn gà ta chăn thả

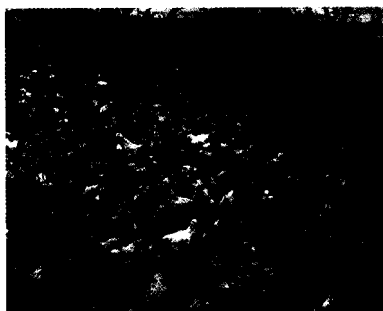
thức này tồn tại ở khắp các vùng quê Việt Nam, đầu tư vốn ban đầu ít, đàn gà thả rộng tự tìm kiếm thức ăn là chính, tự ấp, tự nuôi con, chuồng đơn giản, vườn không có hàng rào bao che, gà nuôi kéo dài. Gà thịt đến 6 - 7 tháng mới mổ thịt. Do chăn thả tự do, thiếu an toàn sinh học, còn bị chồn cáo bắt nên tỷ lệ nuôi sống thấp, hiệu quả kinh tế không cao. Tuy nhiên, đối với các nông hộ nghèo vốn ít thì đều có thể nuôi được gà theo phương thức này. Hàng năm nước ta có tỷ lệ chăn nuôi gà theo phương thức này khoảng 60 - 65% số đầu gà thịt ở các vùng.

2. Hướng cải tiến phương thức chăn nuôi truyền thống

Hướng cải tiến phương thức chăn nuôi để đảm bảo an toàn sinh học phòng chống bệnh là phải áp dụng



phương thức chăn nuôi có kiểm soát, tức là vườn đồi có hàng rào, tường rào bao che toàn bộ khu chăn nuôi theo hình thức tổ chức trang trại, gia trại. Phương thức này gần tương tự như là bán chăn thả nhưng vườn đồi rộng gà con kiếm được mỗi thức ăn. Tùy theo



Tập trung đàn gà về cuối ngày

diện tích vườn đồi rộng hẹp mà chia ra các phân khu cho gà đẻ, gà hậu bị, gà con, gà nuôi thịt và có rào chắn giữa các phân khu.

Trang trại có chuồng cho các loại gà, nhà ấp, nhà thú y, kho thức ăn, kho thiết bị dụng cụ, nhà chứa ủ phân (cách xa gà, dưới hướng gió), cổng ra vào v.v...

Máng ăn, máng uống đặt hoặc treo trong chuồng. Vườn đồi rộng có thể treo đặt rải rác máng uống vào những nơi râm mát, sau mỗi trận mưa đều phải rửa máng uống. Máng ăn để trong chuồng, tập cho gà có thói quen mỗi lần có tiếng gọi, hay gõ kèng là gà chạy về chuồng để ăn thức ăn trong máng, thức ăn hạt như ngô, thóc có thể rải ra sân sạch cho gà nhặt.

Ngoài phần môi giun dế, cây cỏ, hạt v.v... gà kiếm được trong vườn phải ước tính lượng thức ăn cho gà ăn đủ khẩu phần cho gà lớn, cho gà đẻ. Có làm được như vậy mới rút ngắn thời gian nuôi lứa gà thịt và tăng sản lượng trứng gà đẻ. Cần tính số lượng đàn gà tối đa của trang trại, gia trại của nông hộ để làm



đủ chuồng cho đàn gà theo tiêu chuẩn để nhốt gà ban đêm và những ngày mưa gió, giá rét, sáng sớm sương mù v.v... Nhà ấp phải thoáng, đủ diện tích để máy ấp, máy nở. Nếu cho gà mái ấp trứng thì ổ ấp nên làm 3 - 4 tầng nhằm tăng được diện tích và phải có diện tích cho gà con mới nở theo mẹ. Có thể ghép con và đảm bảo nhiệt độ cho gà con theo ngày trong thời gian úm.

Vùng vườn đồi của huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đàn gà vườn giống gà ta, gà lai phát triển mạnh toàn huyện, đạt đến 4 triệu con và có hiệu quả khá cao. Dưới tán cây vườn vãi là đàn gà vườn của các nông hộ, các trang trại.

Tại một số vùng quê ven sông, ven bãi, ven cánh đồng vẫn giữ được tập quán sau mỗi vụ thu hoạch là sáng sớm người nông dân dùng quang gánh hay xe thô sơ, xe thồ chở gà đến các địa điểm đó chặn thả, chiều tối lại chở gà về chuồng. Đó là biện pháp tận dụng thức ăn có trong thiên nhiên, thóc rơi rụng.

So với phương thức chăn nuôi truyền thống quảng canh thì phương thức chăn nuôi có kiểm soát bán tập trung đàn gà hao hụt thấp hơn, tăng trọng nhanh hơn, an toàn sinh học cao, khống chế được bệnh tật tốt hơn, gà đẻ trứng nhiều hơn, thời gian nuôi thịt ngắn hơn, hiệu quả kinh tế hơn.

Phương thức chăn nuôi gà trang trại có kiểm soát đang được mở rộng áp dụng tại các vùng trung du, miền núi, đồng bằng, ven đô thị ở các nông hộ có vườn đồi rộng, có vốn. Các trang trại đa phần nuôi các giống gà ta, gà vườn lông màu nhập nội, gà lai.



3. Nhu cầu dinh dưỡng, khẩu phần và định mức ăn cho các loại gà vườn

Bảng 1. Tiêu chuẩn dinh dưỡng cho gà ta giống nội

Chỉ tiêu dinh dưỡng	Tuổi gà, ngày	
	1 - 30	31 - 49
Năng lượng trao đổi, Kcal/kg	2800 - 2900	2700 - 2800
Protein thô, %	16 - 17	15 - 16
Xơ thô, %	3,5 - 4,0	4,0 - 4,5
Canxi, %	1,0 - 1,1	0,9 - 1,0
Phospho, %	0,7 - 0,8	0,7 - 0,8

Bảng 2. Nhu cầu dinh dưỡng gà vườn lông màu Lương Phượng,...

Thành phần dinh dưỡng	Giai đoạn tuổi (tuần)				
	1 - 6	7 - 13	14 - 20	21 - 23	Đẻ > 24
NLTĐ, Kcal/kg	2900	2700	2500	2600	2700
Protein, %	21 - 22	15 - 15,5	14 - 14,5	16 - 17	16 - 17
Xơ (tối đa), %	3,5	4,5	8 - 9	3,5 - 4,5	3,5
Canxi, %	1,1	1,1	1,1	1,8	3,5
Phospho, %	0,7	0,7	0,7	0,7	0,7
Lyzin, %	0,96	0,71	0,71	1,1	1,19
Lethionin, %	0,34	0,30	0,30	0,40	0,40
Muối, %	0,35	0,35	0,35	0,35	0,35

Bảng 3. Tỷ lệ phối trộn thức ăn cho gà ta giai đoạn nhỏ (Ri, Ri pha,...) (gợi ý)

Nguyên liệu, %	Tuổi gà, ngày	
	1 - 30	31 - 49
Bột ngô	33	34
Tấm gạo	38	37
Cám gạo loại 1	-	5



Nguyên liệu, %	Tuổi gà, ngày	
	1 - 30	31 - 49
Bột cá nhát	5	3
Khô đậu tương	21	18
Bột xương, bột sò	2	2
Premix vitamin	1	1
Giá trị dinh dưỡng		
NLTĐ Kcal/kg	2860	2790
Protein thô, %	16,63	15,54

Bảng 4. Tỷ lệ phối trộn thức ăn cho gà hậu bị giống nội (Ri, Ri pha,...)

Nguyên liệu	Khẩu phần cơ sở là ngô, %	Khẩu phần cơ sở là thóc, %	Khẩu phần cơ sở là bột khoai, %
Ngô vàng	40	-	-
Thóc tốt	-	29,5	-
Bột khoai	-	-	30,5
Tấm	15	25	28
Cám loại 1	20	20	15
Khô đậu tương	14	14	15
Bột cá	4	3	5
Bột sò	5	5	5
Premix vitamin	1	1	1
Muối	0,5	0,5	0,5
Giá trị dinh dưỡng			
NLTĐ, Kcal/kg	2750	2500	2600
Protein, %	15,7	15,5	15,4



Bảng 5. Tỷ lệ phối trộn thức ăn cho gà vườn lông màu
(Lương Phượng, Kabir,...) (gợi ý)

Nguyên liệu, %	Các giai đoạn và tuổi gà					
	Khởi động (0 - 3tt)	Tăng trưởng (4 - 6tt)	Hậu bị (6 - 18tt)	Khởi động đẻ (19 - 22tt)	Đẻ pha I (23 - 40tt)	Đẻ pha II (41 - 66tt)
Ngô vàng	49,6	59,4	55,5	57,1	58,6	54,9
Gạo lứt	14	4	-	-	-	-
Cám gạo	-	9,5	8	6	3,07	6
Thóc nghiền	-	-	18	10	10	10
Đỗ tương rang	7	5,7	-	-	-	-
Khô đỗ tương	20	12	11	14	12	7
hoặc khô lạc nhân						
Bột cá (50% protein)	7	7	5	7	7	7
Bột xương	2	2	2	2,5	2,5	2,7
Bột đá, sò, hến	-	-	-	3	6 - 6,5	6,5 - 7
Premix khoáng cho các loại gà	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25
Muối	0,15	0,15	0,15	0,15	0,15	0,15
DL-methionin	0,05	0,07	0,05	0,05	0,05	0,05
Giá trị dinh dưỡng						
NLTĐ, Kcal/kg	3017	3050	2830	2900	2918	2775
Protein, %	21,8	15,9	15,2	18,5	17,5	16,5
Xơ, %	3	3	6	5,1	5,2	5,3
Canxi, %	1,07	1,22	0,90	2,32	3,8	4,1
Phospho tiêu hóa, %	0,46	0,43	0,40	0,51	0,51	0,53
Lyzin, %	1,02	0,91	0,80	0,85	0,85	0,70
Methionin, %	0,41	0,41	0,34	0,37	0,35	0,32



40



**Bảng 6. Khối lượng cơ thể và lượng thức ăn hàng ngày
gà mái Ri**

Tuần tuổi	Khối lượng cơ thể (g)	Thức ăn g/gà/ngày	Ghi chú
0 - 6	-	Ăn tự do	Protein thô: 14,5 - 15% NLTD: 2600 - 2700 Kcal/kg thức ăn
7	450	48	
8	520	51	
9	660	53	
10	690	55	
11	770	55	
12	790	58	
13	830	58	
14	940	61	
15	1050	61	
16	1100	64	
17	1160	67	
18	1200	70	
19	1250	73	
20	1300	76	Protein: 15,5 - 16% NLTD: 2750 - 2800 Kcal/kg thức ăn
21	1320	78	
22	1350	80	
Tỷ lệ đẻ 1 - 5%	1360	83	
5 - 10%	-	86	
10 - 20%	-	89	
20 - 30%	-	92	
30 - 40%	-	95	
40 - 50%	-	97	
50 - 60%	1450	100	
> 60%	1470	102	



Bảng 7. Khối lượng cơ thể và lượng thức ăn hàng ngày gà trống Ri

Tuần tuổi	Khối lượng cơ thể, g	Thức ăn g/gà/ngày
0 - 6	530	Ăn tự do
7	580	64
8	660	57
9	780	60
10	950	65
11	1040	70
12	1120	73
13	1200	76
14	1300	80
15	1380	84
16	1450	88
17	1520	92
18	1600	95
19	1660	100
20	1680	105
21 - 60	1700 - 1850	110

Bảng 8. Khối lượng cơ thể và lượng thức ăn hàng ngày gà vườn lông màu bố mẹ

Tuần tuổi	Khối lượng gà, g	Thức ăn, g/gà/ngày
Thức ăn gà con		
1	100	Ăn tự do
2	200	Ăn tự do
3	280	Ăn tự do
4	370	34
5	450	38
6	530	43
8	620	48



Tuần tuổi	Khối lượng gà, g	Thức ăn, g/gà/ngày
Thức ăn tăng trưởng (2700Kcal/kg, 15,5% protein)		
9	750	53
10	860	55
11	940	55
12	1020	58
13	1100	61
14	1175	61
15	1250	64
16	1350	67
17	1400	70
18	1470	73
19	1540	76
20	1610	
Thức ăn gà đẻ (2700Kcal/kg) 16,7% protein)		
21	1680	80
22	1750	85
Tỷ lệ đẻ 1 - 5%		85
5 - 10%		90
10 - 20%		90
20 - 30%	1875	110 - 115
30 - 40%		115 - 120
40 - 50%		120 - 125
50 - 60%	1925	125 - 130
> 60%		130 - 135

4. Nước uống cho gà

Nước chiếm tỷ lệ 60 - 70% khối lượng cơ thể gia súc, gia cầm, ở động vật non tỷ lệ nước còn cao hơn. Như vậy nước là thành phần cơ bản của tế bào sống.

Nước làm dung môi hòa tan, vận chuyển các chất dinh dưỡng cho cơ thể hấp thu và thải cặn bã ra ngoài.



Các phản ứng hóa sinh đều được tiến hành trong môi trường nước. Nước có vai trò trong điều hòa ổn định thân nhiệt. Nước tham gia các phản ứng hóa học trong trao đổi chất của cơ thể. Nước làm giảm sự thối rửa thức ăn trong các bộ phận tiêu hóa của cơ thể.

Cơ thể vẫn tồn tại khi mất hết mỡ và 2/3 protid, nhưng rất nguy hiểm khi mất 1/10 lượng nước và chết khi mất 2/3 lượng nước. Vì vậy, hàng tuần thiếu thức ăn gà vẫn sống nhưng 1 - 2 ngày thiếu nước là gà chết.

- Nhu cầu nước cho gà

+ Lượng nước: ở 22°C gà cần lượng nước 4,7 - 5 lần lượng thức ăn. Gà mái đẻ bình thường lượng nước gấp 3 lần lượng thức ăn, ngày không đẻ 140g nước, ngày đẻ 250g nước/ngày.

+ Chất lượng nước (bảng 9)

Nước phải trong sạch, đảm bảo tiêu chuẩn, luôn luôn sạch về salmonella và các loại vi khuẩn gây bệnh.

Phải lấy mẫu nước xét nghiệm vi khuẩn, vi lượng, pH. Kể cả nước giếng khoan, nước máy. Nước cần được xử lý bằng phương pháp vật lý hoặc dùng hóa chất giảm nhiễm nguồn nước như dung dịch cloramin có chứa Cl. Máng uống phải vệ sinh sạch sẽ.

+ Nước để pha vaccin phòng bệnh cho gà uống cần phải sạch, không có chất hữu cơ, chlorine, chất sắt trùng, đồng và sắt.

Dùng bột sữa (2g/lít nước) khử được chlorine và chất sắt trùng khác.



+ Chế độ hạn chế nước ở gà hậu bị

Nuôi gà sinh sản vào thời kỳ hậu bị cho ăn uống theo chế độ hạn chế cho cả gà trống và gà mái. Cách hạn chế cho gà ăn và uống đồng thời, và cho gà uống thêm 1 giờ sau khi ăn hết thức ăn. Khi áp dụng chương trình hạn chế thức ăn ngày ăn, ngày nghỉ thì ngày không cho ăn vẫn cho gà uống trong 3 giờ. Ngày nóng trên 30°C cho gà uống nước mát tự do vào thời gian nóng nhất trong ngày. Cần theo dõi đo mực nước tiêu thụ.

Bảng 9. Tiêu chuẩn nước uống (Hãng ISA, Pháp, 2002)

Chất lượng nước	Đơn vị tính	Cho phép	Chấp nhận được
Coliforms	Vi khuẩn/1 lít	0	0
Streptococci	Vi khuẩn/1 lít	0	0
Samonella	Vi khuẩn/5 lít	0	0
Staphylococci	Vi khuẩn/0,1 lít	0	0
Nitrat	Mg/l	25	50
Amonia	Mg/l	0,05	0,5
Sắt	Mg/l	0,05	0,2
Mangan	Mg/l	0,02	0,05
Đồng	Mg/l	0,1	1
Canxi	Mg/l	100	200
Magnesium	Mg/l	30	50
Sulfat	Mg/l	25	250
Clorit	Mg/l	25	250
pH (độ kiềm)	Mg/l	7 - 8,5	6,5 - 9



5. Kỹ thuật nuôi dưỡng các loại gà vườn

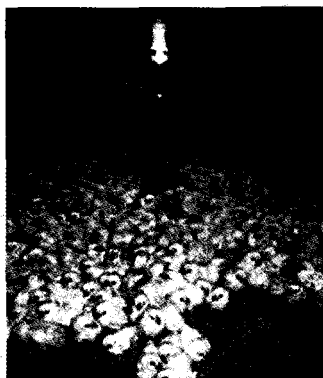
Chăn nuôi gà giống sinh sản bố mẹ phải đạt tỷ lệ nuôi sống và độ đồng đều các cá thể trong đàn cao để có tỷ lệ đẻ cao, chất lượng trứng tốt, ấp nở gà con đạt chuẩn giống.

Chu trình đẻ của gà mái thường 9 tháng đến 1 năm đẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi. Các giống gà ta thường đẻ kéo dài đến năm thứ 2 có con đến năm thứ 3, lý do là đẻ thấp so với sinh lý sinh sản.

Nuôi gà sinh sản quy mô ít hay nhiều đều cần phải đầu tư chuồng trại, thức ăn, vệ sinh phòng bệnh để đàn gà có tỷ lệ nuôi sống cao, đẻ cao, có đàn gà con giống chất lượng tốt.

5.1. Nuôi dưỡng gà con 0 - 7 tuần tuổi

- **Úm gà:** đàn gà con ít nhiều (trừ khi quá ít cho gà mẹ nuôi) đều úm trong quây, nền rải dăm bào dày hoặc rơm cắt ngắn. Trong quây trên đệm lót đặt sẵn máng ăn, máng uống rải đều máng uống xen máng ăn có khoảng cách đều cho gà con đi lại đến máng ăn, máng uống dễ dàng. Chụp sưởi bằng bóng đèn hồng ngoại 250W hoặc bóng đèn sáng 75 - 100W treo dưới chụp bằng tôn hoặc bằng bếp



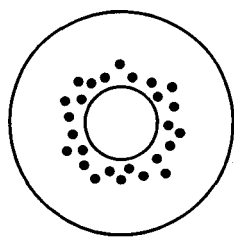
Úm gà

dầu, bếp than có tấm sưởi nóng bằng gạch, tôn. Chụp sưởi treo cao thấp theo độ lớn của gà và nhiệt độ lò sưởi, bếp sưởi để đủ ấm cho gà con. Quá trình sưởi gà ở trong quây và rời dần quây theo ngày tuổi và trời ấm lạnh, khi hết sưởi là bỏ quây. Chế độ sưởi ấm (bảng 10).

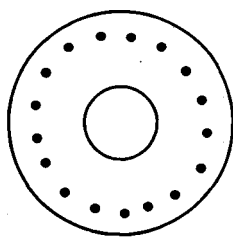


Bảng 10. Chế độ nhiệt sưởi úm gà con

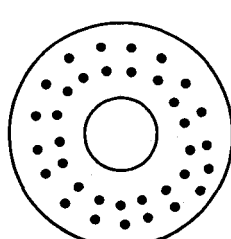
Ngày tuổi	Nhiệt độ dưới chụp sưởi, °C	Nhiệt độ trong ô chuồng, °C
1 - 7	35 - 32	26 - 24
8 - 14	32 - 29	24 - 22
15 - 21	28 - 25	21 - 20
Sau 22	24 - 20	20 - 18



a



b



c

- a- Thiếu nhiệt (còn lạnh) gà con tụm lại sát lò sưởi, kêu chiêm chiếp.
 b- Thừa nhiệt (nóng quá) gà con tản ra rìa quây, góc, xả cánh, há miệng thở, uống nước nhiều.
 c- Vừa nhiệt gà tản đều trong quây, nhanh nhẹn, chạy nhảy.

Quây úm đặt trong ô chuồng nơi tránh gió lùa, ẩm áp, phải thoáng, vì gia cầm cần độ thoáng gấp 2 - 3 lần so với động vật có vú.

Trước khi thả gà vào quây phải bật lò sưởi đủ ấm, máng nước có pha 1g vitamin C và đường glucoza 50g/1 lít nước. Cho gà uống nước trước, sau 2 - 3 giờ mới đổ thức ăn cho gà ăn. Ngày đầu cho gà con ăn ngô, tấm nghiền nhỏ. Ngày thứ 2 bắt đầu cho gà con ăn thức ăn hỗn hợp. Trời lạnh cho gà uống nước ấm.



- Cho gà mẹ ấp ủ nuôi gà con

Nếu nuôi ít gà, cho gà mẹ ủ ấm gà con. Bu hoặc nơm nhốt ổ gà thì nan thừa vừa cho gà con chui vào chui ra được. Bình thường gà con chui ra ô chuồng chạy nhảy, ăn uống, lúc lạnh và ban đêm gà con chui vào nơm cho gà mẹ ủ ấm.

Chú ý mấy ngày đầu cần cho gà con vào bu lông nhiều hơn cho gà mẹ ủ, ô chuồng hay nơi để lông cần che kín gió, đặc biệt tránh gió lùa.

Một gà mái có thể ấp ủ 10 - 12 gà con, do vậy có thể ghép thêm con cho gà mái ít con, số mái không phải nuôi con nhốt riêng

bồi dưỡng cho đẻ lại. Hàng ngày cho gà con ăn 6 - 8 lần, mỗi lần cho vừa đủ không để tồn dư thức ăn trong máng.

Máng uống thay rửa hàng ngày, cho gà uống nước sạch.

Sau 2 tuần tuổi thay máng ăn, cho gà ăn bằng máng galon loại nhỏ hoặc bằng máng dài có chụp chắn hoặc trực quay cho gà không dẫm vào thức ăn.

- Chế độ chiếu sáng (bảng 11).

Chương trình chiếu sáng cho gà vườn, gà ta trong giai đoạn gà con, gà hậu bị nhằm đạt tỷ lệ đẻ 5% vào 23 tuần tuổi và đỉnh đẻ vào 27 tuần tuổi. Không chiếu sáng ở mức kích thích gà đẻ quá sớm vì trứng nhỏ và chất lượng gà con kém. Gà con 1 - 4 ngày tuổi đầu chiếu sáng trên 20 giờ/ngày, sau đó giảm dần.



Gà mẹ ấp ủ con



Bảng 11. Chế độ ánh sáng cho gà con

Ngày tuổi	Giờ chiếu sáng	Cường độ chiếu sáng	
		W/m ²	Lux/m ²
1 - 2	22	3	20 - 40
3 - 4	20	3	20 - 40
5 - 7	17	3	20
8 - 10	14	2	10
11 - 13	11	2	10
14 - 28	8	1	10

- Độ ẩm chuồng nuôi

Nước ta khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, nhất là mùa mưa độ ẩm rất cao. Hơi nước gà tiết ra nhiều gấp 10 lần so với gia súc trâu bò tính trên 1kg khối lượng.

Chuồng gà con, độ ẩm thích hợp là 65 - 70%. Cần giữ khô chuồng, đệm lót. Chỗ bị ướt phải thay chất độn khô ngay. Không làm té nước ra nền, sàn chuồng nuôi gà.

- Thông thoáng chuồng nuôi

Chuồng gà thoáng mát mùa hè, thoáng ẩm mùa đông. Nhu cầu dưỡng khí của gia cầm cao gấp 2 lần so với gia súc. Gà con cần 2 - 3m³ không khí thay đổi trong 1 giờ vào mùa đông, 4 - 6m³ vào mùa hè. Lượng khí độc trong 1 lít không khí không vượt quá các mức CO₂ - 0,15%, NH₃ - 0,025mg, H₂S - 0,001mg.

Đối với gà con mới nở cho tiêm phòng ngay các loại vaccin theo qui trình và bỏ vào hộp chuyên chở gà con, khẩn trương chuyển đến chuồng nuôi đã chuẩn bị sẵn đủ nhiệt sưởi, có nước uống, thả gà vào chuồng. Hộp đựng gà con phải đúng kích cỡ, có các lỗ thoáng bốn phía hộp cho thoáng khí.



Gà con mới nở còn tích trữ cục lòng đỏ ở bụng tiếp tục cung cấp dinh dưỡng cho gà con trong khoảng một ngày đêm cho nên có thể vận chuyển đi xa các tỉnh hoặc nhập xuất gà con giữa các nước.

- Chế độ dinh dưỡng và công thức thức ăn cho gà con ghi ở các bảng... Các giống gà ta có giống to con hơn chế độ dinh dưỡng có cao hơn, ăn nhiều hơn nhưng hơn không nhiều tương tự các giống gà vườn nhập nội. Tỷ lệ protein trong khẩu phần gà con khởi động 21 - 22% năng lượng trao đổi trên 3000 Kcal/kg.

Phối trộn thức ăn gà con 1 - 4 tuần tuổi cần chú ý cho protein cao hơn chất béo theo tỷ lệ, tăng bột cá, đỗ tương rang nghiền bột, khô đỗ tương, cho ít khô lạc nhân, cân đối tỷ lệ protein động vật và thực vật là 1/2.

Phối trộn thức ăn gà 5 tuần tuổi trở lên có tỷ lệ protein giảm bớt, cần tăng lipid, cho tăng khô lạc nhân, bột đỗ tương rang, cho ngô vàng, tấm, cám, nếu thiếu ngô vàng thì bổ sung vitamin A, gia đình có rau đem thái nhỏ cho gà ăn thêm.

Thuận tiện cho gia đình là dùng thức ăn đậm đặc của các công ty Proconco, Vifaco,... pha trộn theo tỷ lệ 25 - 30% đậm đặc với 70 - 75% ngô, tấm, cám của gia đình chuẩn bị sẵn (có hướng dẫn của các công ty).

Sử dụng thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho các loại gà, cho ăn định lượng hàng ngày.

Gia đình có thể chuẩn bị đủ các loại nguyên liệu tự phối trộn khẩu phần theo thành phần dinh dưỡng nguyên liệu và tỷ lệ theo khẩu phần.



Trộn phối theo nguyên tắc mở rộng dần. Các loại nguyên liệu ít như premix, thuốc phòng bệnh đem trộn với lượng ít ngô nghiền, tấm, cám, rồi tăng dần ngô, tấm... trộn vài ba lần nữa cho đều cho đến hết.

Một điều cần khắc phục là khi trộn thủ công có thể không đều các nguyên liệu cho nên có gà được ăn ngon, có gà chỉ được ăn ngô nên gà lớn không đều, cho nên phải phối trộn cẩn thận từ ít đến nhiều. Trộn máng phải đúng qui trình mới đảm bảo thức ăn có chất lượng đều.



Cho gà ăn thêm vào cuối ngày

Chuyển đổi giai đoạn nuôi cho gà ăn thức ăn mới phải thay thế từ từ cho gà quen dần và tiêu hóa tốt.

Ví dụ như thay thức ăn khởi động chuyển sang cho gà ăn thức ăn tăng trưởng, cách thay thế như sau:

Ngày đầu	$1/3$ thức ăn mới + $2/3$ thức ăn cũ
Ngày thứ 2	$1/2$ thức ăn mới + $1/2$ thức ăn cũ
Ngày thứ 3	$2/3$ thức ăn mới + $1/2$ thức ăn cũ
Ngày thứ 4	hoàn toàn thức ăn mới

Nên cho gà ăn theo bữa như trên đã ghi, trời mát gà con ngủ nhiều phải đánh thức dậy cho gà ăn.

Giờ cho gà ăn trong ngày:

5 - 7 giờ sáng;	10 - 11 giờ trưa
14 - 15 giờ chiều;	17 - 19 giờ tối



Cho gà con ăn thêm 2 - 3 bữa vào giờ giữa các bữa sáng và chiều.

Gà có điều dự trữ thức ăn nên bữa ăn chiều tối 17 - 19 giờ cho gà ăn ngon miệng nhất để đi ngủ.

Kết quả theo dõi so sánh cho gà ăn theo bữa tăng trọng cao hơn đàn gà ăn tự do và thể hiện cho ăn theo bữa có nhiều ưu điểm:

Cho ăn theo bữa	Cho ăn tự do (lúc nào máng cũng có thức ăn)
- Cả đàn ăn tập trung - Ăn mạnh mẽ hứng thú - Thấy được những gà có hiện tượng bỏ ăn - Chen lấn kích thích nhau thêm ăn - Biết được thời điểm hết thức ăn - Có thời gian cho gà nghỉ, ngủ, tiêu hóa thức ăn tốt	- Rải rác ít con ăn - Không hứng thú - Rất khó theo dõi quan sát đàn gà có hiện tượng bất thường - Thờ ơ - Không xác định được lúc hết thức ăn - Không có thời gian yên ổn cho đàn gà, có thể có gà ăn uống ban đêm

- Cho gà uống nước tự do cho đến 20 giờ thì treo cả máng ăn, máng uống để gà nghỉ, ngủ yên tĩnh.

- Gà ta và gà vườn lông màu có sức sống cao, dễ nuôi, chú ý chăm sóc nuôi dưỡng tốt đàn gà con hết thời kỳ úm 3 - 4 tuần tuổi thả gà ra vườn, bãi cho vận động, tìm kiếm thức ăn, những ngày mưa gió, nhốt gà tránh ẩm ướt, giá rét.

Những gà mẹ ấp nở ít gà con có thể cho ghép với đàn con gà mái khác nuôi chung, cần phết mực lên tất cả đàn con để gà mẹ không phát hiện gà con lạ và ấp ủ tất cả.

- *Cắt mỏ gà con*

Cho cắt mỏ tất cả gà con vào 8 - 10 ngày tuổi hoặc sau 3 tuần phòng mổ lẫn nhau.



Cách cắt mổ: cắt 1/3 chiều dài của mổ phía ngoài tính từ lỗ mũi đến đầu mổ. Cắt mổ bằng máy điện hoặc dao nung nóng, vừa cắt vừa hàn mổ bằng đốt nóng.

Chú ý cẩn thận khi cắt không cho lưỡi gà chạm vào lưỡi dao nóng gây bỏng. Trước khi cắt mổ cho gà nhịn đói 4 - 5 giờ, cho uống đủ nước. Cắt xong mổ thả gà vào chuồng có máng thức ăn bột cho gà ăn làm dính mổ giảm chảy máu. Lợp thức ăn trong máng cho dày 1cm để tránh gà mổ thức ăn chạm mổ vào đáy máng. Trước khi cắt mổ 2 - 3 ngày cho gà uống vitamin K và C. Sau cắt mổ trong vòng 10 ngày không tiêm chủng, không lấy máu kiểm tra xét nghiệm.

5.2. Nuôi dưỡng gà hậu bị 7 - 19 tuần tuổi

Nuôi gà hậu bị là tương đối khó vì nuôi theo chế độ ăn hạn chế mà đàn gà phải có độ lớn có mức đồng đều đạt 80%, không béo không gầy, đạt khối lượng chuẩn của giống vào 133 - 140 ngày tuổi, lông mượt mà, tích và mào phát triển đòi hỏi nuôi dưỡng đúng chế độ dinh dưỡng và chăm sóc tốt.

- Giai đoạn hậu bị nuôi tách riêng gà trống và gà mái.
- Chế độ cho ăn hạn chế thức ăn giảm 20 - 30% khẩu phần, tỷ lệ protein 15,5 - 16%, năng lượng trao đổi 2700 Kcal/kg (thấp hơn khẩu phần gà con và gà đẻ), cho gà Ri 14,5 - 15% protein, xơ thô 3 - 4%.
- Phương pháp cho ăn hạn chế:
 - + Giảm số lượng thức ăn đủ dinh dưỡng theo tiêu chuẩn cho ăn hàng ngày (giảm 20 - 30%).
 - + Hoặc trong tuần cho ăn 5 ngày, nhịn 1 ngày.



+ Hoặc 2 ngày ăn 1 ngày nhịn.

+ Hoặc có thể giảm chất lượng thức ăn, hàng ngày cho ăn đủ số lượng thức ăn.

- Ăn hạn chế gà đói, rãi một ít thóc, ngô ra nền cho gà bới nhặt, tránh để gà ăn chất độn.

- Ăn hạn chế gà tranh nhau ăn cho nên cần tăng thêm máng ăn, đổ thức ăn vào máng phải thật nhanh, thời gian cho thức ăn vào tất cả các máng không chênh nhau quá 4 phút để tất cả gà cùng được ăn cùng lúc. Có được hệ thống



ròng rọc nâng tất cả các máng lên cao đổ thức ăn vào các máng xong hạ xuống cho cả đàn gà cùng ăn.

Phương pháp cho ăn này đàn gà có độ đồng đều cao về khối lượng.

- Nuôi gà hậu bị hạn chế thức ăn đồng thời phải giảm lượng nước uống hàng ngày là rất quan trọng, tuyệt đối không cho gà uống "no" sinh lý làm dịch vị lỏng ra tiêu hóa kém, gây ỉa chảy.

- Thời kỳ gà hậu bị phải hạn chế ánh sáng, chỉ chiếu sáng 8 giờ/ngày cường độ $1W/m^2$ (10 Lux). Những ngày trời nắng ấm để ánh sáng tự nhiên. Nhiệt độ chuồng nuôi tốt nhất là $18 - 20^{\circ}C$, chuồng trại sạch sẽ, thông thoáng, có quạt hút đẩy không khí ra vào để tăng cường dưỡng khí.



- Gà hậu bị nuôi hạn chế thức ăn để sinh sản lẫn nhau, nếu thời kỳ gà con chưa cắt mỏ thì tuần tuổi thứ 12 - 16 cho cắt mỏ, nếu đã cắt 1 lần rồi thì xem có cần cắt lần 2 không.

- Phương pháp cho gà hậu bị ăn hạn chế thức ăn hiện cho những đàn gà ở trang trại nuôi nhốt hay bán chăn thả chỉ có sân nhỏ cho gà vận động, còn thức ăn cung cấp đầy đủ theo khẩu phần. Các nông hộ có vườn đồi rộng gà tìm kiếm thức ăn, người chăn nuôi chỉ cho ăn thêm, như vậy thực chất là đã cho ăn hạn chế.



- Những ngày tốt trời cho đàn gà ra sân vườn chăn thả lúc trời đã khô sương để gà vận động, tìm kiếm thức ăn ở những vườn đồi rộng.

Ngày xấu trời mưa gió giá rét cho gà ở chuồng, chỉ cho ra sân vườn lúc trời khô hanh.

- Kết thúc 19 tuần tuổi tiến hành chọn lọc cả gà trống và gà mái như phần chọn giống đã giới thiệu để ghép đàn nuôi gà đẻ.

5.3. Nuôi dưỡng gà đẻ

Nuôi dưỡng gà bố mẹ sinh sản phải quản lý chăm sóc với chế độ dinh dưỡng thức ăn tốt để có tỷ lệ gà đẻ cao, có nhiều trứng giống, ấp nở cao và có nhiều gà con loại 1 trên một gà mái.



Năng suất đẻ của một số giống gà vườn lông màu

Giống gà	Sản lượng trứng đến 66 tuần tuổi, quả	Số lượng gà con đến 66 tuần tuổi, con
Gà Sasso SA31	178	150
Gà Sasso SA51	185	161
Gà Kabir	185	158
Gà JA57	198 (đến 70 tuần tuổi)	162 - 168 (đến 70 tuần tuổi)

- Chế độ dinh dưỡng cho gà ta giống Ri, Ri pha,... có năng lượng trao đổi 2750 - 2800Kcal/kg, protein 16,5 - 17%, cho gà vườn lông màu nhập nội có năng lượng trao đổi 2750 - 2900Kcal/kg, protein 16 - 18%.

- Gà mái đẻ cho lượng thức ăn tăng dần theo tỷ lệ đẻ. Sau khi đẻ đạt đỉnh cao, cho ăn giảm dần, có thể giảm 0,5 - 1g thức ăn/con/ngày mỗi tuần. Cần theo dõi khối lượng trứng và khối lượng cơ thể gà đẻ để điều chỉnh lượng thức ăn cho hợp lý.

- Cho gà trống và mái ăn một loại thức ăn nhưng lượng thức ăn cho gà trống ít hơn bằng máng treo cao, còn máng gà mái có chụp với nan thưa chỉ vừa đầu gà mái thò vào ăn. Lượng thức ăn cho gà mái 130 - 140g, cho gà trống 120 - 130g/ngày để gà trống không béo quá đập mái kém, chất lượng tinh dịch kém.

- Gà đẻ rất nhạy cảm với chất lượng thức ăn, hễ chớm mốc gà ăn vào là bị giảm đẻ, thiếu một chất dinh dưỡng nào đó đều có ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng trứng, chất lượng gà con.

- Mùa nóng phải tăng chất lượng thức ăn vì gà ăn ít hơn.



- Thức ăn cho gà trống cần đảm bảo hàm lượng vitamin E, có điều kiện cho gà trống ăn thêm giá đỗ, thóc mầm 10 - 15g/con, một tuần cho ăn 2 - 3 lần.

Nuôi dưỡng gà đẻ phải kích thích cho gà ăn hết khẩu phần bằng cách cho ăn theo bữa, đồ thức ăn nhiều lần, đảo thức ăn, bổ sung vitamin C lúc trời nóng, bổ sung thức ăn dạng mảnh, bổ sung canxi dạng hạt. Cho thức ăn mới thơm ngon. Thời kỳ gà đẻ tăng cho gà ăn đủ, có thể dư ít năng lượng không quan trọng.



Nuôi chăn thả gà đẻ

- Sau thời kỳ gà đẻ đạt đỉnh cao tỷ lệ đẻ thấp dần, cần giảm lượng thức ăn thích hợp để gà mái không béo cho sản lượng trứng giảm từ từ.

- Kiểm tra khối lượng trứng đều đặn cho thấy khối lượng trứng tăng chậm là do gà đói ăn, tăng nhanh hơn đường cong chuẩn là gà ăn nhiều quá. Như vậy, lượng thức ăn tăng, giảm tùy vào kích cỡ trứng mong muốn, nó còn phụ thuộc vào nhiệt độ chuồng nuôi thay đổi đột ngột, bị stress, chất lượng thức ăn thay đổi, có thể nhiễm khuẩn...

- Gà đẻ hàng ngày cần thu nhặt trứng, vệ sinh và cho vào bảo quản ở nơi khô mát để đảm bảo chất lượng trứng ấp.



5.4. Nuôi dưỡng gà thịt

Gà ta và gà lông màu nuôi thịt bán chăn thả chia ra 2 giai đoạn là úm gà con 0 - 3 - 4 tuần tuổi và nuôi thịt 4 - 5 đến 11 - 12 tuần tuổi. Nuôi chăn thả có kiểm soát có thể lâu hơn, gà mổ thịt đến trên 4 tháng tuổi.

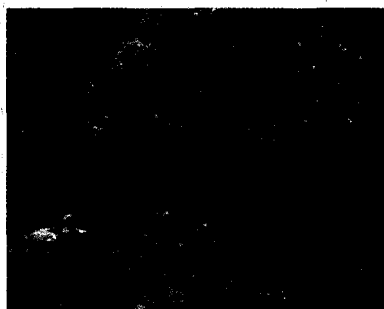
- Úm gà con nuôi thịt tương tự úm gà con nuôi giống như ở phần trên. Thức ăn giai đoạn này cho gà giống nội Ri, Ri pha yêu cầu dinh dưỡng protein 18 - 19%, năng lượng trao đổi 2850 - 2900 Kcal/kg. Cho gà giống lông màu nhập ngoại nhu cầu protein 22 - 24%, năng lượng trao đổi 3050 - 3100 Kcal/kg. Giai đoạn này cho gà con ăn và uống tự do.

- Giai đoạn nuôi dưỡng gà thịt 4 - 5 đến mổ thịt 11 - 12 tuần tuổi.

Sau 4 tuần tuổi bắt đầu có thể thả gà ra vườn (trừ những ngày xấu trời) 3 - 4 - 5 giờ, dần dần gà quen thì có thể thả lâu hơn hoặc thả cả ngày. Máng ăn, máng uống đặt cả ở vườn dưới gốc cây dâm mát hoặc treo hoặc kê sát nền có chụp.

Nhu cầu thức ăn giai đoạn này là cho gà ta ăn theo chế độ dinh dưỡng protein 16 - 17%, năng lượng trao đổi 2900 - 2950Kcal/kg, cho gà lông màu: protein 21 - 23%, năng lượng trao đổi 2850 - 2950Kcal/kg.

- Phối trộn thức ăn cho gà nuôi thịt:



Nuôi gà Mía thả vườn, đối



Bảng 12. Công thức thức ăn cho giống gà ta

Ngô	45,5%
Tấm	20%
Cám	5%
Khô lạc nhân	18%
Bột cá	7%
Rau xanh	4%
Khoáng	2%
Premix vitamin	1%
Muối	0,5%

Bảng 13. Công thức thức ăn cho giống gà lông màu

Nguyên liệu	Khởi động 0 - 3 tuần tuổi	Tăng trưởng 4 - 6 tuần tuổi	Kết thúc từ 7 tuần đến mổ thịt
Ngô vàng	46,13	50,2	55,56
Cám gạo loại 1	15	15	10
Bột sắn	-	-	10
Khô đỗ tương hoặc khô lạc nhân	19	16	14
Đỗ tương rang	10	10	2
Bột cá > 50% protein	6	5	4
Bột xương hoặc Dicalciphosphat	3	3	2
L- Lysin	0,1	0,1	0,1
DI- methionin	0,07	0,07	0,07
Premix vitamin khoáng	0,5	0,5	0,5
Muối ăn	0,2	0,2	0,2
Giá trị dinh dưỡng			
NLTĐ, Kcal/kg	2900	2931	3150
Protein, %	21,5	19,4	17,5
Lysin, %	1,30	1,10	0,95
Methionin, %	0,44	0,41	0,37



Công thức thức ăn nuôi gà thịt trên đây đã giảm bột cá tăng đậu đỗ là tăng protein nguồn thực vật và cân đối các axit amin quan trọng, bổ sung L-lyzin và Dl-methion. Với khẩu phần gà 0 - 3 và 4 - 6 tuần tuổi cho tăng bột cá thì giai đoạn cuối đến giết mổ cho giảm bột cá, bổ sung axit amin tổng hợp để cân đối dinh dưỡng cho thịt không có mùi tanh.



Nuôi gà thịt ở vườn đồi, thịt gà săn chắc, thơm ngon

Thức ăn cho gà thịt nên bổ sung các chế phẩm sinh học làm kích thích sinh trưởng, tăng chất lượng thịt như các enzyme, hormone hữu ích. Bổ sung vào thức ăn chất sắc tố tăng màu da vàng, lòng đỏ trứng đậm, màu chân vàng.

Thức ăn cho gà con úm nghiền nhỏ 1 - 1,5mm, sau đó cho ăn kích cỡ to hơn. Cho ăn thức ăn viên gà thích, mà không thích loại bột. Cho gà ăn thức ăn viên không bị rơi vãi.

Cho gà thịt ăn theo bữa, gà con 6 - 8 bữa/ngày trừ vài tuần tuổi đầu đang úm, giai đoạn nuôi thịt cho ăn 3 - 4 bữa, phải đổ thức ăn nhiều lần, đảo thức ăn trong máng cho gà ăn hết thức ăn.

Nuôi gà thịt phải tách trống mái nuôi riêng. Các giống gà tách chọn được trống mái ngay sau khi nở bằng màu lông trống mái khác nhau hoặc tốc độ mọc lông cánh trống mái nhanh chậm thì chọn ngay. Đối



với gà khó chọn trống mái thì nuôi hết giai đoạn úm sẽ rõ trống mái và tách nuôi riêng. Gà trống lớn nhanh hơn thường là 1 tuần cho bán thịt trước.

Thời gian nuôi gà thịt ngắn hơn nuôi gà sinh sản nhưng mọi biện pháp vệ sinh phòng bệnh đều phải thực hiện đầy đủ như định kỳ sát trùng chuồng trại, sân vườn, rửa sát trùng dụng cụ chăn nuôi, v.v... đặc biệt tiêm phòng các loại vaccin theo quy định.



Cho đàn gà ăn vào cuối ngày

Khuyến cáo nuôi gà thịt giống gà ta quy mô nhỏ 30 - 50 con tùy vườn rộng hẹp đều phải rào để kiểm soát được đàn gà không lây dịch bệnh đàn gà khác trong xóm thôn. Nếu vườn quá chật thì nên nuôi nhốt cho ăn uống đầy đủ sẽ có hiệu quả.

Nhiều vùng có tập quán đến mùa thu hoạch lúa hoặc hoa màu, người chăn nuôi hàng ngày chở gà đến chăn thả tại đồng ruộng để tận dụng thóc lúa rơi vãi, chiều tối lại chở gà về chuồng và cho ăn thêm thức ăn cho đủ no nếu còn đói. Cách làm này tiết kiệm được 40 - 50% thức ăn nuôi gà.

Tuy nhiên, cũng cần có lưới khoanh vùng chăn thả cho gà không chạy đi xa, chỉ mấy hôm đàn gà quen lồng cứ chiều đến có tiếng gọi là chạy về lồng để chở về chuồng. Cứ vài ba hôm lại chuyển đàn gà sang vùng khác chăn để có thức ăn tận dụng.



IV. ẤP TRỨNG

1. Trứng giống

1.1. Trứng giống phải thu nhận của đàn gà giống ông bà, bố mẹ sinh sản khỏe mạnh, đủ tỷ lệ trống mái. Trứng giống phải đạt tiêu chuẩn ngoại hình và chất lượng vỏ, lòng trắng, lòng đỏ. Trứng có hình dạng ô van, đầu tù to hơn đầu nhọn, đầu tù có buồng khí. Chỉ số hình dạng trứng gà chiều dài/chiều rộng 1,3 - 1,4, khối lượng trứng theo giống, như gà Ri 42 - 48g. Vỏ trứng nhẵn, bóng mịn, không sần sùi, không rạn nứt, không bẩn.

Trứng có lớp mô bảo vệ ở vỏ, không được rửa, không được lau chùi. Khi soi qua đèn có lòng đỏ sẫm, gọn (lòng đỏ đặc). Trứng mới đẻ có vỏ sáng, để lâu có màu tối xỉn.

- Trứng phải loại bỏ:

- + Vỏ không chắc, sần sùi, bẩn bịt lỗ không khí.
- + Trứng méo mó, vỏ rạn nứt.
- + Lòng đỏ và lòng trắng bị loãng (có thể do vận chuyển xóc).
- + Trứng bé, hai lòng đỏ, có chấm nhỏ và mốc trên vỏ, khi soi qua đèn thấy rõ.

1.2. Thu lượm và bảo quản trứng

- *Thu lượm trứng*, gà đẻ xong cần nhặt ngay tránh gà mái khác ủ trứng làm tăng nhiệt hồng trứng, hoặc làm bẩn trứng lây nhiễm bệnh.



Thu nhặt trứng xếp vào khay trứng đầu nhỏ xuống dưới, đầu to lên trên, không xếp trứng giống vào thúng sọt chồng lên nhau.

Gà mái thường đẻ vào buổi sáng hoặc quá trưa một ít. Để xong gà mái thường kê "tục tác", cần chú ý để nhặt trứng. Trứng để nơi thoáng mát, hết chỗ để thì xếp trứng cho gà tự ấp, hoặc cho ngan, ngỗng ấp tự nhiên. Trong điều kiện tự nhiên trứng không để quá 7 ngày mới có tỷ lệ nở cao.

- Bảo quản trứng giống

Kho, phòng bảo quản trứng phải cao ráo, thoáng mát, không ẩm thấp, có được điều hòa nhiệt độ 18 - 20°C là tốt nhất.

Phòng bảo quản tự nhiên cần thoáng mát, không bị gió lùa, không dùng quạt máy vì sẽ làm bốc mất hơi nước của trứng.

Sát trùng cẩn thận phòng kho bảo quản bằng fomol 2% mọi nơi trong kho. Xung quanh kho có cây bóng mát, mùa hè phun nước mát lên nền, lên mái, giữ cho nhiệt độ không quá 28°C, mùa đông không quá 20°C.

Phòng bảo quản nóng quá 28°C làm cho phôi bắt đầu phát triển và trứng chết vào 2 - 3 ngày. Nếu nhiệt độ bảo quản dưới 5°C thì phôi có sức sống giảm.

Độ ẩm thích hợp cho phòng kho bảo quản trứng giống 70 - 80%. Độ ẩm cao quá 80% làm trứng ẩm mốc ở vỏ rồi xâm nhập vào trứng gây bệnh. Độ ẩm thấp dưới 60% thì trứng gây thiếu nước cho phôi phát triển, gà con nở bị sát vỏ, lông xù.



Trứng được bảo quản phòng mát có thể từ 7 - 10 ngày. Trứng mới đẻ cho ấp ngay là tốt nhất, cho nên nhiều gà mái đẻ thì dồn trứng đẻ 1 - 2 ngày cho một mái ấp. Gà mái đẻ kém thường chọn cho ấp trứng.

Bảo quản trứng có giá xếp cách nhau từng lớp cho thoáng, không bị vỡ.

- Vận chuyển trứng và gà con mới nở

Vận chuyển trứng giống phải cẩn thận, tốt nhất là xếp vào khay trứng, chồng từng lớp vào hộp buộc chặt, dù là đi xa, đi gần vì trứng dễ vỡ, lòng đỏ và lòng trắng dễ chao đảo có thể đứt dây chằng. Trường hợp thiếu khay xếp trứng thì phải lót giấy dăm bào, trấu.

Vận chuyển gà con mới nở phải đóng hộp có lỗ thoáng như trên đã ghi và xếp vào ô tô phải cẩn thận tránh xô dồn đổ dẫm làm gà chết.

Mùa hè tránh vận chuyển trứng và gà con nhất là gà con vào lúc trời nắng nóng, nên vận chuyển vào chiều tối, sáng sớm, ban đêm trời mát.

Khi chuyển gà con đến nơi là cho gà con vào ngay chuồng úm đã chuẩn bị.

Trứng được chuyển đến nơi dỡ ngay cho vào trạm ấp để yên tĩnh 12 - 24 giờ cho lòng trắng, lòng đỏ ổn định về vị trí rồi xếp vào máy ấp.

- Biện pháp phân loại trứng ấp cho khối lượng để nâng cao tỷ lệ nở (bảng 14).

Thí nghiệm ấp trứng có khối lượng khác nhau cho kết quả khối lượng trứng gà ấp ảnh hưởng lớn đến tỷ lệ nở.



Bảng 14. Ảnh hưởng của khối lượng trứng đến thời gian nở gà con (giờ)

Khối lượng trứng, g	Bắt đầu mổ vỏ	Bắt đầu nở	Nở đại trà	Kết thúc nở
50 - 55	464	474	486	504
56 - 61	468	478	490	508
62 - 67	471	482	494	512

Kết quả trên cho thấy trứng to đòi hỏi nhiệt nhiều hơn để sưởi nóng làm cho sự phát triển của phôi chậm lại. Trứng nhỏ cần nhiệt ít hơn để sưởi ấm dần đến khi thừa nhiệt phôi bé phát triển nhanh hơn bình thường.

Như vậy, trong giai đoạn ấp đầu để có nhiệt độ ấp 38,8°C thì trứng có khối lượng khác nhau đòi hỏi thời gian sưởi nóng khác nhau. Bảng trên thấy rõ trứng có khối lượng khác nhau thì thời gian mổ vỏ, bắt đầu nở và kết thúc nở, trứng càng to càng chậm hơn. Do vậy, cần phân loại trứng theo khối lượng cho vào máy ấp sớm nhất loại trứng to, rồi đến loại trung bình và trứng bé, thời gian chênh lệch nhau 4 - 5 giờ và tự hiệu chỉnh nhiệt độ, độ ẩm cho phù hợp với sự phát triển của phôi.

Giải pháp phân loại trứng ấp theo khối lượng đã làm tăng tỷ lệ ấp nở gà con lên 5 - 6%.

2. Ấp tự nhiên

- Giống gà ta như gà Ri, và gà tây, ngỗng có tính ham ấp trứng, có con ấp quên xuống ổ chạy nhảy, ăn uống, người chăn nuôi phải bắt thả gà mái theo định kỳ hàng ngày làm mát trứng và nuôi dưỡng cho ăn



uống. Trứng ấp là bản năng của giống và phụ thuộc vào chế độ chăm sóc nuôi dưỡng.

Gà mái Ri ấp được 13 - 15 trứng, gà Mía, gà Hồ ấp 13 - 15 trứng, gà Tây ấp 25 - 30 trứng đều có tỷ lệ nở cao, gà con khỏe mạnh, số lượng gà con không nhiều vừa với qui mô nuôi gia đình. Khi có nhiều gà mái ấp xấp xỉ cùng lứa thì số lượng gà con đông hơn có thể bán cho người nuôi úm.

- Có thể dùng gà Tây mái ấp trứng gà ta được đến 30 trứng, gấp 2,5 lần gà mái ấp. Gà Tây mái ấp khéo, ấp liên tục được kể cả nghỉ đẻ, nghỉ nuôi con để ấp. Gà Tây mái ấp được cả trứng vịt, trứng ngỗng.

- Ấp tự nhiên phụ thuộc vào thời tiết, tính ấp và sức khỏe gà mái ấp. Có những gà mái lười ấp, chênh mảng, bỏ ổ ấp nhiều lần trong ngày đi kiếm ăn, làm mất nhiệt, ít đảo trứng ảnh hưởng đến tỷ lệ gà nở thấp. Gà ấp nở xong lại phải nuôi con, phải phục hồi sức khỏe mới để lại cho nên sản lượng trứng trong năm thấp, hiệu quả chăn nuôi không cao.

- Chọn gà mái ấp tốt phải có bộ lông tốt, cánh rộng, chân cao vừa phải và không có lông chân, nhanh nhẹn, khỏe mạnh, ham ấp. Gà mái ấp tốt là vào mùa nóng thỉnh thoảng rời ổ thời gian ngắn để ăn, uống, thải phân và cũng là để làm mát trứng. Mùa đông trời lạnh thường gà ấp không bỏ ổ, người chăn nuôi phải bắt gà cho xuống ổ 1 - 2 lần, cho gà mái rũ lông, đi vệ sinh và ăn uống (thức ăn, nước uống để sẵn gần ổ ấp). Gà ấp tốt khi lên xuống ổ ấp nhẹ nhàng, biết đảo



trứng để trứng nở hết (trứng đã soi kiểm tra). Gà mái đang ấp thường hung dữ như xù lông, mổ cắn mỗi khi có người hoặc con vật khác đến gần ổ ấp để bảo vệ trứng ấp.

- Ổ ấp

Thường dùng sọt tre, rổ lót rơm, dăm bào theo hình lòng chảo, có đáy bằng, lớp ổ rơm dày 8 - 10cm, mùa đông lót dày hơn mùa hè. Ổ ấp đặt trên giá cao 0,5 - 1m cho gà nhảy lên xuống. Ổ cho gà Tây mái, có thể làm giá để ổ ấp 2 - 3 tầng chia nhiều ô, mỗi ô để 1 ổ đẻ. Hoặc có thể đóng ổ ấp bằng gỗ, mỗi ô lót đệm rơm, dăm bào cho gà vào đẻ và ấp. Giữa các ổ ấp nên ngăn cách bằng phen hoặc vải, giấy đen cho gà mái không nhìn nhau khi ấp. Nên lót lớp lá xoan phơi khô dưới đáy ổ ấp tránh mò mạt phát sinh.

Ổ ấp phải nhặt hết phân, đệm lót bẩn quá phải thay. Không chuyển dịch ổ ấp khi con mái ấp đã quen chỗ đặt rồi.

- Nuôi dưỡng tốt mái ấp cho ăn uống riêng mỗi khi xuống ổ để nhanh chóng trở lại ổ ấp. Cho mái ấp ăn thức ăn tốt như tôm tép, khô đỗ tương, khô lạc nhân, cám bột ngô nấu, thêm rau xanh cho mái ngon, ngỗng.

- Kiểm tra trứng ấp của các ổ ấp vào 6 - 7 ngày và 18 ngày ấp bằng cách soi đèn để loại bỏ trứng không có phôi, chết phôi. Nếu loại nhiều thì nên dồn số trứng tốt cho một số mái ấp đủ số trứng cho mỗi mái, số mái dư ra cho bồi dưỡng để sớm đẻ lại.



V. CHUỒNG TRẠI, SÂN VƯỜN

Chuồng trại, sân vườn chăn nuôi gà vườn đồi.

Chuồng gà bảo đảm "mùa hè thoáng mát, mùa đông ấm". Sân vườn có rào dậu đảm bảo đàn gà được kiểm soát.

Địa điểm làm chuồng cao ráo, dễ thoát nước. Chuồng gà gia đình phải làm cách xa nhà ở với khoảng cách có thể được, không chung với chuồng lợn, trâu bò. Với điều kiện vườn hẹp thì cũng phải có biện pháp che chắn để phân cách chuồng gia cầm riêng. Chuồng làm hướng nam, đông nam, để có ánh nắng ban mai rọi vào để chống ẩm ướt, diệt vi khuẩn và gà hấp thụ được tia nắng có tác dụng chuyển hóa chất trên da, tăng sức khỏe cho gà. Tránh cho hướng chuồng vào phía đông và đông bắc thổi vào chuồng mùa đông giá rét.

Nếu điều kiện có vườn đồi rộng nên quy hoạch thành gia trại, trang trại lớn hoặc nhỏ. Trang trại chia các khu chuồng nuôi gà con, gà dò hậu bị, gà đẻ, trạm ấp, trạm thú y, nhà kho thức ăn, thức ăn, nhà cách ly... Chung quanh trang trại có hàng rào, có cổng ra vào theo nội quy của trại.



Vườn đồi trồng rau, cỏ, cây xanh thấp tán tránh chim chóc, có bóng mát. Trang trại phải cách xa khu dân cư, đường giao thông lớn v.v...



1. Các kiểu chuồng gà

Nước ta khí hậu nhiệt đới có được chuồng kín với điều hòa nhân tạo về nhiệt độ, độ ẩm là tốt nhất, chủ động điều hòa tiểu khí hậu chuồng nuôi phù hợp với cá thể các loại gà. Chuồng kín đòi hỏi vốn xây dựng trang thiết bị, chi phí điện cao,

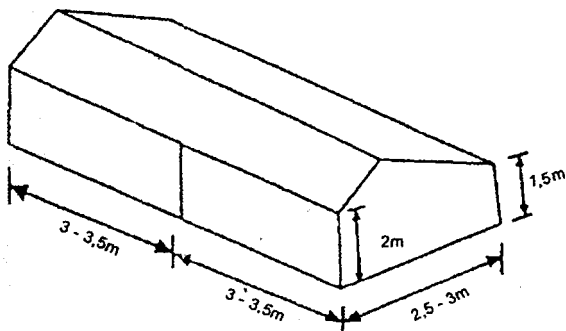


Gọi gà về cho ăn và nhốt ban đêm, những ngày mưa gió

cho nên hiện nay các trang trại phổ biến là các kiểu thông thoáng tự nhiên. Chuồng đơn giản làm bằng vật liệu địa phương, mùa đông ở các tỉnh miền Bắc thì che kín bằng bạt, phên vách, nhất là phía bắc, đông bắc.

1.1. Chuồng hai mái thông thoáng tự nhiên (Hình 1)

Chuồng có 2 mái trước sau bằng nhau hoặc lệch, mái trước ngắn hơn mái sau 0,5m, chiều cao mái trước 2m, mái sau 1m50, chiều rộng 2,5 - 3m, mỗi ô chuồng dài 3 - 3,5m, chiều cao đến nóc 3m. Chuồng làm bằng



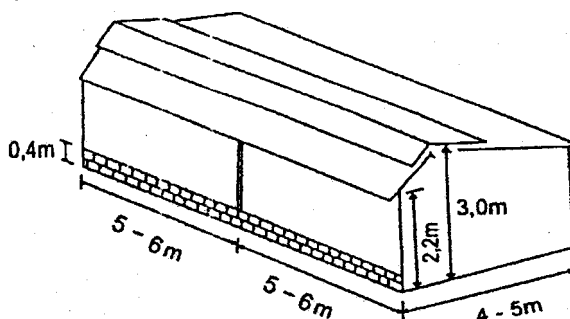
Hình 1: Kiểu chuồng gà bán kiên cố 2 mái



vật liệu sẵn có gỗ tre, nứa, ngói, tranh v.v... Phía trước và sau chuồng, 2 đầu hồi cũng làm tre nứa hoặc lưới thép đều có rèm che mưa nắng hoặc xây tường.

1.2. Chuồng 4 mái thông thoáng tự nhiên (Hình 2)

Chuồng làm bằng vật liệu gỗ, tre, sắt, lợp tôn, fibrôximăng, tranh, cọ. Đầu hồi xây gạch, đá ong, trước và sau chuồng bọc lưới sắt, nan tre nứa, phía dưới sát nền xây gạch, đá ong cao 40cm, có rèm che mưa nắng. Chuồng có hai tầng mái bằng mái phụ ở gần nóc. Ở hai đầu hồi gần 1/4 phía trên tường để hai lỗ tròn đẩy khí nóng trong chuồng ra và hút khí sạch ngoài trời vào. Hai lỗ này lắp 2 quạt thông gió càng tầng lưu thông không khí trong chuồng. Chuồng có mái trước, mái sau cao 2 - 2,2m, từ nóc xuống nền 3m, rộng 4 - 5m, chiều dài mỗi ô chuồng 5 - 6m. Chiều dài chuồng tùy địa thế đất vườn.



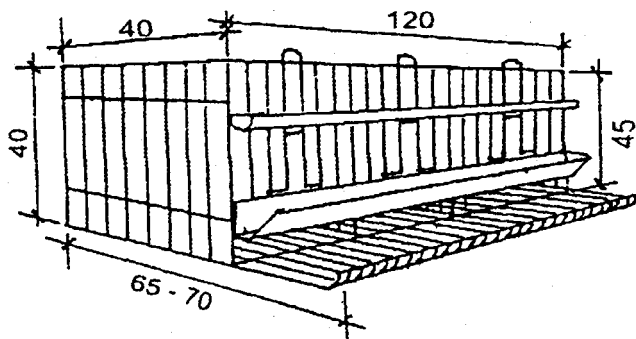
Hình 2: Kiểu chuồng gà 4 mái kiên cố, bán kiên cố

1.3. Chuồng lồng nuôi gà

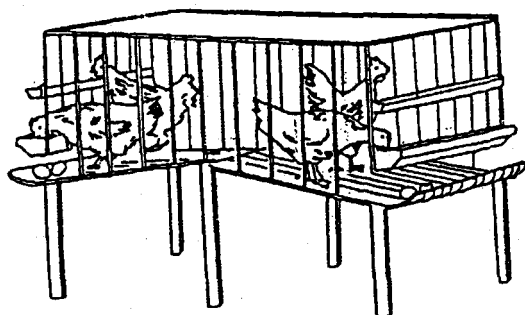
Chuồng lồng làm 1, 2, 3 tầng bằng sắt hoặc tre, mỗi tầng có độ cao 40 - 50cm, rộng 40 - 60cm, chiều dài



tùy nơi đặt lồng và số lượng gà nuôi. Lồng nuôi gà đẻ thương phẩm dài 1,2m chia ra 3 ô, có vách ngăn giữa các ô, đáy lồng nghiêng và rộng hơn, có gờ chắn trứng gà để lăn ra. (H.3a, b).



Hình 3a: Chuồng lồng sàn nghiêng để nuôi gà đẻ theo kiểu Cuba



Hình 3b: Chuồng lồng gà đẻ lắp hai dãy kế lưng nhau

Chuồng lồng nuôi gà thịt có đáy lồng phẳng, chiều dài 1,2 - 1,5m, rộng 0,60m, cao 0,45m, nuôi được 10 - 12 con.

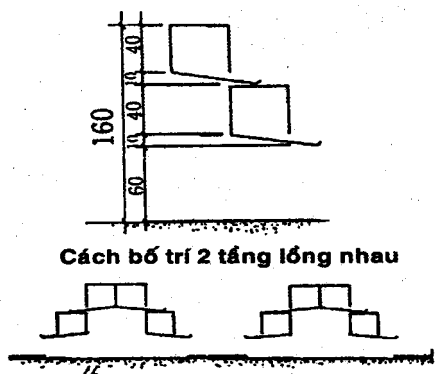
Khi xếp lồng tầng nuôi gà đẻ hoặc gà thịt có thể xếp chồng ở dưới mỗi tầng có khoảng cách để đặt tấm hứng phân dạn hàng ngày, hoặc xếp so le các tầng thì



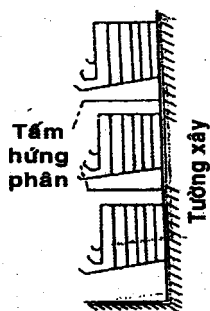
phân rơi xuống sàn nhà. Chuồng lồng tầng giảm được diện tích đất xây dựng (H.4).

Có loại lồng để chuyển gà có chiều dài 0,80m, rộng 0,50m, cao 0,20 - 0,25m rất thuận lợi.

Chuồng lồng nuôi gà có thể xếp thành 2 dãy đầu lung với nhau, có lối đi hai bên, có thể xếp chuồng vào một dãy đầu lung vào tường (H5). Trong khu chăn nuôi vườn đồi có thể làm chuồng lồng ở một số chỗ thuận lợi cho chăn thả và nên làm chuồng lồng 1 hoặc 2 tầng để thả gà vào lúc thời tiết thuận lợi.



Hình 4: Cách bố trí các dãy kép 4 lồng, giữa có hành lang



Hình 5: Cách bố trí lồng gà gần vào tường ba tầng

- Nuôi gà sàn lưới, sàn tre nửa cao hơn mặt nền 40 - 70cm. Sàn lưới có mắt hở vừa phải cho phân rơi xuống nền có lớp đệm mỏng có rải vôi bột cho phân khô. Nếu gà con đang tuổi úm thì sàn lưới phải có lớp đệm để giữ nhiệt sưởi ấm.

- Nuôi gà chuồng nền phải có lớp đệm rải đều 7 - 10cm bằng dăm bào, trấu, cỏ khô, rơm khô cắt ngắn,



hể chỗ nào bị ướt là thay rơm khô ngay. Kết thúc đợt nuôi gà là cho tổng vệ sinh dọn sạch chất độn đem ủ làm phân, sát trùng kỹ thay chất độn mới để chuẩn bị nuôi đợt gà mới.

2. Mật độ chuồng nuôi thông thoáng tự nhiên

Tuần tuổi	Mật độ (con/m ²)	
	Hè thu	Đông xuân
Úm 0 - 3 tuần	25 - 30	30 - 50
3 - 4	10 - 10,5	10,5 - 11
4 - 5	9,5 - 10	10 - 10,5
5 - 6	Không quá 9	Không quá 9,5
6 - 7	Không quá 8	Không quá 9
7 - 8	Không quá 7	Không quá 8
Gà đẻ	4 - 4,5	4,5 - 5
Gà thịt	8 - 10	10 - 12

3. Vườn đồi

Chăn nuôi gà vườn đồi bán chăn thả hoặc chăn thả vườn rộng được kiểm soát thì vườn đồi càng rộng càng thuận lợi, nơi vườn hẹp thì sân cho gà vận động ít nhất cũng bằng diện tích ô chuồng để đủ chỗ cho gà khi thả ra sân, sân rộng gấp 2 - 3 lần chuồng hay rộng hơn là tốt, cho gà dò, gà đẻ 12 - 15m²/con.

Sân vườn được bao quanh bằng cây hàng rào, lưới thép, phen tre, nứa. Trồng sân vườn chia ra các khoảnh cho từng loại gà theo lứa tuổi, và có rào thấp bằng lưới tre, sắt, v.v...



Vườn trồng cây cỏ thích hợp chất đất để vườn có bóng mát, có rau xanh cho gà ăn. Không trồng cây cao không cho chim đậu mang mầm bệnh.

Vườn có các hố cát, máng sỏi cho gà tắm cát diệt trừ bọ mạt, cho gà ăn sỏi giúp cho tiêu hóa.

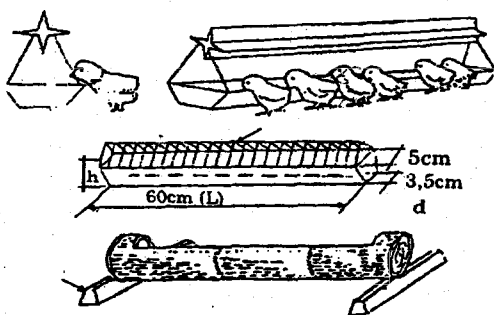
4. Thiết bị, dụng cụ nuôi gà

- Máng ăn

Cần có máng ăn cho gà ăn, không nên rải thức ăn ra sân kể cả hạt ngũ cốc vì dễ bị nhiễm bẩn. Máng ăn có kích cỡ phù hợp cho gà theo lứa tuổi.

+ Gà con mới nở rải thức ăn trên giấy bìa, giấy xi măng,... vài ba ngày sau cho ăn bằng khay nhôm, mẹt tre có vành gờ thấp.

+ Gà con sau 2 tuần tuổi cho ăn bằng dài cỡ nhỏ có chụp tre, sắt thưa cho vừa lọt đầu gà chui ăn trong máng hoặc có trục quay cho gà không lội vào máng thức ăn hoặc cho gà ăn ở máng galon tròn nhỏ (H6).

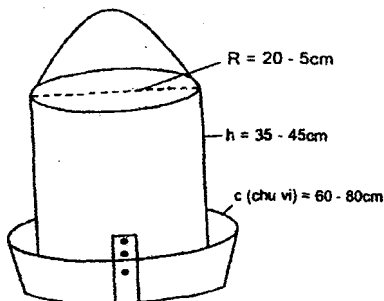


Hình 6: Máng ăn của các loại gà

+ Gà đẻ phổ biến cho gà ăn bằng máng P50 bằng tôn hoặc bằng nhựa. Máng này có chụp tròn bằng nhựa hoặc bằng tôn có đường kính 20 - 25cm, cao 35



- 45cm đặt trên mâm tròn đường kính 50cm có mép gờ cao 5 - 6cm. Giữa mâm và chup có kẽ hở 3 nấc điều chỉnh rộng hẹp cho thức ăn từ từ rơi. (H7)



Hình 7: Máng ăn P50

+ Gà dò, gà đẻ cho dùng loại máng tròn 15 - 20cm và 12 - 15cm, có thể dùng chậu tròn cạn đáy, ngoài chup nan tre vừa lọt đầu cho gà mổ thức ăn.

+ Nuôi gà giống bố mẹ thì phải cho gà trống ăn riêng bằng cách treo cao máng để gà mái không ăn được thức ăn gà trống. Máng ăn của gà mái có chup nan sắt hoặc tre có khe hở 4,2 - 4,3cm chỉ lọt đầu gà mái chui vào ăn để gà trống không ăn được thức ăn của gà mái.

Thức ăn cho gà trống tỷ lệ protein thấp hơn và số lượng cũng ít hơn thức ăn gà mái để hạn chế không cho gà trống béo sẽ đập mái kém.

+ Các máng ăn đặt trong khoảng ô chuồng thuận lợi cho gà ăn, giữa máng ăn này cách máng ăn kia cách nhau 3 lần chiều dài của con gà để gà không chen nhau.

Nuôi gà vườn đồi có thể chọn chỗ thích hợp để một số máng ăn ở vườn cho gà ăn vào những ngày nắng ráo.

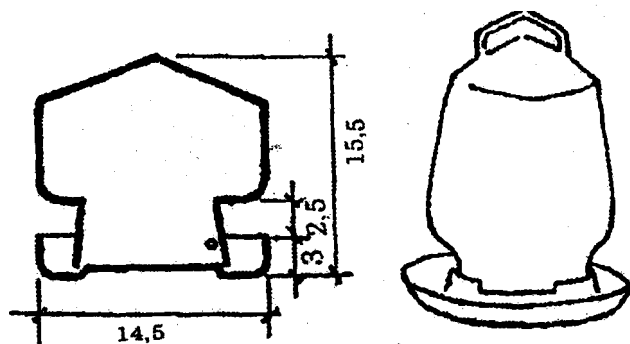


Bảng 16. Kích cỡ và mật độ máng ăn dài thường dùng

Tuần tuổi	Chiều dài mép máng cho 1 gà, cm	Bề rộng miệng máng, cm	Bề rộng đáy máng, cm	Chiều cao máng, cm	Chiều dài máng, cm
Gà con:					
1 - 2	2 - 3	6	6	4	70 - 80
3 - 5	4 - 5	8	7	5 - 6	80 - 90
6 - 8	5 - 6	12	9	5 - 7	90 - 100
Gà dò	6 - 10	15		5 - 7	100 - 110
Gà mái	10	20		13	100 - 110

- Máng uống (H8 và H9)

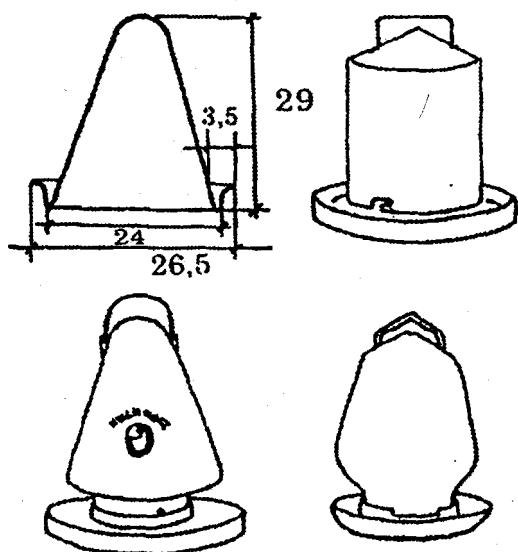
+ Luôn luôn có đủ nước và nước sạch cho gà uống. Vườn đồi không để các hố rãnh đọng nước bẩn dễ gây nhiễm bệnh cho gà



Hình 8: Máng uống gallon cho gà con bằng chất dẻo (nhựa) 1 - 2 lít

+ Máng uống thích hợp với lứa tuổi gà thường dùng là loại máng gallon bằng nhựa, bằng tôn rất thuận tiện. Máng gallon 1 lít dùng cho 50 gà con, loại 3,8l dùng cho 75 gà lớn.





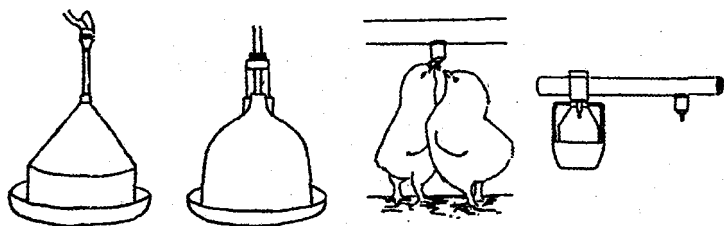
Hình 9: Máng uống galon cho gà lớn 3,5 - 4 lít

Nguồn nước tự động thì có thể làm van tự động có đĩa, nút uống tự động cho gà uống (H10). Có thể làm máng uống kiểu này bằng hộp sắt úp ngược vào đĩa đáy có gờ đục 1 - 2 lỗ gần miệng hộp cao 1,5cm cho nước chảy ra đĩa cho gà uống (H11). Hoặc có thể làm máng uống bằng ống tre, bương, chai treo lộn ngược ở cửa chuồng lồng, nếu đặt ở chuồng nền thì phải có chụp nan thưa vừa đầu cho gà uống, có thể dùng chậu, nồi đựng nước làm máng uống cho gà.

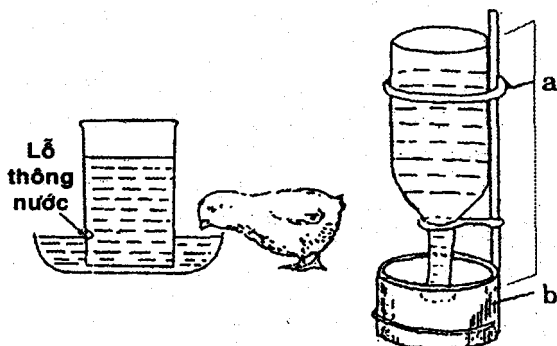
- Ổ đẻ cho gà (H12)

+ Nếu số lượng gà mái ít thì làm ổ đẻ đơn giản bằng sọt, rổ, thúng cho lót rơm, trấu, dăm bào, lót ổ lòng chảo. Phải diệt trừ bọ mạt bằng phun thuốc sát trùng.

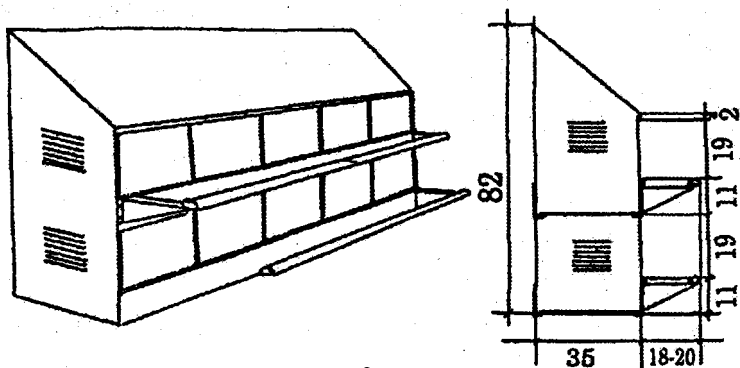




Hình 10: Các kiểu van nước tự động cho gà con, gà lớn nổi vào ống cấp nước (nâng lên xuống được theo chiều cao của gà các lứa tuổi)



Hình 11: Máng uống bằng chai



Hình 12: Ổ đẻ 10 ngăn



+ Nếu số lượng gà mái nhiều dùng ổ để đóng bằng tre, gỗ, lợp tôn, cốt có 2 - 3 tầng, mỗi tầng có 3 - 5 ngăn ổ. Mỗi ngăn rộng 30 - 35cm, sâu 30 - 40cm, cao 35 - 40cm. Ngăn ổ lót rơm, dăm bào... dày 8 - 10cm.

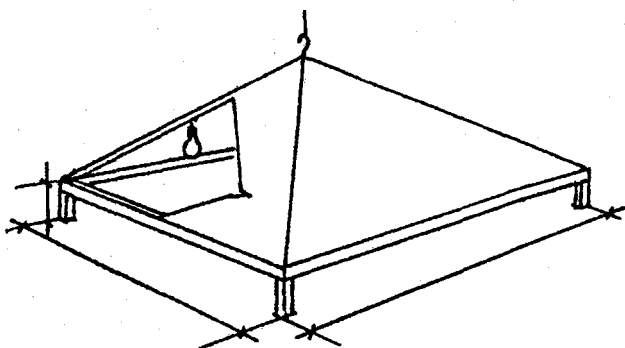
+ Ổ để đặt ở chỗ tối tối, yên tĩnh ít người qua lại, ít tiếng động, xa bếp. Che chắn ổ để không cho mèo chuột phá phách ăn trứng, không làm gà mái sợ hãi.

- Giàn đậu cho gà mái

Giàn làm khung gỗ, tre trơn, nhẵn có bề rộng 3 - 4cm, ghép cách nhau 25 - 30cm, phía dưới giàn ghép lưới mắt cáo, giàn cách nền 30 - 40cm.

- Chụp sưởi úm gà con

Gà con 1 - 3 tuần tuổi (trời ấm 1 - 2 tuần tuổi) nuôi theo chế độ nhiệt úm. Dùng quây cốt nhốt gà con có chụp sưởi đảm bảo nhiệt. Chụp sưởi bằng tôn hình nón có bóng sưởi tia hồng ngoại 250W hoặc bóng điện mờ, bóng sáng 75 - 100W hoặc dây may xo treo dưới chụp sưởi tập trung nhiệt và tỏa ấm (H13).

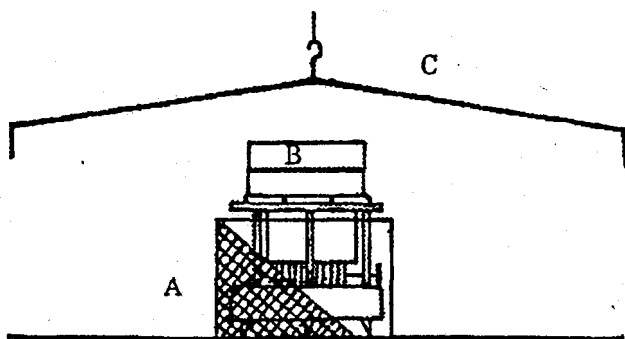


Hình 13: Chụp sưởi úm gà con bằng điện



- Bếp dầu, bếp than úm gà con (H14)

Có thể dùng bếp dầu, bếp than đốt viên gạch, tấm tôn giữ nhiệt sưởi ấm tỏa nhiệt cho úm gà con. Quanh bếp có lưới khoan chắn gà con, tránh sát vào bếp bị nóng quá.



A- Lưới bảo hiểm quây quanh bếp.

B- Viên gạch đặt trên bếp.

C- Chụp bằng tôn, có dây treo điều chỉnh độ cao.

Hình 14: Chụp úm bếp dầu lửa

- Quây để nhốt gà con úm sưởi phải kín tránh gió lùa nhưng thoáng mát, nhất là sưởi bằng củi, bếp than nhiều khí độc như CO_2 ... thải ra. Quây thường dùng cốt hay lưới thép phủ vải bạt. Vòng quây được nới rộng dần theo ngày tuổi gà con lớn dần.

- Rèm che

Phía sau, phía trước chuồng phải có rèm che mưa nắng, gió lùa cho gà. Rèm làm bằng phen, vải bạt. Trời nắng kéo rèm lên, mưa gió thả rèm xuống.

- Thiết bị thú y sát trùng như bơm sát trùng, pha thuốc, bơm kim tiêm... phải có đầy đủ.



VI. VỆ SINH THÚ Y PHÒNG BỆNH

1. Vệ sinh môi trường và phòng các yếu tố có hại

1.1. Chống nóng

Nước ta có khí hậu nhiệt đới, miền Bắc mùa hè nóng bức, miền Nam nóng quanh năm. Mùa hè những ngày oi bức, đứng gió nhiệt độ cơ thể các loại gà đều lên đến 40°C , gây thiệt hại lớn nhất là chuồng kém thông thoáng, thấp.

Biện pháp chống nóng: chuồng làm nơi cao ráo, hướng Nam, Đông Nam. Chuồng cao, có mái chông trước và sau, chông diêm chỉ xây tường cao 40cm, phía trên che lưới sắt hoặc nan tre cho thoáng, ngoài phủ bạt hoặc phen kéo lên xuống dễ dàng để mở đóng tùy theo thời tiết. Mái chuồng lợp chất liệu ít hấp nhiệt, mùa hè phủ lớp phen cót, có ống nước có lỗ phun nước mát ra mái hoặc có vòi phun nước mát lên mái. Lắp quạt hút đẩy gió ở hai đầu chuồng qua lỗ ở $1/4$ phía trên tường đầu hồi.

Vườn quanh chuồng có thể trồng cây bóng mát nhưng phải có khoảng cách vừa phải cho thông thoáng lấy bóng mát và chú ý không trồng cây cao tránh chim đến đậu có thể truyền bệnh cho gà.

Ngày nắng nóng gà thường ăn ít, cần cho ăn thêm vào ban đêm và tăng chất lượng thức ăn bù dinh dưỡng cho lượng thức ăn gà ăn ít hơn. Chú ý cho gà uống đủ, nên thêm vitamin C vào nước uống. Những ngày nóng có thể cho gà ra sân vườn sớm hơn vào các buổi sáng.



1.2. Chống rét

Cho gà con 3 tuần đầu phải đảm bảo đèn sưởi, bếp sưởi, đảm bảo tuần đầu trên 32°C. Chuồng phải thoáng, kín, đủ rèm che, tuyệt đối tránh gió lùa. Cần có nhiệt kế đặt cách nền 10 - 15cm theo dõi nhiệt độ chuồng nuôi.

- Chế độ ánh sáng cho đủ

Mỗi loại gà có yêu cầu ánh sáng khác nhau, cần điều chỉnh cho thích hợp chế độ chiếu sáng theo chế độ cho đủ, không tối quá, không sáng quá, không tắt đèn sớm, không kéo dài. Gà con 0 - 2 tuần tuổi cần được chiếu sáng cả đêm ngày với cường độ vừa phải không quá mạnh, và giảm dần thời gian chiếu sáng theo độ lớn.

Ánh sáng có cường độ quá mạnh gà con, gà dò mổ cắn nhau. Nuôi gà thịt cho ánh sáng nhẹ nhẹ đủ để gà ăn uống. Nuôi gà đẻ phải tăng giờ chiếu sáng (13 - 17 giờ).

1.3. Phòng ngộ độc nấm mốc thức ăn

Mùa mưa thức ăn bị ẩm dễ mốc sinh độc tố aflatoxin, rất độc cho gà gây chết hàng loạt, nhất là gà con. Ngô, khô lạc, cám, tấm... dễ bị mốc cho nên thu hoạch xong, phơi khô cho độ ẩm còn 9 - 10% và dự trữ trong kho khô ráo, thoáng mát. Thức ăn hỗn hợp, đậm đặc dễ hút ẩm không bảo quản lâu được, phải có bao bì tốt.

Thức ăn chớm mốc, phải loại bỏ không cho gia cầm ăn.

1.4. Phòng ngộ độc hóa chất

- Kho nguyên liệu và thức ăn các loại phải cách xa kho xăng dầu, hóa chất, thuốc sâu, phân bón v.v..., tuyệt đối không để nguyên liệu thức ăn chung kho với các loại trên.



- Xe, phương tiện chở nguyên liệu thức ăn phải được sát trùng kỹ, sạch sẽ. Tuyệt đối không dùng xe chở hóa chất, thuốc sâu để chở nguyên liệu và thức ăn gia súc, gia cầm. Không dùng thức ăn có mùi lạ cho chăn nuôi. Lúc cần là phải kiểm tra nồng độ các chất độc tồn dư trong nguyên liệu thức ăn theo tiêu chuẩn qui định.

1.5. Phòng ngộ độc muối

Gia cầm nhất là gia cầm con rất mẫn cảm với thức ăn, nước uống mặn, gây chết hàng loạt. Tuyệt đối không dùng bột cá mặn trộn vào thức ăn, không trộn phụ phẩm nhà bếp mặn vào thức ăn gia cầm.

Thức ăn hỗn hợp quá liều muối phải trộn thêm ngô, cám cho nhạt vừa cho gà ăn.

2. Vệ sinh trang trại, chuồng nuôi gà

- Khu trang trại có rào, có cổng ra vào hoặc khu chuồng nuôi nhỏ cũng tách biệt riêng có lối ra vào riêng.

- Trước cổng trại, trước mỗi ô chuồng đầu dãy chuồng phải có hố sát trùng xây xi măng hoặc máng tôn có gờ thấp lót bao tải đổ vôi bột, hay dung dịch crezyl 3% hay formol 2%. Khi vào trại, vào chuồng ai cũng phải dẫm giày dép vào hố để sát trùng, tốt nhất là thay giày dép của trại rồi dẫm vào hố sát trùng.

- Xung quanh chuồng khoảng cách 1m dầy cỏ sạch và định kỳ 2 - 3 tuần phun formol 2% hay crezyl 3% 1 lần, hoặc rắc vôi bột, cỏ thể chèn lửa kỹ.

- Phun sát trùng chuồng nuôi cho gà từ 30 ngày trở lên cứ 2 tuần phun formol một lần với nồng độ 2% hoặc dipterex 6,5g/l nước vào chất độn chuồng, bề máng ăn, máng uống, sào đậu, ổ đẻ, tường lưới, rèm che.

- Chuồng có mật độ nuôi gà vừa phải:



- + Gà con 8 - 14 con/m² theo mùa nóng lạnh và loại gà.
- + Gà dò 5 - 6 con/m² theo mùa vụ nóng lạnh.
- + Gà đẻ 2,6 - 3,5 con/m² tùy mùa vụ, loại gà.

Nuôi gà bán chăn thả, ban đêm nhốt gà và những ngày thời tiết xấu thì mật độ gà/m² có thể tăng lên 1,2 - 1,4 lần.

- Nghiêm ngặt thực hiện nội qui ra vào trang trại, khu chăn nuôi.

+ Người ra vào trại khi được phép phải thực hiện vệ sinh sát trùng quần áo, người, giày dép, tốt nhất là tắm rửa xong, mặc quần áo, đi giày dép đã sát trùng của trại.

+ Cấm người không nhiệm vụ ra vào trại, không cho súc vật vào trại, không đưa vật dụng ra vào trại, khu chăn nuôi.

+ Xe chuyên chở thức ăn, dụng cụ chăn nuôi vào trại phải đi qua cổng trại có hố sát trùng (có dung dịch sát trùng và phun dung dịch crezyl 3% hoặc formol 2% toàn bộ xe cả gầm).

+ Hàng ngày kiểm tra phát hiện và cách ly kịp thời gà ốm. Có gà chết phải loại bỏ nhanh khỏi khu chăn nuôi và khử trùng ô chuồng có gà chết.

3. Thực hiện đầy đủ qui trình vệ sinh chuồng trại

- *Hàng ngày*

+ Phát hiện gà ốm cho cách ly.

+ Dọn rửa hố sát trùng trước cửa ô chuồng, thay vôi bột hoặc dung dịch sát trùng crezyl 3% hay formol 2%.

+ Thu nhặt lông, trộn đảo chất độn và những chỗ bị ẩm ướt.

+ Thông rãnh thoát nước, quét dọn chung quanh chuồng.



- *Hàng tuần*

- + Thông cống rãnh trong trại.
- + Quét vách lưới, tường sàn chuồng, ổ đẻ...
- + Quét vôi tường lửng, sào đậu...
- + Phun dung dịch sát trùng tường, lưới, rèm,... sát trùng máng ăn, máng uống.

- *Hàng ngày*

- + Cọ rửa bể nước.
- + Quét vôi ở hiên, kho, cống rãnh...
- + Phun thuốc sát trùng chất độn bằng cách: phun formol 2% và sunlfat đồng 5%, đánh đồng ủ, rồi phơi thật khô, lớp độn dày 7 - 10cm, chỗ ướt phải thay chất khô.
- + Hết đợt nuôi, phân và chất độn trộn vôi bột đem ủ nóng diệt vi khuẩn có hại. Phân chuồng ủ mục bón ruộng vườn rất tốt. Để trống chuồng 2 - 4 tuần cho nuôi lại đợt gà mới.

+ Trong chăn nuôi gà thì biện pháp nuôi cùng lứa tuổi "cùng nhập cùng xuất" trong từng khu của trang trại hoặc từng chuồng, qui mô nhỏ thì từng ô chuồng, gà đẻ thì hết chu kỳ đẻ. Sau đó tổng vệ sinh toàn khu và để trống chuồng rồi nuôi lại đợt tiếp.

4. Một số hóa chất sát trùng

- *Vôi*

Vôi bột, vôi sống rắc lên nền chuồng, lớp độn, hố, khay sát trùng trước cửa chuồng, cổng trại, rắc độn ủ phân để khử trùng.

Nước vôi tôi 5 - 20% quét trần, tường vách, nền, lồng, cống, cống rãnh sát trùng.

Nước vôi trong nồng độ nhẹ cho gà uống phòng bệnh.



- *Formol*

Là hóa chất trong suốt, không màu, khử trùng rất mạnh diệt được cả virus, nấm, vi khuẩn...

Nhiệt độ càng cao thì hoạt tính của formol càng tăng.

Dùng formol 2%, formol sát trùng nền chuồng, chất độn chuồng, vách, tường chuồng trước khi nhập gà.

Dùng thuốc tím và formol trộn lẫn để xông sát trùng trứng ấp trong máy ấp, xông sát trùng quần áo bảo hộ lao động. Liều xông cho 1m^3 không gian gồm 35cc formol + 17,5g thuốc tím hoặc 18cc formol và 9,5g thuốc tím. Thuốc tím đựng vào đĩa sứ đặt vào nơi xông rồi đổ formol vào đóng kín cửa máy ấp, cửa phòng bảo quản sau 15 - 20 phút là xong rồi mở cửa phòng (người ra khỏi phòng trước khi đổ formol vào thuốc tím).

- Crezyl màu nâu, khi pha loãng có màu trắng sữa. Pha dung dịch crezyl 3% sát trùng thiết bị, dụng cụ, chuồng trại và tráng rửa dụng cụ chăn nuôi sau khi đã rửa sạch. Phun dung dịch này sát trùng lò ấp, cống rãnh, nền chuồng 15 - 20 ml/ m^2 . Khi dùng formol 2% với crezyl 3% thì phải theo tỷ lệ 3:1 theo liều lượng trên cho phun sát trùng.

- *Sulfate đồng (CuSO_4)*

Bột màu xanh, không mùi, vị tanh dùng cho phòng chống nấm phổi và ký sinh trùng cho gà. Dùng phun sát trùng chất độn chuồng với 0,2 - 0,3%, sát trùng dụng cụ chăn nuôi với 0,6% (ít dùng) dung dịch sunfate đồng.

- *Thuốc tím (KMnO_4)*

Tinh thể màu tím, thường dùng với formol cho xông trứng, xông kho, xông quần áo lao động để khử trùng.



Thuốc tím có thể sát trùng nước uống với liều 1 phần vạn thuốc tím.

- Xút (NaOH - soude)

Màu trắng, dễ tan trong nước, có tính sát trùng mạnh, đun càng nóng càng tăng tính sát trùng. Nền chuồng đất dùng dung dịch xút 1 - 3% đun nóng với liều 0,5 - 1 lít/m² là tốt nhất. Xút thường dùng ở các trang trại chăn nuôi có qui mô trung bình trở lên.

5. Lịch tiêm chủng phòng bệnh (Trung tâm nghiên cứu và huấn luyện chăn nuôi)

Ngày tuổi	Vaccin	Phòng bệnh	Cách dùng
1	Market	Market	Tiêm dưới da, sau gáy tại trạm ấp
1 - 3	Vitamin + kháng sinh	Tăng sức đề kháng	Pha vào nước
5	Gumboro	Gumboro	Nhỏ mũi + mắt
7	Lasota + IB lần 1 Đậu gà	Newcastle + IB Đậu gà	Nhỏ mũi + mắt Chủng màng cánh
< 18	Cúm lần 1	Cúm gia cầm	Tiêm dưới da 0,3ml/gà
18	Gumboro lần 2	Gumboro	Nhỏ mũi + mắt
21	Lasota + IB Lần 2	Newcastle + IB	Nhỏ mũi + mắt
28	Viêm thanh khí quản truyền nhiễm lần 1	ITL	Nhỏ mũi + mắt
48	Cúm lần 2	Cúm gia cầm	Tiêm dưới da 0,5ml/gà
45 - 60	Vaccin Newcastle hệ I	Newcastle	Tiêm dưới da



Ngày tuổi	Vaccin	Phòng bệnh	Cách dùng
60 ngày và sau đó 1 tháng/lần	Tụ huyết trùng	Tụ huyết trùng	Tiêm bắp, cơ
120	Viêm than khí quản truyền nhiễm lần 2	ITL	Nhỏ mũi + mắt
120 - 150	Vaccin vô hoạt nhũ dầu đa giá	Newcastle, Gumboro, IB	Dưới da
170	Cúm lần 3	Cúm	Dưới da 0,5ml/gà

VIII. PHÒNG TRỊ MỘT SỐ BỆNH CHO GÀ

1. Bệnh Niu-cát-xơn (Newcastle)

Thường gọi là bệnh gà rù, Tân thành gà là bệnh truyền nhiễm lây lan rất nhanh. Bệnh Niu-cát-xơn do virus Paramixovirus gây ra, chỉ có 1 serotype và có thể thay đổi hình dạng tùy theo môi trường. Virus này có thể tồn tại trong chất độn chuồng 13 - 30 ngày.

Bệnh lây lan nhanh từ gà ốm sang gà khỏe, qua đường hô hấp, qua thức ăn, nước uống nhiễm virus, qua dụng cụ, xe cộ, người chăn nuôi, chim, chuột, cả không khí mang mầm bệnh.

Đàn gà bị bệnh có tỷ lệ chết cao 40 - 80%, gây thiệt hại lớn cho người chăn nuôi.

Thường vào mùa rét gà chăn thả vườn bị bệnh Tân thành ở nhiều thôn xóm cả đàn chết tỷ lệ cao gần hết.



- Triệu chứng gà ốm

Gà ủ bệnh 2 - 14 ngày. Gà ốm biểu hiện ở 3 hệ là hô hấp, tiêu hóa, thần kinh. Gà ốm suy sụp nhanh ủ rũ, xù lông như "mang áo tơi", ho, hắt hơi, ăn ít, nước mũi chảy, thở khò khè đứt quãng, tiêu chảy, phân loãng có nước trắng như vôi "cứt cò". Gà bệnh có thể có triệu chứng thần kinh: cơ run, liệt cơ giập từng lúc, bước đi không phối hợp giữa cổ và đầu, có khi ngoẹo đầu ra đằng sau (torlicolis), thân mình lệch sang một bên. Những gà sống được qua giai đoạn cấp tính có con vẫn còn di chứng đầu vẹo, đi vòng tròn...

Gà mọi lứa tuổi đều bị bệnh và có thể thể hiện cả ba loại triệu chứng trên hoặc 2 hoặc 1 tùy bệnh nặng nhẹ. Gà đẻ bị bệnh Niu-cát-xơn thì giảm đẻ, đẻ trứng non, trứng không vỏ, vỏ sần sùi.

- Bệnh tích

Mổ gà bệnh thấy rõ ở khí quản, phổi, và xoang mũi có đọng dịch nhầy đục, có khi lẫn máu, xuất huyết dạ dày ở các ống tiết dịch thành vệt ở trước ranh giới với thực quản và dạ dày cơ. Niêm mạc ruột, van hồi manh tràng xuất huyết nổi gờ lên. Tim, trực tràng, hậu môn và các nội tạng khác đều xuất huyết. Ở gà đẻ trứng non rơi ra xoang bụng, có thể vỡ ra gây viêm phúc mạc làm gà chết.

Gà bị bệnh Niu-cát-xơn có triệu chứng lâm sàng giống một số bệnh khác như viêm thanh khí quản truyền nhiễm, viêm phế quản truyền nhiễm v.v... cho nên chẩn đoán bệnh phải kiểm tra hàm lượng kháng thể, phân lập virus.

- Phòng bệnh

Đến nay chưa có thuốc đặc trị bệnh Niu-cát-xơn cho nên cần làm tốt biện pháp vệ sinh thú y chuồng trại nuôi dưỡng tốt đàn gà và tiêm phòng đầy đủ vaccin.



- Phòng bệnh bằng vaccin Niu-cát-xơn
- + 7 - 10 ngày tuổi: nhỏ vaccin Lasota lần 1.
- + 21 - 25 ngày tuổi: nhỏ vaccin Lasota lần 2. Lần 1, lần 2 có thể hòa nước cho uống, có điều kiện thì phun sương trong chuồng kín.
- + 40 - 60 ngày tuổi: tiêm vaccin Niu-cát-xơn hệ 1 lần 1.
- + 133 ngày tuổi (gà sinh sản): tiêm vaccin Niu-cát-xơn hệ 1 lần 2.
- + 308 ngày tuổi (gà sinh sản): tiêm vaccin Niu-cát-xơn hệ 1 lần 3.

Sau đó cứ 3 tháng kiểm tra kháng thể lần 1, nếu độ miễn dịch thấp tiêm vaccin hệ 1 bổ sung.

- Xử lý khi có dịch xảy ra

+ Kịp thời bao vây ổ dịch, tách biệt khu có dịch với thôn xóm xung quanh, thực hiện "nội bất xuất, ngoại bất nhập", ngăn chặn động vật khác, cử người chăm sóc riêng đàn gà.

+ Chọn loại gà ốm, chết chôn sâu, rắc vôi bột, nền chuồng chèm đốt lửa, phun formol, quét vôi tường vách, dụng cụ...

+ Dùng vaccin cho gà khỏe: gà dưới 1 tháng tuổi nhỏ Lasota, trên 1 tháng tuổi tiêm vaccin Niu-cát-xơn hệ 1. Sau 1 tuần tiêm vaccin, đàn gà yên ổn là vaccin có hiệu lực tốt.

+ Tổng vệ sinh chuồng trại

+ Tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng đàn gà. Đề phòng bệnh thứ phát xâm nhập, cần cho liều kháng sinh phổ rộng như Neotesrol, Tylo-50, Gentacostim... với liều nhẹ. Gà bị căng phồng điều do độ axit cao thì cho uống nước vôi trong, bổ sung vitamin nhóm B trong 7 - 10 ngày.

+ Chăn nuôi gà vườn thấy gà lù rù là phải nhốt cách ly ngay và làm tất cả các biện pháp phòng bệnh.



2. Bệnh tụ huyết trùng gà (Pasteurellosis)

Tụ huyết trùng gà là bệnh truyền nhiễm cấp tính do vi khuẩn *Pasteurella multocida*, là vi khuẩn gram âm, hình que hai đầu tròn hình chày dài 0,6 - 2,6 micra, rộng 0,03 - 0,25 micra, dễ bị diệt ở nhiệt độ 60°C trong 10 phút. Vi khuẩn sống trong phân 1 tháng, trong xác thối 3 tháng, trong thiên nhiên vi khuẩn này tồn tại khắp nơi như ao tù, nước sông suối,... và ngay cả trong cơ thể gà khỏe mạnh.

Gà khỏe lây bệnh từ gà ốm, từ động vật mang vi khuẩn xâm nhập qua vết xước ở da.

- Triệu chứng: có ba thể bệnh

+ *Thể ác tính (quá cấp tính)*: gà chết đột ngột chưa có biểu hiện triệu chứng gì. Có con đang ăn, đang ấp lẫn ra chết, chỉ kịp dấy đập vài cái và kêu "quắc, quắc".

+ *Thể cấp tính*: gà ốm bỏ ăn, ủ rũ, lông xù, mào tích tím xanh, dãi dớt chảy, sùi bọt, thở khò khè, tiêu chảy, phân loãng nhạt rồi xanh thẫm có dịch nhầy, nhíp thở gấp. Sau 24 - 72 giờ gà chết do kiệt sức, ngạt thở, chết > 50%, có hiện tượng liệt đuôi chân thẳng. Sắp chết những chỗ không có lông trên da gà, mào tích đều thâm tím.

+ *Thể mãn tính*

Cục bộ một số nơi như tích, xoang mũi, khớp cánh giáp lưng, khớp chân bị viêm tấy, sưng, thủy thũng, điển hình nhất là sưng một hay hai bên tích, còn gọi là bệnh "tích sưng", gà tiêu chảy kéo dài. Hiện tượng có thể là gà khó thở, khí quản có tiếng ran.



- Bệnh tích

Bệnh tụ huyết trùng gây tắc rối loạn tuần hoàn ở gà, gây xung huyết nội tạng, rõ nhất ở mao mạch niêm mạc tá tràng, nhiều khi còn rối loạn tắc các mạch máu do fibrin làm gà chết. Ở cổ, ở đầu, tim, thanh mạc xuất huyết lấm chấm hoặc từng đám. Gan sưng màu nâu vàng hơi cứng có nhiều hoại tử bằng đầu đinh ghim.

- Phòng bệnh

Trong môi trường vi khuẩn *Pasteurella* luôn tồn tại, khi có lý do làm gà yếu, sức đề kháng giảm, gà dễ bị nhiễm bệnh. Vì vậy phải chăm sóc nuôi dưỡng tốt, vệ sinh thú y phòng bệnh cho gà luôn luôn khỏe mạnh đủ sức chống lại sự thâm nhập của vi trùng.

Dùng các loại kháng sinh với liều phòng theo qui định (1/2 liều trị) như Ampic-septol, Gentacostim, Tetracycline...

- Điều trị

Dùng Streptomycin 120 - 150mg/kg thể trọng kết hợp Penicilline 150mg/kg thể trọng hoặc Chlotetracycline 40mg/kg thể trọng gà.

3. Cúm gia cầm (Avian influenza)

- Nguyên nhân

Cúm gia cầm là bệnh truyền nhiễm cấp tính rất nguy hiểm do virus cúm typ A thuộc họ Orthomyxoviridae có độc lực cao gây ra. Các loài gia cầm gà, vịt, ngan, ngỗng, chim hoang dã đều bị bệnh và chết tỷ lệ rất cao (80 - 90%), một số loài thú và người cũng bị cúm gà.

Từ năm 1870 bệnh cúm đã xuất hiện ở Italia, và phân lập được virus cúm gia cầm H5N1 ở Scotland vào những năm 1950 - 1956. Đợt dịch năm 2003 - 2004 ở



các nước châu Á và cả ở Việt Nam cũng đã xác định được virus H5N1 gây bệnh cúm gà. Tổ chức Thú y thế giới (OIE) xếp bệnh cúm gà vào danh mục bảng A gồm: lở mồm long móng, dịch tả lợn, Newcastle và cúm gà.

Virus cúm có 2 kháng nguyên bề mặt: kháng nguyên H (Haemagglutinin) và kháng nguyên N (Neuraminidase) luôn thay đổi tạo ra các chủng virus mới: H5N1, H5N2, H7N2, H9N2... Có 19 chủng virus cúm gia cầm có độc lực cao, có kháng nguyên H từ H1, H2... H16 và kháng nguyên từ N1, N2... N9.

Virus tồn tại trong chất hữu cơ môi trường tự nhiên từ 2 tuần đến 1 tháng; trong môi trường nước từ 2 - 3 tuần. Virus cúm gà chết trong nhiệt độ 65 - 70°C trong 1 phút và dưới ánh nắng mặt trời từ 40 - 60 phút. Các loại hóa chất như xút (NaOH) 3%, Chloramin bột... dùng đúng liều lượng đều diệt được virus.

Các loại gia cầm đều có thể mắc bệnh, nung bệnh vài giờ đến 3 ngày. Gia cầm mọi lứa tuổi có thể bị cúm, thường từ 6 - 66 tuần tuổi, có tỷ lệ chết cao nhất là gà sắp đẻ, hoặc lúc đẻ cao nhất.

Chim hoang dã nhiễm virus H5N1 có thể không có dấu hiệu lâm sàng nên mùa đông chim di trú từ vùng lạnh sang vùng ấm làm lây lan mầm bệnh cho gia cầm, nhất là thủy cầm trên các cánh đồng. Do vậy, cần có chương trình phòng chống cúm thống nhất, không riêng ở một nước mà cả vùng.

Bệnh cúm xâm nhập vào cơ thể gia cầm bằng 2 cách theo đường hô hấp hít thở không khí nhiễm virus và đường tiêu hóa do ăn, uống có mầm bệnh.



- Triệu chứng

Gà ủ bệnh từ vài giờ đến 3 ngày. Gà sốt cao (44 - 45°C), toàn bộ các hệ tiêu hóa, hô hấp, thần kinh, sinh sản đều không bình thường. Gà ít hoạt động, ủ rũ, ăn giảm, gầy, dễ giảm. Bệnh nặng gà lông xù, đầu và mắt phù lên, ho, khẹt mũi, chảy nước mũi, nước mắt, đứng tụm lại, lắc đầu, vẩy mỏ. Gà bệnh bị viêm phổi cấp nên thở khó, khi thở phải há mỏ, sau 1 - 3 ngày chết do suy hô hấp và ngạt thở. Gà tiêu chảy phân loãng trắng hoặc xanh, vàng mùi tanh. Những chỗ không có lông da tím tái, xuất huyết ở chân. Gà bệnh bị hội chứng thần kinh như đi loạn xạ, run rẩy, có con co giật hoặc đầu ở tư thế không bình thường, có con ngã lăn ra chết.

Cần lưu ý là vịt, ngỗng, ngan, thủy cầm, chim hoang có thể nhiễm virus cúm mà không thể hiện ra lâm sàng; thể ẩn này nguy hiểm dễ gây lây bệnh cho các loài gia cầm khác và các nhà khoa học đã khuyến cáo không nuôi chung gà với vịt...

- Bệnh tích

Bệnh nhẹ gà viêm mũi tư thế cata, serofibrin đến nhầy mũi và bị casein hóa làm tịt mũi, thối; mi mắt, niêm mạc khí quản phù nề có dịch thấm xuất từ thanh dịch đến casein, nhiều đờm. Túi khí dày lên và nhiều fibrin bám dính. Xoang bụng viêm cata hoặc fibrin do trứng non dập vỡ, hiện tượng này còn được gọi là "viêm phúc mạc lòng đỏ trứng". Toàn bộ đường tiêu hóa bị viêm xuất huyết, nhất là manh tràng, dạ dày tuyến, ruột non, ruột thừa, túi fabricius bị viêm xuất huyết đỏ sẫm từng đám.



Bệnh nặng: mũi gà bị tịt, mào tích thâm tím sưng dày lên, nhiều điểm xuất huyết và hoại tử, mắt và mi mắt phù nề, đầu sưng to. Xuất huyết dưới da ở những chỗ không có lông như ở đùi, nhất là chân, kẽ móng chân.

Mổ gà chết thấy béo nhưng thịt thâm, khô. Gan, lách, thận viêm to, có những vạch vàng và đỏ sẫm theo chiều dọc, thịt gà thâm xám, xuất huyết dưới da vùng chân là biểu hiện đặc trưng cho cúm gà. Túi fabricus sưng và xuất huyết.

Bệnh tích cúm gà rất giống bệnh Niu-cát-xơn, cần chú ý khi chẩn đoán: xuất huyết dạ dày tuyến ở gà bị cúm thường gặp không ở đỉnh ống tuyến như ở bệnh Niu-cát-xơn, mà ở nơi tiếp giáp với dạ dày cơ mề, xuất huyết mỡ bụng, mỡ bao tim và mỡ màng treo ruột là bệnh đặc trưng của cúm gà.

- Phòng bệnh

Cúm gà rất nguy hiểm có thể lây truyền sang người. Virus có khả năng biến chứng từ chủng độc lực thấp thành chủng có độc lực cao, từ chủng không gây bệnh cho người thành chủng gây bệnh cho người.

Vụ dịch cúm ở châu Á 2003 - 2004 xảy ra trên diện rộng, gây thiệt hại lớn. Ở Việt Nam trong vụ dịch cúm gà này đã lây lan đến 54 tỉnh thành, số gia cầm bị dịch và trong vùng dịch bị tiêu hủy lên khoảng trên 40 triệu con, là một vụ dịch cúm chưa từng gặp, tái phát đến 2005. Vì vậy phải có biện pháp phòng bệnh nghiêm ngặt để ngăn chặn bệnh.

+ Bệnh cúm gia cầm chưa có thuốc đặc trị

Các trang trại, các nông hộ chăn nuôi gia cầm phải thực hiện đầy đủ các biện pháp an toàn sinh học ngăn



chặn mầm bệnh. Người chăn nuôi làm tốt vệ sinh chuồng trại, sân vườn, dụng cụ v.v... Thức ăn, nước uống sạch, chất độn chuồng được sát trùng diệt mầm bệnh. Thực hiện tốt nội quy ra vào trại, khu chăn nuôi.

Nơi có dịch phải nhanh chóng thực hiện đầy đủ các biện pháp được thú y hướng dẫn nghiêm ngặt như chôn, đốt, tiêu hủy toàn bộ gia cầm ốm, chết; các chất thải, phân, rác có rắc vôi bột, các chất tiệt trùng...; khử trùng chuồng trại, dụng cụ bằng formol, formalin, B-propiolacton...; cách ly các động vật khác, diệt côn trùng để tránh mang mầm bệnh sang các nơi khác.

Khu vực dịch phải cách ly triệt để, cấm người và mọi phương tiện ra vào ổ dịch. Kiểm tra vận chuyển gia cầm và sản phẩm gia cầm để phòng có mầm bệnh. Không xuất nhập gia cầm, không ăn thịt gia cầm ốm chết, không ăn tiết canh.

+ Tiêm vaccin phòng cúm gia cầm

Cho gà dùng vaccin chết chủng H5N2 của hãng Intervet (Hà Lan) và Trung Quốc, tiêm lần đầu 8 ngày tuổi, tiêm lần 2 cách lần đầu 4 tuần và sau đó 6 tháng tiêm nhắc lại cho gà giống. Đối với gà thịt dự kiến giết mổ trong vòng 15 ngày thì không tiêm và nuôi nhốt an toàn sinh học.

Cho vịt dùng vaccin chết H5N1 của Trung Quốc, tiêm lần đầu khi vịt 15 ngày tuổi trở lên, tiêm lần 2 cách lần đầu 28 ngày.

Liều lượng vaccin sử dụng và cách bảo quản theo hướng dẫn của người sản xuất vaccin.

Gia cầm đã tiêm vaccin, chỉ được sử dụng thịt sau khi tiêm ít nhất 2 tuần.



4. Bệnh Marek

Bệnh Marek là bệnh truyền nhiễm cấp tính hoặc mãn tính do virus thuộc họ Herpes virus nhóm B liên kết tế bào bắt buộc, biểu hiện là sự tăng sinh tế bào tiến đến tạo "khối u" gây viêm thần kinh. Bệnh lây qua đường hô hấp.

Virus bệnh rất bền vững, tồn tại lâu và nhiều trong các túi chân lông, là nơi truyền bệnh quan trọng. Virus sống đến 16 tuần trong chất độn chuồng, bụi bặm ở chuồng gà bệnh, sống trong glycerin được 6 tháng. Vẩy da gà, lông giữ được khả năng nhiễm bệnh đến trên một năm. Vỏ trứng ấp mang mầm bệnh có thể lây bệnh cho gà con. Thức ăn, nước uống, dụng cụ chăn nuôi đều có thể mang mầm bệnh. Bệnh không truyền dọc qua trứng.

Virus bị diệt ở nhiệt độ 50°C trong 20 phút và formol 2 - 3%.

Gà mẫn cảm với bệnh ở tuổi 4 - 20 tuần tuổi. Lây truyền chủ yếu trong sản xuất là gà con hít không khí ô nhiễm, bụi bặm có virus.

Bệnh Marek có 2 dạng là nội tạng và cổ điển. Khi bị bệnh gà kém ăn, tiêu chảy, gầy nhanh.

- Dạng Marek nội tạng (cấp tính) ở gà con 1 - 8 tuần tuổi và gà 16 tuần tuổi. Khối u của gà bệnh phát triển khắp cơ quan nội tạng như lách, gan, thận, dạ dày, buồng trứng, da, túi fabricius..., đặc biệt gan, lách to gấp 2 - 3 lần, quen gọi là bệnh là gan to. Gà gầy yếu nhanh, chết nhanh, tỷ lệ chết đến 30 - 50%. Các khối u nội tạng của gà bệnh Marek dễ nhiễm với bệnh Lơ cô (Leucosis).



- Dạng Marek cổ điển (mãn tính) thường xảy ra ở gà lớn 3 - 5 tháng tuổi. Virus gây tác động vào hệ thần kinh ngoại biên 1 hoặc 2 bên, làm cho gà ốm đi lại khó khăn, loạn choang, một bên chân bị liệt hẳn choãi ra, cánh cũng liệt sa xuống. Những gà ốm nặng, cả hai chân bị liệt, một chân choãi ra phía trước (có hình compa). Khi thần kinh cổ bị nhiễm thì đầu gục xuống hoặc cổ vẹo ra phía sau. Bệnh nặng, ngay từ đầu đã có gà suy sụp, mất nước, gầy xơ xác, co giật. Gà trưởng thành từ 9 tháng tuổi trở lên bị viêm thần kinh ở một bên hoặc cả hai mắt. Mắt không còn phản xạ với ánh sáng, thủy tinh thể, bị đục và không tròn thậm chí còn biến dạng thành hình răng cưa làm cho gà lơ đãng không nhìn thấy nên không ăn, uống được. Gà ốm yếu dần và chết.

- Phòng bệnh

Bệnh Marek chưa có thuốc đặc trị. Phòng bệnh bằng cách làm tốt vệ sinh chuồng trại, thiết bị, dụng cụ chăn nuôi, ăn uống sạch sẽ, khử trùng vỏ trứng, diệt mầm bệnh bằng dung dịch formol 1%, có gà bệnh phải diệt triệt để... Hàng ngày nhặt hết lông ở nền chuồng đem đốt hết vì virus Marek sống lâu trong nang lông. Nuôi tách biệt gà con với gà lớn.

Tiêm phòng vaccin Marek - HVT - Fc chủng 126 cho gà 1 ngày tuổi, tiêm cơ tại trạm áp 0,2ml/gà. Hoặc loại vaccin MD-VAC CFL (Marek) serotype 3 virus sống, tiêm dưới da 0,2ml/gà.

Để phòng vi trùng bội nhiễm có thể dùng kháng sinh Gentamycin 1ml/5kg thể trọng, 2 - 3 lần/ngày tiêm bắp trong 3 - 4 ngày.



Neotesol 80 : 100mg/kg thể trọng pha nước uống trong 3 - 5 ngày.

Genta-costrim 1g/10kg thể trọng pha 2l nước cho uống hoặc trộn 1,5kg thức ăn cho 3 - 5 ngày.

Bồi dưỡng các loại vitamin B-complex 1g/3l nước hoặc trộn vào 1kg thức ăn, vitamin C 5%, tiêm bắp 0,1 - 0,2ml/con hoặc cho uống 0,3 - 0,5ml/con.

5. Bệnh Gumboro (viêm túi Fabricius) (Infectious Brusal Disease - IBD)

Bệnh Gumboro do virus Birna rất bền vững gây ra, các dung dịch sát trùng như crezyl 1%, formol 1% v.v... trong 1 giờ mới làm mất hoạt tính của virus.

Ở nhiệt độ 56°C virus chịu đựng được 30 phút, ở 25°C, virus tồn tại trong 21 ngày. Trong phân, nước, thức ăn virus có thể sống 52 ngày.

Virus sống được 3 năm ở -20°C, trong huyền dịch của túi fabricius ở -50°C virus giữ độc lực trong 18 tháng. Khoa học đã phân lập được virus Gumboro trong con một thức ăn ở trại gà bệnh trước đó một năm.

Bệnh lý điển hình là virus cường độc vào túi fabricius gây viêm, cho nên còn gọi Gumboro là viêm túi bạch huyết (fabricius), và viêm các bộ phận chức năng miễn dịch hủy hoại các tế bào lympho B và đại thực bào gây hiện tượng giảm miễn dịch ở gia cầm. Túi fabricius, hệ miễn dịch bị tổn thương nên khả năng sản sinh kháng thể chống bệnh bị giảm, có thể mất hẳn, kể cả khi được tiêm phòng các bệnh khác. Vì vậy, gà bị Gumboro thường nhiễm các bệnh thứ phát khác.



- Triệu chứng

Gà bị ốm đột ngột với tỷ lệ ốm cao, mệt mỏi, ủ rũ, xù lông, khó chịu bồn chồn, có gà quay đầu lại mổ vào hậu môn của mình là nơi túi fabricius nằm sát hậu môn, phía trên trực tràng. Túi fabricius sưng to rồi teo dần, phân gà bệnh ban đầu loãng trắng, sau chuyển màu nâu vàng dính xung quanh hậu môn. Gà bệnh run rẩy, ăn ít, sau 1 - 2 ngày ốm bắt đầu chết, chết cao vào ngày thứ 3, 4, tỷ lệ chết đến 10 - 30%, nếu ghép với các bệnh khác tỷ lệ chết đến 50 - 60%. Gà con bệnh bị suy giảm miễn dịch kéo dài, chậm lớn, giảm khả năng phòng các bệnh khác. Gà khỏi bệnh hay bị thiếu máu, còi cọc.

- Bệnh tích

Gà bệnh Gumboro chết gây khô vì mất nước nhiều, điều lép, cơ lườn nhợt nhạt. Xuất huyết lấm tấm từng đám ở đùi, lườn, cánh, nội tạng. Túi bạch huyết (fabricius) sưng to gấp 2 - 3 lần vào ngày gà ốm thứ 3, 4, sau đó trở lại khối lượng ban đầu vào ngày thứ 5, 6, rồi teo dần vào ngày thứ 8 chỉ còn 1/2 so với lúc bình thường. Trong túi này có dịch nhầy, sánh đục vàng lẫn máu, bệnh nặng thì có bã đậu.

Hiện tượng xuất huyết thành từng đám ở lườn, đùi, cánh, cả ở tim, dạ dày, tuyến tụy, ruột, trực tràng, van hồi manh tràng, thận sưng to.

- Phòng bệnh

Bệnh Gumboro chưa có thuốc đặc trị. Chọn mua gà giống nơi an toàn dịch bệnh, chăm sóc nuôi dưỡng tốt, vệ sinh phòng bệnh chuồng trại, dụng cụ, thức ăn, nước uống đảm bảo theo qui trình kỹ thuật.



Tiêm phòng vaccin Gumboro nhược độc cho gà con theo lịch và tiêm phòng vaccin vô hoạt cho gà sinh sản trước khi vào đẻ 4 - 6 tuần tuổi theo lịch hướng dẫn.

Gà ông bà, bố mẹ được tiêm phòng sẽ có kháng thể truyền dọc qua trứng cho nên gà con có miễn dịch thụ động đến 3 - 4 tuần tuổi. Tiếp đến dùng vaccin cho gà con 5 - 7 ngày tuổi sẽ cho miễn dịch tiếp nối khi gần hết miễn dịch thụ động.

Khi có dịch phải bao vây, cách ly gà ốm, loại những gà chết, bồi dưỡng cho gà khỏe cho bổ trợ B-complex 1g/3l nước hoặc trộn 1g/kg thức ăn cho gà nuôi thịt trong 5 - 7 ngày, solmivit 1g/1 lít nước cho gà nuôi thịt, 0,5g/lít nước cho gà nuôi đẻ trong 5 - 7 ngày.

Dùng kháng thể Gumboro của Công ty Hanvet, tiêm bắp 1 - 2 ml/gà 0,5 - 1kg, Antigumboro 1 gói 10g/5 lít nước + 100g đường glucose dùng cho 50kg gà/ngày trong 3 - 5 ngày.

6. Bệnh viêm đường hô hấp mãn tính (CRD) (Mycoplasmosis)

Bệnh xảy ra do virus *Mycoplasma galisepticum* là loại vi khuẩn dễ thay đổi hình dạng và gây bệnh tích ở túi khí của gà. Bệnh thường xảy ra ở vụ đông xuân giá rét hoặc mùa hè những tháng nóng nực, quen gọi là bệnh thời tiết của gà, gà 2 - 12 tháng tuổi dễ nhiễm bệnh.

Là bệnh truyền nhiễm mãn tính ở gà, gà tây và một số loài gia cầm khác.

Bệnh lây trực tiếp từ gà ốm sang gà khỏe qua đường thức ăn, nước uống bị nhiễm, các vật nhiễm như xe vận chuyển, dụng cụ chăn nuôi. Gà khỏi bệnh vẫn mang virus thải ra môi trường có thể gây nhiễm bệnh.



Một đặc điểm cần chú ý là bệnh lây truyền dọc từ gà mẹ sang gà con từ trứng gà nhiễm bệnh, cho nên mua gà con nuôi phải chọn từ đàn gà mẹ không bị bệnh này.

- Triệu chứng

Đặc trưng của đàn gà con, gà dò bị bệnh này là triệu chứng thở có tiếng ran khí quản khô khè, lúc yên tĩnh buổi trưa hay đêm khuya nghe rõ.

Gà đẻ bị bệnh có nhiều dịch nhầy đọng ở đường hô hấp trên nên gà thở khô khè mạnh, ho, hắt hơi. Như vậy gà bị bệnh đều rõ các triệu chứng hô hấp: hắt hơi, khó thở, viêm kết mạc và nước mắt chảy. Nhiều con mi mắt sưng tấy lên dính vào nhau. Gà ốm lông xù, bỏ ăn, gây cơ thể đến 20 - 50%, gà con có thể chết đến 30%.

Gà đẻ ít chết nhưng do đẻ giảm nên thiệt hại khá lớn, nhất là những đàn mới lên đẻ.

- Bệnh tích

Đường hô hấp bị viêm toàn bộ xoang mũi, thanh khí quản và túi khí viêm động nhiều đàm bã đậu dày lên màu trắng vàng như casein cứng, nhất là ở gà con. Gan bị phủ lên một lớp màng fibrin giả. Đôi khi còn có từng mảng bã đậu rơi ra xoang bụng. Ở gà con có thớ bã đậu ở khí quản, phế quản, túi khí, hốc mắt, hốc mũi, giác mạc mắt bị đục mờ và gây những ổ áp xe ở khớp hàm. Ở gà đẻ buồng trứng bị viêm mãn tính, nang trứng bị thoái hóa trước khi chín.

Khi gà trên 3 tuần tuổi trở lên có triệu chứng đường hô hấp với tỷ lệ bệnh cao nhưng tỷ lệ chết thấp thì chẩn đoán bệnh nghĩ đến bệnh Mycoplasmosis.

- Phòng bệnh

Chấp hành tốt qui trình vệ sinh thú y phòng bệnh,



chuồng trại thoáng, sưởi ấm cho gà con nuôi úm, mật độ chuồng nuôi vừa phải cho từng lứa tuổi.

Nuôi gà bố mẹ sinh sản cần kiểm tra phản ứng huyết thanh học và kiểm tra vi khuẩn theo định kỳ để phòng trị kịp thời.

Để phòng bệnh truyền độc từ gà mẹ sang gà con qua trứng, có thể dùng kháng sinh liều cao cho đàn gà mẹ trước khi thu trứng ấp, không cho mầm bệnh theo trứng, nhúng trứng giống vào dung dịch kháng sinh, có thể tiêm kháng sinh vào buồng khí và lòng đỏ trước khi ấp.

Thuốc phòng đặc hiệu là tiêm Tylosin dưới da cho gà con mới nở hoặc pha nước cho uống 3 - 5 ngày liên tục.

Một số nước đã dùng vaccin nhược độc và vaccin vô hoạt.

- Trị bệnh

Chưa có thuốc diệt hoàn toàn mầm bệnh CRD nên phải tích cực chăm sóc nuôi dưỡng tốt đàn gà, dùng một số thuốc chữa như Tylosin và một số kháng sinh khác.

+ Tylosin pha vào nước uống 0,5g/lít cho các thời điểm sau:

3 - 4 ngày tuổi đầu tiên.

3 - 4 ngày đầu tuần thứ 5.

3 - 4 ngày tuổi cuối tháng thứ 4 (sắp vào đẻ).

+ Streptomycin 5g + Penicillin 5g/50kg thể trọng gà, tiêm dưới da hay tiêm bắp 2 - 3 lần, cách nhau không quá 72 giờ.

+ Tetracyclin với liều 500 - 600g/tấn thức ăn.

+ Diamutilin 45: 1g/1,8l nước, uống trong 5 ngày.

+ Tiamulin 1ml/l nước, cho uống 1 - 3 ngày; liều trị 2ml/lít nước, cho uống 3 - 5 ngày liền.

Khi dùng kháng sinh cần bổ dưỡng vitamin C, nhóm B, C, Solminvit.



7. Bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm (ILT - Infectious Laringo Tracheitis)

Bệnh do herpes virus gây ra. Bệnh truyền nhiễm cấp tính đặc trưng bởi triệu chứng lâm sàng và bệnh tích ở đường hô hấp rất riêng ở gà. Virus gây bệnh này dễ bị phân hủy ở nhiệt độ nóng, đun nóng 33°C thì 15 phút virus mất hoạt tính, ở 75°C chỉ 30 giây. Các loại thuốc sát trùng crezyl 3%, xút 1% diệt virus trong 1/2 phút. Trong khí quản gà chết ở môi trường 37°C virus sống được 22 - 24 giờ và sống đến 60 ngày ở nhiệt độ 4 - 10°C. Xác gà chết đã thối rửa virus không tồn tại được. Bệnh lây lan qua đường hô hấp do hít virus trong không khí, thức ăn, nước uống, nhiễm từ thanh dịch, chất thải của gà bệnh, dụng cụ, quần áo... Bệnh không lây truyền dọc qua trứng.

- Triệu chứng

Gà ủ bệnh 4 - 10 ngày. Bệnh thể cấp tính thì gà viêm kết mạc mắt (đỏ), rất khó thở, lúc hít vào gà tìm không khí cấp bách để thở nên rướn cổ, có tiếng ran khô khè, hắt hơi, ho, gà lắc đầu vẩy mủ làm văng ra những đám thanh dịch nhầy lẫn máu. Lúc đó gà suy kiệt, tím tái mào, gà nằm phủ phục trên nền, đầu tỳ vào nền, rồi chết nhanh, có thể đến 60% đàn, số con sống sót thường bị mù.

Gà có thể bị bệnh dạng nhẹ chỉ viêm kết mạc, thanh dịch hoặc xuất huyết, đường hô hấp rối loạn nhẹ, không có triệu chứng bệnh.

- Bệnh tích

Ở thể cấp tính các bệnh tích ở miệng, thực quản, thanh khí quản, khí quản có dịch nhầy lẫn máu, có khi thanh khí quản tắc đầy máu và dịch nhầy vàng xám, gây cho gà chết khi dịch tăng làm gà ngạt, toàn thân



gà tím sẫm do thiếu oxy nghiêm trọng. Ở phế quản có khi có dịch nhầy, có thể phổi bị tụ huyết và phù thũng.

Ở thể nhẹ thanh khí quản chỉ xung huyết nhẹ. Không viêm xuất huyết, ống hô hấp trên không có dịch nhầy lẫn máu.

- Phòng bệnh

Vệ sinh thú ý tốt chuồng trại, khu chăn nuôi.

Dùng vaccin Lanringo của hãng Intervet - Hà Lan hay Rhone Merieux - Pháp cho gà con 4 ngày tuổi, nhỏ vaccin cho gà sinh sản vào 2 lần 4 - 6 và 14 - 16 tuần tuổi.

Cần coi trọng biện pháp nuôi gà cùng lứa tuổi "cùng nhập cùng xuất".

Có gà chết bệnh phải xử lý, tốt nhất là đốt xác.

- Chữa bệnh

Dùng các loại kháng sinh:

+ Tiamulin: 1g với 2kg thức ăn hoặc với 4l nước cho ăn, uống liên tục 3 - 5 ngày, hoặc tiêm dưới da 0,1ml dung dịch 10% với 0,4ml nước cất trong 3 - 4 ngày.

+ Tylosin cho uống 0,5g pha 1 lít nước hoặc tiêm dưới da liều 25mg/kg thể trọng.

+ Cho bổ dưỡng B-complex 3g/3l nước trộn với 1kg thức ăn và vitamin C 5% cho uống 0,3 - 0,5ml/con.

8. Bệnh viêm phế quản truyền nhiễm (Infectious Bronchitis - IB)

Bệnh gây ra do một Coronavirus (virus này có đến 20 loại serotype), do trời lạnh, chăm sóc nuôi dưỡng kém. Bệnh lây lan trực tiếp từ gà bệnh sang gà khỏe, hoặc gián tiếp từ trại có gà ốm sang trại gà khỏe do hít thở không khí nhiễm bệnh. Thời gian ủ bệnh 18 - 36 giờ.



- Triệu chứng

Gà con mới nở 2 ngày tuổi đã bị bệnh há mồm thở, hắt hơi, ho, ran khí quản và chảy dịch mũi, mắt có thể ướt, sưng. Gà con lạnh tím lại dưới chup sườn, xù lông, phân loãng, ăn kém, uống nước nhiều, chậm lớn.

Gà dò, gà lớn trưởng thành bị bệnh các triệu chứng giống gà con, nhưng không có dịch mũi, có trường hợp không có triệu chứng lâm sàng. Gà đẻ giảm rõ rệt, tăng trứng vỏ mềm, dị dạng.

Bệnh lây nhanh, nhiễm cao đến 100%, chết trên 25% ở gà dưới 6 tuần tuổi, gà lớn chết ít.

- Bệnh tích

Bệnh tích chủ yếu ở đường hô hấp. Ở gà con niêm mạc mũi, khí quản, phế quản viêm, xung huyết, đầy dịch nhớt và bọt khí, có khi có bã đậu. Phổi viêm, thận sưng nhạt màu, các ống thận và ống dẫn niệu có muối urat. Khí quản gà lớn xung huyết màu hồng, có dịch nhầy và túi khí có bọt. Gà đẻ bị bệnh có thể lòng đỏ vỡ trong xoang bụng, có thể bị teo buồng trứng.

- Phòng trị bệnh

Chưa có thuốc đặc trị, phải làm tốt vệ sinh thú y.

Sử dụng vaccin:

+ Vaccin IB - H120 cho uống hoặc nhỏ mũi cho gà 28 - 90 ngày tuổi. Cho uống pha 1000 liều vào 10 lít nước, hoặc nhỏ mũi, nhỏ mắt thì pha 500 liều vaccin với 15ml nước sinh lý, nước cất.

+ Vaccin IB + Mas + Clone 40 (Hà Lan) phòng viêm phổi và Niu-cát-sơn. Cho nhỏ mũi, nhỏ mắt mỗi con 3



giọt với vaccin 1000 liều/30ml nước cất, hoặc nhỏ mắt, nhỏ mũi một con 3 giọt với vaccin 1000 liều/30ml nước cất, nước sinh lý, cho uống 1000 liều/10 lít nước.

Đề phòng các bệnh thứ phát dùng kháng sinh:

- + Tylosin 50, tiêm 1ml/2kg thể trọng.
- + Tiamulin 10% tiêm 1ml/4kg thể trọng.
- + Suanovil 5 tiêm 1ml/2kg thể trọng.
- + Bổ trợ B-complex 1g/2 lít nước uống và vitamin C 5% cho uống 0,3 - 0,5 ml/con, tiêm bắp 0,1 - 0,2 ml/gà.

9. Bệnh cầu trùng (Coccidiosis avium)

Điều kiện nóng ẩm của nước ta thuận lợi cho cầu trùng phát triển, nhất là gà vườn dễ bị nhiễm bệnh. Bệnh do các nguyên trùng thuộc bộ cầu trùng (Coccidia) gây ra. Ở gà chủ yếu là giống *Eimeria* thuộc họ Eimeriidae. Đến nay biết được 9 loài thuộc giống *Eimeria* ký sinh trên gà, riêng ở Việt Nam qua điều tra thấy có 6 loài: *E.tenella* ký sinh ở manh tràng, *E.necatrix*; *E.maxima*, *E.miltis*, *E.Acervulina* ở ruột non; *E.brunetti* ở trực tràng.

Đặc điểm của cầu trùng là mỗi loài chỉ ký sinh trên một ký chủ nhất định. Cầu trùng của gà không ký sinh trên vịt, ngỗng, gà tây, bồ câu. Cầu trùng của mỗi loài gia cầm kể trên cũng không nhiễm lẫn sang nhau. Đồng thời mỗi loại lại ký sinh trên một vị trí nhất định trong ruột gà: Cầu trùng manh tràng không ký sinh ở ruột non và ngược lại. Mỗi loài cầu trùng thường cũng chỉ gây tác hại cho gà ở một lứa tuổi nhất định, ví dụ *E.Tenella* chủ yếu gây bệnh cho gà con dưới 45 ngày tuổi, *E.brunetti* chủ yếu ở gà lớn.



Ở môi trường thiên nhiên nang trứng cầu trùng rất bền vững, có thể tồn tại từ vài tháng đến một năm. Trong phân khô nang trứng tồn tại một tháng. Nhiệt độ cao tác động nang trứng dễ chết. Nhiệt độ thích hợp cho cầu trùng phát triển ngoài thiên nhiên là 26 - 32%. Toàn bộ chu kỳ phát triển của cầu trùng ở điều kiện nước ta khoảng một tuần lễ.

- Nhiễm bệnh cho các loại gà

Gà các lứa tuổi đều bị nhiễm cầu trùng nhưng gây bệnh của mỗi loài có khác nhau. Gà non bị bệnh nặng và chết nhiều hơn gà lớn. Cầu trùng *E.Tenella* gây tác hại lớn nhất cho gà con, sau đó đến *E.necatrix*.

Gây bệnh do các thể phân liệt của cầu trùng xâm nhập vào tế bào niêm mạc ruột, phát triển và phá hủy tế bào, gây tổn thương và làm chảy máu, vì thế ở gà bệnh trong phân chứa nhiều máu. Do cầu trùng phát triển nhanh chóng và phá hủy niêm mạc ruột cho nên chính là nơi cửa mở cho hàng loạt vi khuẩn khác xâm nhập gây các bệnh nhiễm trùng đường ruột.

Bệnh cầu trùng manh tràng thường xảy ra ở gà con từ 20 - 45 ngày tuổi, cầu trùng ruột non và ruột già ở gà dò và gà lớn.

Gà sau 2 tháng rưỡi bệnh thường nhẹ, ít gây chết.

- Triệu chứng, bệnh tích

Gà con bị bệnh ủ rũ, bỏ ăn, khát nước, cánh xả, lông xù, đi lại loạng choạng. Phân loãng, lúc đầu màu xanh, sau đó lẫn máu, đôi khi trong phân chỉ toàn máu tươi. Phân dính bết đầy quanh hậu môn. Bệnh cấp tính không được chữa kịp thời gà sẽ chết. Thể bệnh này thường ở gà con bị cầu trùng manh tràng. Khi qua khỏi giai đoạn suy kịch này gà có thể khỏe



bệnh một cách chậm chạp. Gà trên 2 tháng tuổi thường gặp bệnh cầu trùng ở thể mãn tính, yếu gầy, chậm lớn, chân và cánh bại liệt.

Gà bị bệnh khỏi chậm lớn. Bệnh tích cầu trùng thấy rõ là manh tràng phình to gấp 2 - 3 lần bình thường, màu tím đỏ, chất chứa bên trong lẫn nhiều máu, nạo niêm mạc có nhiều vết loét.

Vách ruột non gà bệnh dày lên, màu hồng, nạo niêm mạc có những chấm trắng xám nhỏ, giữa có điểm xuất huyết, chỗ này là nơi tập trung nang trứng cầu trùng.

Gà lớn thường nhiễm cầu trùng trực tràng, gà bị bệnh thì trực tràng có những nếp nhăn, màu đỏ thẫm, loét trông như những bậc thang.

- Phòng chữa bệnh

Trong chăn nuôi gà vườn, bệnh cầu trùng có phần ít gây tác hại hơn bởi lý do:

Bãi vườn ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp nang trứng cầu trùng bị tiêu diệt một phần.

Gà vườn vận động tăng sức đề kháng bệnh.

Từ nhỏ gà đã tiếp xúc ít cầu trùng cho nên đã có sức miễn dịch nhất định nhưng nhiễm liều cao gà vẫn bị bệnh.

Chăn nuôi gà công nghiệp, gà nhốt bệnh xảy ra có khả năng nặng hơn, bởi vì sức đề kháng kém nên dễ bị lây lan.

Gà đã bị bệnh dù chữa khỏi cũng chậm lớn, do vậy phòng bệnh là chính.

Đối với cầu trùng áp dụng phương pháp "trị - phòng" (Therapo-prophylaxia) bằng dùng các loại thuốc có tác



dụng trị cầu trùng trộn vào thức ăn với liều phòng thấp hơn liều chữa (khoảng $1/3$) cho ăn thường xuyên trong suốt thời gian gà dễ bị nhiễm bệnh nhất. Thuốc có tác dụng ngăn trở sự sinh sản và phát triển của cầu trùng và tạo sự miễn dịch vững chắc cho cơ thể gà. Đồng thời cần giữ chuồng khô ráo, sạch sẽ, nuôi gà cùng lứa tuổi. Tổng vệ sinh chuồng trại khi xuất hết đợt gà nuôi. Có điều kiện làm chuồng có sàn lưới nuôi gà con cho phân lọt xuống nền chuồng có vôi bột.

Nước ta đã có nhiều công ty nhập các loại thuốc cầu trùng có tác dụng tốt.

Một số loại thuốc Amprolium, Rigecoccin liều phòng là 12,5g/tạ thức ăn hỗn hợp. Gà thịt cho ăn liên tục thức ăn có trộn thuốc 1 - 8 tuần, cho gà đẻ trứng ăn 10 tuần. Có thể tiết kiệm thuốc bằng công thức dùng 2-2-2: 2 ngày cho ăn, 2 ngày nghỉ lại cho ăn 2 ngày trong suốt thời gian như trên. Nếu gà đã có triệu chứng bệnh trong đàn thì phải dùng liều chữa. Cùng loại thuốc liều chữa phải 35g/tạ thức ăn, cho ăn 3 ngày, nghỉ 3 ngày, lại cho ăn tiếp 3 ngày.

Các loại thuốc Sulfamid như Sulfadimerazin, Sulfaquinoxalin, Sulfadimethoxyl... trong đó loại Sulfaquinoxalin thường được sử dụng. Liều trị 0,04% trong nước uống (0,4g/lít) trong 5 - 7 ngày hoặc 0,1% trong thức ăn (1g/1kg) trong 3 ngày, nghỉ 3 ngày, cho ăn tiếp 3 ngày.

Bệnh cầu trùng phải chữa ngay khi xác định được triệu chứng, soi phân thấy cầu trùng. Chữa khỏi bệnh phải tổng vệ sinh chuồng trại, sân vườn, dụng cụ chăn nuôi. Phân ủ đông, nhiệt độ có thể lên tới 70°C nang trứng cầu trùng trong phân bị diệt trong 5 ngày.



10. Bệnh đậu gà (Fowe-pox)

- Bệnh do virus thuộc nhóm poxvirus gây ra là bệnh truyền nhiễm cấp tính. Ruồi, muỗi, côn trùng... làm trung gian truyền bệnh nguy hiểm. Virus có khả năng sống trong thời gian dài trong điều kiện thời tiết môi trường khác nhau, chịu được khô hanh, ẩm ướt và ánh sáng cả trong mùa giá rét. Virus có thể sống lâu đến 56 ngày trong cơ thể muỗi và truyền sang gà khi đốt gà. Các chất thải của gà bệnh tiếp xúc với gà khỏe có vết xước ở da, hoặc gà ốm vào quanh mắt gà khỏe là bị lây truyền bệnh.

Virus đậu dễ dàng bị diệt khi phun hơi nóng ẩm; formol 3% ở 20°C và hợp chất iod 1/400 làm mất hoạt tính của virus, phenol 5% chỉ 30 phút làm mất hoạt tính của virus.

Bệnh đậu ủ bệnh 4 - 10 ngày. Bệnh đậu có 2 dạng: đậu khô và đậu ướt.

+ Đậu khô (ở da, thể mụn đậu)

Mụn vảy mọc trên da ở những chỗ không có lông: mào, tích, mi mắt, khoeo mỏ, lỗ tai, hậu môn, mặt trong cánh, đùi, chân... Mụn sưng tấy màu hồng nhạt hoặc trắng rồi chuyển sang tím dần. Mụn đậu có loại to, loại nhỏ, lúc đầu có nước rồi đặc quánh, đóng thành vảy dễ bong, ở thể đậu này gà ăn uống kém hơn, gà hay lắc đầu, vẩy mỏ do các mụn vảy, chữa khỏi bệnh gà lại phát triển bình thường, chết ít.

+ Đậu ướt là thể yết hầu, thể màng giả, đậu mọc ở niêm mạc thường gọi là difteria. Bắt đầu niêm mạc miệng, họng, thanh quản viêmcata, gà ho, vẩy mỏ. Sau đó các vết viêm loang dần thành các nốt phồng, niêm mạc màu hồng chuyển dần sang đỏ sẫm, dày lên tạo



thành các lớp màng giả dính chặt vào niêm mạc làm cho gà ăn, thở đều khó khăn, gây sút nhanh. Gà bị sưng mắt, sưng tích, phù thũng. Mắt gà viêm, có ghèn, nhớt, dần dần mắt bị lồi do tích tụ các chất đó trong hốc mắt làm cho mắt gà bị lồi dần. Mũi viêm, chảy nước mũi rồi đặc quánh lại, mặt gà sưng to lên. Ở dạng ỨỚT này gà không ăn uống được, gây yếu, gà con hay bị hơn gà lớn, kéo dài 2 - 4 tuần, tỷ lệ chết cao.

Có những trường hợp gà bị bệnh đậu ở cả 2 thể.

- Phòng trị bệnh

Chăm sóc nuôi dưỡng tốt đàn gà. Vệ sinh khu chăn nuôi chuồng trại sạch sẽ, phun thuốc diệt ruồi muỗi...

Chủng vaccin đậu vào 7 ngày hoặc 14 ngày tuổi toàn đàn, không bỏ sót con nào.

Khi gà chớm bị đậu phải tiêm ngay vaccin đậu cho những gà khỏe, cách ly những con có triệu chứng để chữa trị.

Gà bị đậu dạng khô phải bắt từng con cạy vẩy các mụn rồi chữa hàng ngày bằng cách bôi glycerin, cồn iod, nitrat bạc..., hoặc dùng thuốc tím 1% rửa rồi bôi mỡ chlorocid vào mụn.

Có cách chữa khác dùng chanh, khế rửa nhẹ chỗ mụn rồi bôi dầu hỏa vào mụn sau khi cạy sạch vẩy. Gà bị đậu dạng ướt dùng bông lau sạch màng giả trong miệng rồi bôi hoặc nhỏ thuốc sát trùng nhẹ như glycerin, lugol.

Khi gà bị đậu nên ồm yếu dễ bị nhiễm bệnh thứ phát cho nên cần uống liều phòng các loại kháng sinh như tetracyclin, vitamin B, A.

Chữa bệnh đậu phải kiên trì, chịu khó chữa cho từng con, từng nốt mụn. Các vẩy mụn bong ra phải thu nhặt đem đốt hết để phòng bệnh lây lan.



11. Bệnh bạch ly (Salmonellosis), bệnh thương hàn (typhus avium)

Bệnh lây nhiễm cấp tính hay mãn tính ở gia cầm do vi khuẩn thuộc Genus *Samonella* gây ra. Hiện còn tồn tại 2 quan điểm về nguyên nhân bệnh.

- Bệnh bạch ly (bệnh tả phân trắng) ở gà con do *Samonella pullorum* còn gọi là bệnh Pullorosis và bệnh thương hàn ở gà lớn do *Samonella Gallinarum*, còn gọi là Tifosis aviar.

- Bệnh bạch ly và bệnh thương hàn do *Samonella Pullorum* và *Samonella Gallinarum* là hai vi khuẩn như nhau.

Mầm bệnh thuộc Genus *Samonella* là vi trùng gram âm, chịu đựng tốt trong môi trường bình thường. *Samonella pullorum gallinarum* không chuyển động, phát triển tốt ở 37°C, hoạt tính gây nhiễm, giữ được hàng tháng hoặc lâu hơn ở điều kiện áp suất bình thường trong xác súc vật và trong đất.

Có 2 cách truyền bệnh:

- Truyền dọc từ gà mẹ sang gà con qua trứng nhiễm bệnh từ gà mẹ bệnh, gà trống bệnh đều truyền lây cho trứng. Phôi nhiễm bệnh thường bị chết cao vào giai đoạn ấp cuối. Gà con nở ra nhiễm bệnh ngay từ đầu và chết ngay sau ngày nở, những gà con còn sống đều mang bệnh và trở thành vật mang bệnh không thể hiện lâm sàng.

- Truyền ngang: phân gà ốm mang trùng gây nhiễm bệnh cho thức ăn, nước, dụng cụ chăn nuôi, chuồng trại truyền lây qua miệng, qua vết xước ngoài da của gà khỏe. Động vật có vú ăn trứng, thịt gia cầm bệnh



sẽ thải ra mầm bệnh qua phân gây nhiễm. Vaccin nhược độc chế từ phôi gà có bệnh có thể truyền mầm bệnh cho gà khỏe được tiêm phòng.

- Triệu chứng bệnh tích

Gà con nhiễm bệnh lúc mới nở đến 2 tuần tuổi, cao nhất 1 - 2 ngày đầu. Gà bệnh thì ủ rũ, bỏ ăn, mắt vừa nhắm vừa mở, uống nước nhiều, tiêu chảy, phân có bọt trắng, khảm, đôi khi lẫn máu, phân bết dính có con đến mức lỗ đít bị bịt. Có nhiều đốm hoại tử ở cơ tim, gan, phôi, ruột, mẽ, manh tràng. Lách sưng to, thận tụ huyết, hoặc nhợt nhạt. Gà chết cao vào tuần tuổi thứ 2 và giảm dần vào tuần tuổi 3, 4.

Gà lớn bị bệnh mãn tính (thể ẩn) đẻ sút và không đều, tiêu chảy, phân bết dính, mào rụt, trứng méo mó biến dạng. Bị bệnh ô ạt thì gà sốt, khát nước, nằm phủ phục, phân loãng màu xanh. Bệnh tích điển hình ở buồng trứng gà mái nhiều nang trứng bị hoại tử và méo mó, màu xanh vàng.

- Phòng bệnh

Thực hiện tốt vệ sinh phòng bệnh cho chăn nuôi gà.

Nuôi gà sinh sản, phải kiểm tra phản ứng ngưng kết loại bỏ gà có dương tính để tránh lây truyền dọc bệnh từ gà mẹ sang gà con.

Có thể dùng vaccin vô hoạt keo phèn cho gà bố mẹ 1 - 2ml/gà.

- Trị bệnh

Dùng kháng sinh Neotisol 100mg/kg thể trọng pha nước hoặc trộn thức ăn.

Tetracycline 150 - 160mg/kg thể trọng trong 10 ngày.

Cho bổ trợ vitamin C, B-complex.



12. Bệnh giun đũa

Bệnh giun đũa phổ biến và gây tác hại lớn cho đàn gà nuôi nông hộ, là bệnh ký sinh trùng trên gà mọi lứa tuổi do giun đũa *Ascaridia* gây nên.

Giun đũa là loại giun to nhất ký sinh trong ruột non của gà có giun đực dài 5 - 7cm, con cái 8 - 10cm. Giun màu vàng nhạt hoặc trắng ngà, thân thon dài, miệng có ba môi. Đôi khi giun chui lên cả điều, mề và ruột già. Giun đũa có thể sống trong cơ thể 1 năm. Giun cái đẻ trứng và được bài tiết ra ngoài theo phân.

Gà ăn phải trứng giun ở giai đoạn cảm nhiễm có lẫn trong thức ăn, nước uống vào cơ thể. Đến tá tràng, ấu trùng chui ra khỏi vỏ xâm nhập vào lớp dưới niêm mạc ruột. Sau 1 tuần ấu trùng lại chui ra và sống ở ruột non và thành thực ở đó. Giun cái đẻ trứng và liên tục thải ra ngoài gây ô nhiễm môi trường và tiếp tục lây lan.

- Nhiễm bệnh

Mọi lứa tuổi gà đều nhiễm bệnh nhưng nhiễm nặng nhất ở gà con và gà dò. Gà lớn có sức đề kháng tốt hơn, giun đũa sống trong cơ thể gà lớn phát triển chậm hơn ở gà con. Gà nuôi nhốt, nuôi lồng mức độ cảm nhiễm thấp hơn nuôi chăn thả.

Thức ăn đầy đủ làm cho gà có sức đề kháng bệnh tốt hơn.

Gà nhiễm giun đũa nặng thường còi cọc, chậm lớn, gà thịt gây yếu, gà trứng đẻ giảm. Qua điều tra bình quân một gà chứa 30 - 50 giun, nhiễm nặng tới 200 giun, nhẹ là 10 - 15 giun.



- Triệu chứng, bệnh tích

Gà kém ăn, chậm lớn, phân lỏng rồi thiếu máu, mào nhợt nhạt.

Lấy phân soi kính hiển vi có nhiều trứng giun.

Mổ khám niêm mạc ruột sưng, tụ huyết, có chất dịch rỉ và điểm xuất huyết do ấu trùng xâm nhập vào niêm mạc ruột.

Trong ruột non giun cuộn tròn thành búi, khi quá nhiều gây tắc ruột, có thể làm rách ruột và lạc vào cả mề, diều, ruột già.

- Chữa bệnh

Có nhiều loại thuốc đặc trị tẩy giun đũa, thường dùng loại Piperazin có hiệu lực cao. Thuốc làm tê liệt giun và loại thải nhanh chóng ra khỏi ống tiêu hóa. Liều dùng cho gà 200 - 250mg/kg thể trọng, liên tục 2 - 3 ngày, thải giun sau 1 - 2 ngày. Thuốc piperazin không độc.

Nhiều loại thuốc mới có tác dụng trị được nhiều loại giun cùng lúc như giun đũa, giun kim, giun tóc, giun khí quản..., gồm có: Tetramisol cho liều 40mg/kg thể trọng gà, nếu là dạng cốm Tetramisol 20% của Hungari thì liều 0,2g/kg thể trọng; Mebendazol liều 40mg/kg thể trọng, nếu là Mebenvet của Hungari có chứa 10% Mebendazol thì dùng 0,4g/kg thể trọng; Thiabendazol 200mg/kg thể trọng.



MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	3
I. CÁC GIỐNG GÀ (TA) VƯỜN	5
1. Giống gà vườn nội.....	5
1.1. Gà Ri và Ri pha.....	5
1.2. Gà Đông Tảo.....	8
1.3. Gà Hồ.....	9
1.4. Gà Mía.....	9
2. Giống gà vườn lông màu nhập nội.....	10
2.1. Gà Lương Phượng.....	10
2.2. Gà Kabir.....	11
2.3. Gà Tam Hoàng (Trung Quốc).....	13
II. CHỌN GÀ GIỐNG.....	15
1. Thời điểm chọn và ghép đàn.....	15
2. Cách chọn gà giống.....	15
3. Đánh giá về ngoại hình.....	16
4. Dựa vào huyết thống.....	19
5. Tổng hợp đặc điểm ngoại hình gà mái đẻ tốt, xấu.....	19
6. Ghép trống mái cho đàn gà giống.....	20



III. THỨC ĂN CHĂN NUÔI GÀ.....	22
1. Các loại khẩu phần thức ăn.....	23
2. Các loại nguyên liệu thức ăn.....	24
3. Chế biến và bảo quản thức ăn.....	31
IV. PHƯƠNG THỨC VÀ KỸ THUẬT CHĂN THẢ GÀ TA Ở VƯỜN ĐỒI.....	35
1. Nuôi chăn thả gà là phương thức truyền thống.....	35
2. Hướng cải tiến phương thức chăn nuôi truyền thống.....	35
3. Nhu cầu dinh dưỡng, khẩu phần và định mức ăn cho các loại gà vườn.....	38
4. Nước uống cho gà.....	43
5. Kỹ thuật nuôi dưỡng các loại gà vườn.....	45
V. ẤP TRỨNG.....	62
1. Trứng giống.....	62
2. Ấp tự nhiên.....	65
VI. CHUỒNG TRẠI, SÂN VƯỜN.....	68
1. Các kiểu chuồng gà.....	69
2. Mật độ chuồng nuôi thông thoáng tự nhiên.....	73
3. Vườn đồi.....	73
4. Thiết bị, dụng cụ nuôi gà.....	74



VII. VỆ SINH THÚ Y PHÒNG BỆNH.....81

1. Vệ sinh môi trường và phòng các yếu tố
có hại.....81
2. Vệ sinh trang trại, chuồng nuôi gà.....83
3. Thực hiện đầy đủ qui trình vệ sinh
chuồng trại.....84
4. Một số hóa chất sát trùng.....85
5. Lịch tiêm chủng phòng bệnh.....87

VIII. PHÒNG TRỊ MỘT SỐ BỆNH CHO GÀ.....88

1. Bệnh Niu-cát-xơn.....88
2. Bệnh tụ huyết trùng gà.....91
3. Cúm gia cầm.....92
4. Bệnh Marek.....97
5. Bệnh Gumboro.....99
6. Bệnh viêm đường hô hấp mãn tính.....101
7. Bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm.....104
8. Bệnh viêm phế quản truyền nhiễm.....105
9. Bệnh cầu trùng.....107
10. Bệnh đậu gà.....111
11. Bệnh bạch ly, bệnh thương hàn.....113
12. Bệnh giun đũa.....115



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ

18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: Phòng Quản lý tổng hợp. 04.22149041;

Phòng Phát hành. 04.22149040

Phòng Biên tập: 04.22149034

Fax: 04.37910147 - Email: nxb@vap.ac.vn; www.vap.ac.vn

KỸ THUẬT CHĂN THÀ GÀ TA Ở VƯỜN ĐỒI

GS.TSKH. Lê Hồng Mận

Chịu trách nhiệm xuất bản

GS.TSKH. NGUYỄN KHOA SƠN

Biên tập: Nguyễn Bích Phượng - Lê Phi Loan

Trình bày bìa: Tùng Lâm

Chế bản: Hoài Thu

In 1.000 cuốn, khổ 13 x 19cm, tại Công ty TNHH Đông Thiên. Giấy
đăng ký KHXB số: 436-2010/CXB/023-03/KHTNCN, do Cục XB
cấp ngày 1/4/2010. In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2010.



120

